

TỔNG CÔNG TY SX-XNK CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BÌNH DƯƠNG – CTCP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:62/BC-HĐQT

Bình Dương, ngày 12 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CÔNG TY CỔ PHẦN.
- Tên tiếng anh: BINH DUONG PRODUCING AND TRADING CORPORATION.
- Tên viết tắt: PROTRADE CORP.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 3700148166 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 15/11/2010, cấp thay đổi lần 08 ngày 27/03/2024.

- Vốn điều lệ: 3.000.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 3.000.000.000.000 đồng tại ngày 31/12/2023.
- Địa chỉ: A128, đường 3-2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Số điện thoại: (0274) 3755243
- Email: info@protrade.com.vn
- Website: www.protrade.com.vn
- Mã cổ phiếu: PRT
- Quá trình hình thành và phát triển:

Năm	Sự kiện
1982	Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương, tiền thân là Xí nghiệp sản xuất hàng cao su 3-2 Sông Bé, được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-TU ngày 20/10/1982 của Tỉnh ủy Sông Bé. Nguồn vốn hoạt động ban đầu của xí nghiệp là 4.000.000 đồng, sản phẩm chủ lực là dép xộp cao su đi biển.
1983	Công ty xây dựng xưởng nước đá cây, tiêu thụ sản phẩm hàng ngày, đồng thời mở rộng ra các xưởng phụ trợ như xưởng cưa, xưởng đóng gói bao bì, xưởng cơ khí, xưởng quai dép để chủ động sản xuất, tăng nhanh sản lượng xuất khẩu và sử dụng ngoại tệ mạnh có được (đồng Rúp) đổi hàng đổi lưu gồm những

Năm	Sự kiện
	mặt hàng chiến lược để cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng thiết yếu trong tỉnh.
2002	Từ số vốn ban đầu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) sau hơn 20 năm hoạt động, tổng số vốn của Công ty là 271.000.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi một tỷ đồng), tăng 67.750 lần so với ban đầu.
2006	UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 134/QĐ/ UBND ngày 22/05/2006 chuyển Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con.
2010	UBND tỉnh Bình Dương tiếp tục ban hành Quyết định số 2964/ QĐ- UBND ngày 04/10/2010 về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương thành Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV.
2015	Ngày 18/12/2015, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định 3332/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất –Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV.
2017	Ngày 28/12/2017, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định 3706/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa. Theo đó, vốn điều lệ của công ty cổ phần là 3.000.000.000.000 đồng.
2018	Ngày 26/10/2018, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng Công ty Sản xuất- Xuất nhập khẩu Bình Dương –Công ty cổ phần. Ngày 01/11/2018, Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.
2019	Tổng Công ty Sản xuất –Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần trở thành Công ty đại chúng theo Công văn số 2334/UBCK-GSĐC ngày 11/04/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2020 -nay	<p>Với truyền thống đoàn kết, dám nghĩ dám làm luôn học hỏi và nâng cao năng lực. Cùng với đội ngũ lãnh đạo trẻ tràn đầy nhiệt huyết. Tổng công ty đã và đang vượt qua những thách thức của giai đoạn mới. Phần đầu đóng góp cho tỉnh nhà nhiều công trình mới, giải quyết việc làm cho nhiều lao động và tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ cho xã hội.</p> <p>Tổng Công ty không ngừng phát triển, vươn lên mạnh mẽ, khẳng định vị thế là một trong ba Tổng Công ty dẫn đầu tỉnh Bình Dương. Với nỗ lực đóng góp to lớn, Tổng Công ty mục tiêu đưa tỉnh Bình Dương trở thành địa phương đi đầu cả nước về phát triển kinh tế và thu hút đầu tư..</p>

– Các hình thức khen thưởng tiêu biểu:

❖ Trong quá trình hoạt động Tổng Công ty đã nhận được nhiều Huân chương của Chủ tịch nước:

- Huân chương lao động hạng III của Chủ tịch nước ngày 30/09/1984.
- Huân chương lao động hạng I của Chủ tịch nước ngày 16/11/1985.

• Huân chương Anh hùng lao động của Chủ tịch nước ngày 31/05/2013 cho các thành tích xuất sắc trong công tác từ khi thành lập, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

❖ Các bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen, giấy khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, Bộ Công an, Tổng Liên đoàn lao động, Liên đoàn lao động tỉnh Bình Dương, Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương, Đảng Ủy khối Doanh Nghiệp, Đoàn khối Doanh Nghiệp tỉnh Bình Dương qua các năm.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh theo giấy đăng ký kinh doanh.

❖ Nhóm ngành nghề nông nghiệp và các hoạt động dịch vụ có liên quan:

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa.
- Trồng cây ăn quả.
- Trồng cây cao su.
- Trồng cây lâu năm khác.
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm.
- Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm.

❖ Nhóm ngành nghề hoạt động kinh doanh bất động sản:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

❖ Nhóm ngành nghề hoạt động y tế, hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập

trung:

- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế.
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu.
- Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng.
- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện.

❖ Nhóm ngành nghề bán buôn:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

❖ Nhóm ngành nghề dịch vụ lưu trú:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

❖ Nhóm ngành nghề hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí (sân golf)

- Hoạt động của các cơ sở thể thao.
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

❖ Nhóm ngành nghề vận tải, kho bãi:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.



- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

❖ **Nhóm cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình, cho thuê tài sản vô hình phi tài chính:**

- Cho thuê xe có động cơ.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

❖ **Nhóm ngành nghề hoạt động xây dựng (Khu công nghiệp):**

- Xây dựng nhà ở.
- Xây dựng công trình đường bộ.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

❖ **Nhóm ngành nghề sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy**

- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa.
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa.
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu.

❖ **Nhóm ngành nghề sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic:**

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su.

❖ **Nhóm ngành nghề sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí:**

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá.

❖ **Nhóm ngành nghề sản xuất, chế biến thực phẩm:**

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.

❖ **Nhóm ngành nghề sản xuất trang phục:**

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc.

❖ **Nhóm ngành nghề khai thác khoáng; sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất từ kim loại đúc sẵn:**

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao.
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng.
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu.

❖ **Nhóm ngành nghề lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế:**

- Khai thác gỗ.
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác.
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng.
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.

b. Các lĩnh vực hoạt động chủ lực:

Đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp

Khu công nghiệp Quốc Tế Protrade tọa lạc tại Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương với diện tích 500ha, tổng vốn đầu tư là 150 triệu USD, trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 30 triệu USD. Với 2 dịch vụ chính: cho thuê đất đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cho thuê nhà xưởng xây theo tiêu chuẩn. Đến nay hàng trăm doanh nghiệp đã đăng ký đầu tư, đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Với khu công nghiệp này, Protrade đã và đang góp phần thiết thực trong việc gia tăng các chỉ số: CPI (năng lực cạnh tranh), FDI (thu hút đầu tư nước ngoài), chỉ số xuất nhập khẩu và góp phần tăng tỷ trọng ngành kinh tế công nghiệp trong cơ cấu kinh tế chung của tỉnh Bình Dương.

Dịch vụ Golf & Resort

Sở hữu 3 sân golf lớn ở Bình Dương: Song Be Golf Resort, Twin Doves Golf Club, Harmonie Golf Park.

Sông Bé Golf Resort là sân golf 27 hố đạt tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên ở Việt Nam, được xếp hạng theo tiêu chuẩn của USGA. Nơi đây không chỉ là một sân golf đơn thuần mà đồng thời là khu sinh thái nghỉ dưỡng độc đáo, đã thu hút nhiều golfer từ khắp nơi trên thế giới.

Twin Doves Golf Club: tổng diện tích 165ha nằm trong khu đô thị mới Bình Dương. Twin Doves Golf Club đã xây dựng 1 sân Golf 27 hố và club house tiêu chuẩn quốc tế. Trong tương lai sẽ tiếp tục thi công khách sạn 5 sao, khu biệt thự, nhà cao tầng, trung tâm thương mại dịch vụ, trung tâm hội nghị và trường học quốc tế.

Harmonie Golf Park: Với tổng diện tích là 90 ha. 18 hố golf được thiết kế không những đẹp hoàn hảo mà còn đạt chất lượng tiêu chuẩn quốc tế bởi Jim Engh – Một nhà thiết kế tài ba và nổi tiếng đến từ Colorado – Mỹ với các công trình độc đáo.

Chế biến sữa

FrieslandCampina Việt Nam không chỉ cung cấp cho người dân mỗi năm hơn 1.5 tỷ sản phẩm sữa chất lượng cao, với các nhãn hiệu đã được người dân Việt Nam tin yêu như Dutch Lady, Friso, YoMost, Fristi, Complete... mà còn tạo ra nhiều việc làm trực tiếp và gián tiếp cho người lao động tại Việt Nam, tích cực khởi xướng

và tham gia vào các hoạt động tạo lập giá trị chung cho cộng đồng. Sự đóng góp của FrieslandCampina Việt Nam cho đất nước Việt Nam đã được chính phủ và cộng đồng đánh giá cao. Với hơn 140 năm kinh nghiệm trong ngành sữa với tiêu chuẩn Hà Lan, Dutch Lady luôn hướng đến việc cho ra đời những sản phẩm sữa chất lượng cao, giàu dưỡng chất cho mọi thành viên trong gia đình.

May mặc

Là ngành xuất nhập khẩu chủ lực của Protrade . Sản phẩm cung cấp cho thị trường Châu Âu, Châu Mỹ với các thương hiệu nổi tiếng: Buckle, Rock Revival, Eunina, , Olymp, Miss Me, Bình quân mỗi năm, Công ty đã xuất khẩu trên 4 triệu sản phẩm với nhiều chủng loại: quần jeans 62%, áo sơ mi 38%, Công ty cũng đã thực hiện các quy trình quản lý và quy trình sản xuất đạt được các tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.

Logistics

Về lĩnh vực Logistics, năm 2009 Protrade đã liên doanh với YCH Singapore với tổng vốn đầu tư 283,624,687,500 VND (tương đương 14 triệu USD, trong đó Protrade chiếm 30%. Với quy mô diện tích đất là 6,9 ha, đã đưa vào hoạt động tháng 01/ 2010 trên diện tích kho được xây dựng 70% diện tích đất 4ha giai đoạn 1 với sức chứa gần 27,500 pallet. Hiện YCH Protrade có mở rộng chi nhánh, kho và văn phòng đại diện tại Hà Nội, KHO Bắc Ninh (thuê từ Mapple Tree), và Huế Đà Nẵng. Các khách hàng lớn gồm có: Friesland Campina Việt Nam, Pepsi, Amore Pacific, Carbergs, Dell, Philips, Puma, Decathlon,

Dịch vụ chăm sóc sức khỏe

Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc với tổng giá trị đầu tư trên 1000 tỷ đồng, quy mô 260 giường bệnh. Đây là bệnh viện đầu tiên tại Việt Nam hoạt động theo chuẩn Singapore. Với cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ bác sỹ có kiến thức chuyên sâu, cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao, đã và đang là sự lựa chọn hàng đầu cho phụ nữ và trẻ em tỉnh Bình Dương và nhiều tỉnh thành khác.

Trồng và chế biến mủ cao su

Protrade sở hữu nhiều đồn điền cao su không lồ tại Lào. Với kế hoạch trồng mới 20.000 ha cao su. Đến nay, dự án đã triển khai giai đoạn 1 với diện tích 10.000 ha tại 02 tỉnh Champasak và Salavan. Sản phẩm chủ lực gồm có cao su SVR 3L, SVR 10, CV. Thị trường tiêu thụ: Hàn Quốc, Malaysia, Singapore, Đài Loan, Trung Quốc và công ty sản xuất lốp xe hàng đầu Việt Nam là công ty cao su Đà Nẵng. Bên cạnh ý nghĩa lớn lao về phát triển kinh tế, dự án này còn mang ý nghĩa lớn về mặt chính trị, góp phần quan trọng trong việc đẩy mạnh quan hệ ngoại giao và củng cố tình đoàn kết giữa hai nước Việt – Lào.

Chế biến gỗ

Tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có ở địa phương là cây cao su đã qua thời gian cho mủ, Protrade sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng gỗ gia dụng sang thị trường Nhật Bản. Sản phẩm đa dạng, bao gồm: tủ, bàn, ghế, giường nằm,... Sản lượng xuất khẩu

bình quân hàng năm khoảng 2200 container được khách hàng Nhật Bản độc quyền bao tiêu sản phẩm.

c. Địa bàn kinh doanh:

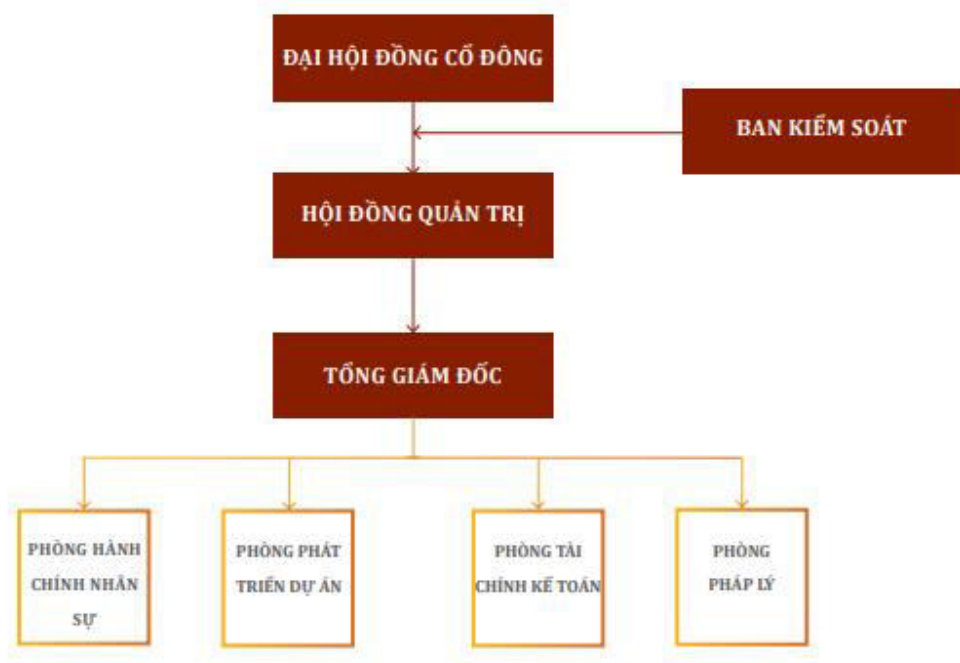
Tổng Công ty tập trung hoạt động chính tại tỉnh Bình Dương, đồng thời mở rộng đầu tư sang nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a. Mô hình quản trị:

Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:



c. Các công ty con, công ty liên kết:

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty mẹ						
1	CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN BÌNH DƯƠNG	75 Bạch Đằng, khu phố 6, phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ ăn uống, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê	50.000.000.000 VNĐ		
Công ty con						

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP THUẬN AN	Châu Văn Tiếp, P. Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Bình Dương	Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tiêu thủ công nghiệp, bách hóa, thực phẩm, xăng dầu,...	9.950.000.000 VNĐ	62,68 %	62,68 %
2	KP APPARELL MANUFACTURING CO.LTD	Vương quốc Campuchia	Sản xuất kinh doanh hàng sợi vải, may mặc,...	2.000.000 USD	100%	100%
3	CÔNG TY TNHH SÂN GOLF PALM SÔNG BÉ	77 đại lộ Bình Dương, Thành phố Thuận An, Bình Dương	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...	915.047.144.712 VNĐ	100%	100%
4	CÔNG TY TNHH MTV GIẤY VĨNH PHÚ	Áp Cây Sắn, xã Lai Uyên, Bến Cát, Bình Dương	Sản xuất, kinh doanh giấy bao bì và các sản phẩm khác từ giấy....	84.522.691.475 VNĐ	100%	100%
5	CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TẾ PROTRADE	An Tây, Thị xã Bến Cát, Bình Dương	Kinh doanh đầu tư hạ tầng KCN,...	621.240.000.000 VNĐ	100%	100%
6	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU DẦU TIẾNG VIỆT LÀO	Khu phố 3, Thị trấn Dầu Tiếng, Huyện Dầu Tiếng, Bình Dương	Trồng và chế biến mủ cao su	700.000.000.000 VNĐ	50,5%	50,5%
Công ty liên kết						
1	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ	P.Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng..	55.000.000 USD	35%	35%
2	CÔNG TY CP BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẠNH PHÚC	Phường Vĩnh Phú, TP Thuận An, Bình Dương	Hoạt động lĩnh vực y tế...	1.224.794.000.000 VNĐ	27,52 %	24%
3	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN TÂN THÀNH	P.Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...	480.000.000.000 VNĐ	41,74 %	30%

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
4	CÔNG TY TNHH FRIESLANDC AMPINA VIỆT NAM	KP Bình Đức, P.Bình Hòa, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	Kinh doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.	294.906.142.000 VNĐ	30%	30%
5	CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG VƯỢNG	Nguyễn Văn Tiết, P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, đồ gỗ xây dựng, cửa, xẻ gỗ...	150.000.000.000 VNĐ	30,9%	30,9%
6	CÔNG TY TNHH YCH – PROTRADE	KP Đồng An, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	Kinh doanh vận tải, kho vận...	162.071.250.000 VNĐ (tương đương 8.000.000 USD)	30%	30%
7	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG	KP Bình Hòa, P.Lái Thiêu, TP Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc...	247.999.200.000 VNĐ	47,71 %	47,71 %

4. Định hướng phát triển:

a. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi:

- Tầm nhìn: Trở thành đối tác quan trọng có sức ảnh hưởng mạnh mẽ tới thị trường các nước trong khu vực Đông Nam Á, châu Á, châu Âu và vươn tới cả thế giới. Tiếp tục đa dạng nhóm ngành hàng để mở rộng qui mô về nhân lực, cơ sở vật chất và nhóm sản phẩm. Trong tương lai, Protrade còn mở rộng sang lĩnh vực tài chính để phát triển đa dạng và toàn diện hơn.

- Sứ mệnh: Tạo ra những sản phẩm, dịch vụ tiện ích, chất lượng cao phục vụ đời sống con người, góp phần phát triển kinh tế và xây dựng đất nước giàu mạnh. Đồng thời, tối đa hóa giá trị vốn chủ sở hữu và cố gắng mang lại nguồn lợi hiệu quả nhất từ việc sử dụng vốn.

- Giá trị cốt lõi: Phát huy thế mạnh sẵn có của địa phương để tạo ra các giá trị phục vụ sản xuất và đời sống người dân. Đồng thời, nỗ lực đem lại công ăn việc làm cho người dân địa phương, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và từng bước giúp công nhân viên, cán bộ công ty nâng cao chất lượng đời sống.

b. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Khẳng định thương hiệu công ty, đồng thời mở rộng phát triển thị trường, không chỉ trong nước mà còn quốc tế.

- Định hướng trở thành một Tập đoàn đa ngành nghề, đa lĩnh vực vững mạnh, dựa trên những thế mạnh hiện tại của Công ty.

- Duy trì phát huy các lĩnh vực sẵn có. Đẩy mạnh phát triển và tập trung vào phân

khúc cao cấp, mang lại giá trị cao và ít bị cạnh tranh.

- Chú trọng đổi mới công nghệ, ứng dụng các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện trình độ chuyên môn, công tác.

- Nâng cao năng lực tài chính, kiểm soát chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm duy trì sự phát triển liên tục, ổn định và vững chắc.

c. Chiến lược phát triển trung dài hạn:

- Chiến lược phát triển của Tổng Công ty Sản xuất- Xuất nhập khẩu Bình Dương- CTCP là tiếp tục kế thừa và đầu tư chuyên sâu vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã định hình và phát triển trong hơn 40 năm qua với 03 lĩnh vực ngành nghề có sự tương trợ lẫn nhau. Trong đó, bám sát vào cơ cấu ngành dịch vụ- công nghiệp- nông nghiệp như sau:

- **Lĩnh vực dịch vụ:** Đầu tư tài chính, tập trung vào các ngành dịch vụ thể thao giải trí cao cấp, phát triển các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe có đóng góp vượt trội cho cộng đồng. Đầu tư kinh doanh khu dân cư, bất động sản. Phát triển dịch vụ logistics.

- **Lĩnh vực công nghiệp:** Tiếp tục phát triển kinh doanh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tập trung phát triển các ngành sản xuất giấy, gỗ, đồ gia dụng, may mặc ứng dụng hiện đại hóa máy móc, thiết bị và quy trình sản xuất, đầu tư chiều sâu, nâng cao năng suất lao động và bảo vệ môi trường.

- **Lĩnh vực nông nghiệp:** Trồng cây công nghiệp, cây cao su, chế biến mủ cao su. Nhằm mục tiêu nghiên cứu triển khai mô hình sản xuất nông nghiệp năng suất cao, hướng đến phát triển cộng đồng nông dân và nông thôn.

- Việc đầu tư tài chính trực tiếp và gián tiếp của Tổng Công ty Sản xuất- Xuất nhập khẩu Bình Dương- CTCP sẽ đóng vai trò chủ đạo để định hướng phát triển các ngành sản xuất. Thực hiện đầu tư vốn với vai trò sáng lập và định hướng, ưu tiên huy động vốn từ nhiều thành phần kinh tế để tạo nên sức mạnh tài chính và tối ưu hóa hiệu quả đầu tư ở các ngành kinh doanh.

d. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Tổng Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt những quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, chú trọng phòng chống cháy nổ, an toàn lao động.

- Xử lý nguồn nước, chất thải theo đúng quy định, giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Quan tâm đến đời sống tinh thần lẫn vật chất của người lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho CBNV. Tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo, an toàn, để người lao động phát huy thế mạnh của bản thân góp phần vào sự phát triển ngày một vững mạnh cho Tổng Công ty.

5. Các rủi ro:

a. Rủi ro chính sách:

Tổng Công ty có thể gặp rủi ro chính sách bởi bản chất là doanh nghiệp được cổ

phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước. Hiện tại, đại diện nhà nước vẫn nắm giữ phần lớn quyền chi phối với tỷ lệ sở hữu gần 61% vốn điều lệ. Do đó, việc quản lý của Tổng Công ty bên cạnh tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp đối với mô hình công ty cổ phần, còn phải áp dụng các quy định của doanh nghiệp có vốn chi phối nhà nước. Những tồn tại khác biệt giữa các quy định có thể ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động và ra quyết định của Tổng Công ty.

b. Rủi ro chiến lược:

Là Tổng Công ty với hoạt động kinh doanh cốt lõi là đầu tư vào các công ty, con ty liên kết, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị này có thể trực tiếp ảnh hưởng đến cô tức hoặc lợi nhuận được chia mà Tổng Công ty nhận được, thậm chí là các khoản lỗ.

Với danh mục đầu tư đa dạng, thực hiện chiến lược “Không bỏ tất cả trứng vào một rổ”, Tổng Công ty đang đi trên con đường tìm kiếm suất sinh lợi hiệu quả dài hạn trong ngành đầu tư tài chính. Trước và sau cổ phần hóa, các ngành nghề đầu tư đều là các ngành nghề Tổng Công ty rất có nhiều kinh nghiệm như dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thể thao giải trí cao cấp, may mặc, chế biến gỗ, chế biến giấy bao bì, cho thuê hạ tầng khu công nghiệp, Tổng Công ty còn định hướng mở rộng đầu tư sang lĩnh vực bất động sản quanh sân golf. Trong các ngành nghề này, có những ngành cần suất đầu tư lớn với thời gian hoàn vốn lâu, có thể tạo áp lực về nợ vay và dòng tiền cho Tổng Công ty trong ngắn hạn và trung hạn. Nhận biết được rủi ro, Tổng Công Ty luôn lên chiến lược quản lý hiệu quả danh mục đầu tư, thận trọng trong việc đánh giá triển khai các dự án, đồng thời ghi nhận ý kiến tư vấn của nhiều chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành, từ đó bảo toàn và tối đa hóa lợi nhuận cuối cùng của Tổng Công ty.

c. Rủi ro khác:

Một số ít rủi ro mang tính bất khả kháng, ít khả năng xảy ra như thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh,...có thể gây những tổn thất không đáng có. Để giảm thiểu tác động của rủi ro khác, Tổng Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan đến phòng cháy chữa cháy, biện pháp cứu nạn cứu hộ, vệ sinh an toàn lao động; đồng thời, tính toán xác suất, chuẩn bị trước các gói bảo hiểm cho tài sản, con người.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Tổng Công ty tập trung hoạt động đầu tư tài chính vào các công ty con và công ty liên kết hoạt động trong ba lĩnh vực chính: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ:

Nông nghiệp: Trồng và chế biến mủ cao su tại Cộng hòa Nhân dân Lào thông qua Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào với tỷ lệ sở hữu là 50,5%.

Dịch vụ: Sở hữu 3 sân golf với tổng diện tích là 414 ha tại tỉnh Bình Dương; Tổng Công ty hiện là chủ đầu tư Khu công nghiệp với diện tích quy hoạch 500ha đất tại khu công nghiệp Quốc tế Protrade với tỷ lệ lấp đầy 87%, nằm trong tổng diện tích hơn



1.350 ha của Khu phức hợp Công nghiệp và Dịch vụ An Tây, thị xã Bến Cát .Tiếp đó, Tổng công ty còn sở hữu 24% cổ phần của Bệnh viện đa khoa quốc tế Hạnh Phúc với quy mô 260 giường. Ngoài ra PRT cũng sở hữu 30% cổ phần tại CTCP YCH – Protrade chuyên cung cấp dịch vụ logistics.

Công nghiệp:

Đối với thị trường xuất khẩu: Tổng Công ty sở hữu 47,71% cổ phần của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương chuyên sản xuất áo sơ mi, quần âu, quần jean. Bên cạnh đó là sở hữu 30,9% cổ phần của CTCP Hưng Vượng chuyên sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu 100% vào thị trường châu Âu...

Đối với thị trường trong nước: Tổng Công ty sở hữu 30% cổ phần trong liên doanh FrieslandCampina Việt Nam chuyên cung cấp sữa và các sản phẩm từ sữa; 100% cổ phần tại Công ty TNHH MTV Vĩnh Phú chuyên sản xuất bao bì và các sản phẩm từ giấy.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 [kế hoạch]	Năm 2023 [thực hiện]	Năm 2022 [thực hiện]	TH 2023 /KH 2023	Năm 2023/ Năm 2022
1. Tổng doanh thu	1.657.739	1.299.482	1.841.747	78,39%	70,56%
1.1 Doanh thu thuần hoạt động SXKD	1.387.562	1.156.455	1.605.379	83,34%	72,04%
1.2 Doanh thu hoạt động tài chính	37.786	48.637	82.889	128,72%	58,68%
1.3 Thu nhập khác	520	5.221	1.345	1003,99%	388,30%
1.4 Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	231.871	89.169	152.134	38,46%	58,61%
2. Tổng chi phí	1.387.287	1.132.164	1.489.572	81,61%	76,01%
2.1 Giá vốn hàng bán	1.032.871	797.986	1.162.668	77,26%	68,63%
2.2 Chi phí QLDN	306.353	267.185	165.872	87,21%	161,08%
2.3 Chi phí tài chính	10.910	22.214	47.437	203,61%	46,83%
2.4 Chi phí khác	655	1.723	35.801	262,99%	4,81%
2.5 Chi phí bán hàng	36.498	43.056	47.234	117,97%	91,15%
3. Lợi nhuận trước thuế	270.452	167.319	382.735	61,87%	43,72%
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	238.519	118.510	317.243	49,69%	37,36%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%Năm 2023/ Năm 2022
1	Doanh thu thuần	1.605.379	1.156.455	72,04%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	417.191	163.821	39,27%
3	Lợi nhuận trước thuế	382.735	167.319	43,72%
4	Lợi nhuận sau thuế	317.243	118.510	37,36%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	899	328	36,48%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023

Năm 2023 là một năm đầy thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty nói chung và các công ty trong hệ sinh thái nói riêng. Bối cảnh nền kinh tế lạm

phát cao, nhu cầu tiêu dùng sụt giảm đã khiến doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất chỉ đạt 83,34% so với kế hoạch đề ra, giảm 27,96% cùng kỳ. Hỗ trợ cho kết quả Tổng doanh thu, doanh thu tài chính từ hoạt động đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết ghi nhận tương đối khả quan, đạt 128,72% so với kế hoạch nhờ đóng góp lớn vượt kế hoạch từ Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương.

Về phía chi phí, chi phí tài chính tăng gần gấp đôi so với kế hoạch, và có xu hướng giảm so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính là Công ty phải huy động vốn vay tại các đơn vị mà Tổng Công ty có vốn góp để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo bản án. Ngoài ra, chi phí dự phòng tài chính cũng tăng mạnh bởi ảnh hưởng của biến động tỷ giá khiến nguồn vốn chủ sở hữu của một số đơn vị bị ảnh hưởng khi quy đổi báo cáo tài chính.

Với những nỗ lực kiểm soát chi phí, tối ưu hóa hoạt động đầu tư và tìm kiếm các giải pháp kinh doanh phù hợp, Tổng Công ty tin tưởng sẽ vượt qua được giai đoạn khó khăn, đảm bảo hiệu quả và phát triển bền vững trong tương lai.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Doanh thu theo	Năm 2022	Năm 2023	% Năm 2023/ Năm 2022
1	Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	1.107.476	651.443	58,82%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	249.230	270.572	108,56%
3	Doanh thu kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	250.319	236.018	94,29%
4	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	1.607.026	1.158.034	72,06%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	1.605.379	1.156.455	72,04%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023

Mảng bán hàng hóa thành phẩm:

Mảng bán hàng hóa thành phẩm tiếp tục là trụ cột doanh thu của Tổng Công ty, đóng góp 651,44 tỷ đồng trong năm 2023. Nguồn thu chính đến từ hoạt động sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng xăng dầu, chế biến mủ cao su của hai công ty: Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An và Công ty CP Cao Su Dầu Tiếng Việt Lào. Năm 2023, bên cạnh sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành trong bối cảnh tiêu dùng giảm sút, Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú hoạt động không hiệu quả, không có đơn hàng, không tiêu thụ được hàng hóa dẫn đến hàng tồn kho nhiều trong khi giá thành vốn rất cao, đồng thời vấn đề ô nhiễm môi trường chưa được xử lý triệt để, do đó buộc phải tạm ngừng hoạt động sản xuất kể từ ngày 15/03/2023. Dự

kiến trong năm 2024 sẽ hoàn tất thủ tục giải thể Giấy Vĩnh Phú.

Mảng cung cấp dịch vụ

Năm 2023, mảng cung cấp dịch vụ có xu hướng gia tăng tỷ trọng, đứng thứ hai trong có cấu doanh thu. Nguồn thu năm 2023 từ mảng kinh doanh này được ghi nhận là 270,57 tỷ đồng, chủ yếu thu từ hoạt động kinh doanh của các Công ty như: Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé và Công ty TNHH MTV Quốc tế Protate. Tổng Công ty đã và đang đầu tư vào hoạt động kinh doanh dịch vụ sân Golf với tiềm năng phát triển của ngành tại Bình Dương rất lớn. Hiện nay, Tổng Công ty sở hữu cổ phần ba sân golf tại Bình Dương với tổng diện tích 414 ha, trong đó sân golf Palm Sông Bé (100%), sân golf Phú Mỹ - Twin Doves (35%) và sân golf Tân Thành - Harmonie (30%). Nhằm gia tăng trải nghiệm khách hàng đối với dịch vụ sân golf, Tổng Công ty đang triển khai nghiên cứu tính khả thi của các dự án bất động sản trong sân golf như khách sạn tiêu chuẩn từ 4 - 5 sao, khu nhà ở cao cấp, khu căn hộ cao cấp, khu dân cư thương mại phức hợp và trung tâm hội nghị, triển lãm quốc tế. Đây được xem là động lực giúp gia tăng nguồn thu từ mảng kinh doanh này trong thời gian tới.

Mảng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp

Đây là một trong những mảng kinh doanh chính của Tổng Công ty, đóng góp lớn vào nguồn doanh thu trong nhiều năm qua. Thông qua công ty con với 100% vốn góp là Công Ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade, Tổng Công ty hiện đang sở hữu 500 ha đất tại khu công nghiệp Quốc tế Protrade với tỷ lệ lấp đầy 87%, nằm trong tổng diện tích hơn 1.350 ha của Khu phức hợp Công nghiệp và Dịch vụ An Tây, thị xã Bến Cát. Sức hút của dự án hứa hẹn sẽ tiếp tục gia tăng đóng góp vào doanh thu chung của Tổng Công ty trong tương lai.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành tại thời điểm 31/12/2023:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (*)	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Ông Nguyễn An Định	Tổng Giám đốc	0	0%
2	Ông Lê Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	70.000	0,023%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Kế toán trưởng	7.000	0,0023%
3	Ông Huỳnh Hữu Hùng	Giám Đốc Phát triển Dự án	105.000	0,0350%
4	Bà Lê Thị Thanh Thủy	Giám đốc Pháp Lý	0	0%
5	Ông Ngô Châu Bình	Giám Đốc Hành chính Nhân Sự	30.500	0,0102%

- Tóm tắt lý lịch Ban Điều Hành đến ngày 31/12/2023:

Stt	Họ và Tên Thông tin cơ bản	Quá trình công tác
1	<p>Ông Nguyễn An Định</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổng Giám Đốc. Sinh năm: 1977. Trình độ: Cử nhân kinh tế - tài chính tín dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> 1999-2003: Kế toán, Kế toán Trưởng tại Công ty TNHH Chấn Kiệt (Chaiki Co.,Ltd), Công ty Liên Doanh Phú Diệu, Công ty TNHH Chean Yuan Việt Nam. 09/2003 – 12/2017: Kế toán trưởng, Phó Giám đốc, Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát 10/2016 - 04/2022: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương 07/2019 – 31/12/2023: Thành viên HĐQT Tổng Công Ty Sản Xuất – Xuất Nhập Khẩu Bình Dương – CTCP. 04/2020 – 31/12/2023: Tổng Giám đốc Tổng Công Ty Sản Xuất – Xuất Nhập Khẩu Bình Dương – CTCP.
2	<p>Ông Lê Trọng Nghĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> Phó Tổng giám Đốc. Sinh năm: 1990. Trình độ: Cử nhân tài chính- Thạc sĩ QTKD. 	<ul style="list-style-type: none"> 06/2013 - 11/2015: Nhân viên phòng tài chính – kế toán Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV; 12/2015 - 11/2017: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành; 12/2017 - 05/2020: Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành; 05/2020 – 31/12/2023: Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành. 10/2018 – 06/2021: Thành viên HĐQT độc lập - Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP 06/2021 – 31/12/2023: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.
3	<p>Bà Nguyễn Thị Kim Phụng</p> <ul style="list-style-type: none"> Kế Toán trưởng. Sinh năm: 1988. Trình độ: Thạc sĩ Kế toán. 	<ul style="list-style-type: none"> 2011 - 2015: Phụ trách Kế toán công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương. 2015 - 2021: Kế toán tổng hợp Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP. 2022 - nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.
4	<p>Ông Huỳnh Hữu Hùng</p> <ul style="list-style-type: none"> Giám Đốc Phát triển Dự án. Sinh năm: 1979. Trình độ: Kỹ sư xây dựng. 	<ul style="list-style-type: none"> 2002-2004: Cán bộ kỹ thuật công ty Vận tải và Xây dựng Công trình Giao thông – Chi nhánh phía Nam 2004-2011: Phó phòng Quản lý dự án công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng CIDECO. 2011-2018: Chuyên viên phòng Phát Triển Dự Án – Tổng công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP 2018-nay: Giám đốc Phát Triển Dự Án - Tổng công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.
5	<p>Bà Lê Thị Thanh Thủy</p> <ul style="list-style-type: none"> Giám đốc Pháp Lý. Sinh năm: 1988. Trình độ: Cử nhân luật. 	<ul style="list-style-type: none"> 2010 - 2012: Trưởng phòng Tư vấn công ty Luật hợp doanh Phước Lý. 2012 - 2013: Chuyên viên pháp lý công ty CP Đức Khải. 2013 - 2014: Chuyên viên pháp lý công ty CP An Phú. 2014 - 2017: Giám đốc Pháp lý công ty CP Đầu tư Xây dựng An Gia Hưng. 2017 - 2018: Giám đốc Đầu tư Phát triển Dự án công ty CP TNG Holdings. 2018 - 2020: Giám đốc Pháp lý kiêm Phát triển Dự án công ty CP SenReal.

Stt	Họ và Tên Thông tin cơ bản	Quá trình công tác
		<ul style="list-style-type: none"> • 2020 - 2021: Giám đốc Pháp lý hoàn thiện tại Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long và Giám đốc pháp lý tại Công ty cổ phần GB. • 2021 - 01/2022: Trợ lý Tổng Giám đốc. • 01/2022 – 31/12/2023: Giám đốc Pháp lý Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.
5	Ông Ngô Châu Bình <ul style="list-style-type: none"> • Giám Đốc Hành chính Nhân Sự. • Sinh năm: 1986. • Trình độ: Thạc sĩ QTKD. 	<ul style="list-style-type: none"> • 2014-2017: Nhân viên phòng Marketing công ty TNHH sân Golf Palm Sông Bé. • 2017-04/2021: Chuyên viên cấp cao phòng Marketing Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade. • 04/2021-07/2021: Phó Trưởng phòng Hành Chính Nhân Sự công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade. • 07/2021-12/2022: Phó Giám Đốc Hành Chính Nhân Sự Tổng Công Ty SX-XNK Bình Dương – CTCP. • 01/2023 – nay: Giám Đốc Hành Chính Nhân Sự Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Bổ nhiệm ông Ngô Châu Bình vị trí Giám Đốc Hành chính Nhân sự thời gian 05 năm từ ngày 01/01/2023 theo quyết định số 60/QĐ-TCTY của Tổng Giám đốc Tổng Công ty ngày 29/12/2022.

+ Tái bổ nhiệm ông Huỳnh Hữu Hùng vị trí Giám đốc Phát triển Dự án thời gian 05 năm từ ngày 01/11/2023 theo quyết định số 36A/QĐ-TCTY của Tổng Giám đốc Tổng Công ty ngày 01/11/2023.

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2023: 51 người.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ		
1	Trên đại học	04	7.84 %
2	Đại học	17	33.33 %
3	Cao đẳng	02	3.92 %
4	Trung cấp	01	1.96 %
5	Phổ thông	27	52.94%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động		
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	20	39.22%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	29	56.86%
3	Bổ nhiệm	02	3.92%
4	Thử việc	00	00%

- Mức thu nhập bình quân:

Năm	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng)	24.198.280	25.059.715	28.974.648

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

❖ Về đào tạo:

Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao là mục tiêu then chốt của Tổng Công ty. Để đạt được mục tiêu này, Tổng Công ty đã triển khai hệ thống chính sách đào tạo chuyên nghiệp và hiệu quả. Hằng năm, Tổng Công ty luôn tạo điều kiện tối đa để CB-CNV được tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng phục vụ công việc. Từng bước hình thành đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp, mỗi cá nhân trong Tổng Công ty đều được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để hoàn thành tốt nhất công việc, góp phần vào sự thành công chung của Tổng Công ty.

❖ Về tuyển dụng:

Tổng Công ty luôn xem con người là nhân tố cốt lõi của tổ chức. Vì thế, nhân sự được tuyển dụng không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại mà còn là nhân tố để phát triển trong tương lai. Tổng Công ty đã xây dựng đội ngũ cán bộ thực hiện công tác xây dựng kế hoạch mục tiêu, phương án tổ chức triển khai việc tuyển dụng, kế hoạch định kỳ theo dõi, bám sát các nhân sự thử việc sau tuyển dụng để kịp thời hỗ trợ trong thời gian các ứng viên mới hòa nhập công việc. Việc tuyển dụng được công bố công khai trên website công ty cho từng đối tượng với các vị trí khác nhau. Quy trình tuyển dụng linh hoạt, tuân thủ nguyên tắc minh bạch và khách quan, đảm bảo tính công bằng cho mọi ứng viên, nâng cao giá trị thương hiệu của Tổng Công ty.

❖ Về môi trường công việc:

Thứ nhất, Tổng Công ty luôn đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, đặt sức khỏe và sự an toàn của người lao động lên hàng đầu. Thứ hai, đảm bảo người lao động có dụng cụ làm việc, trang thiết bị cần thiết với chất lượng đảm bảo theo quy định. Thứ ba, điều kiện vệ sinh xung quanh khu vực làm việc phải an toàn đối với sức khỏe, đáp ứng các quy định môi trường làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước. Ngoài 3 tiêu chí trên, Tổng Công ty còn chú trọng văn hóa làm việc chuyên nghiệp và hiện đại, tạo cơ hội cho người lao động phát triển bản thân và đóng góp tích cực vào sự thành công và phát triển của Tổng Công ty.

❖ Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư hướng dẫn số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng Công ty tuân thủ chi trả theo đúng quy định, đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong công tác xây dựng chính sách lương. Để gia tăng động lực thăng tiến cho người lao động, Tổng Công ty có kế hoạch lộ trình tăng lương, thưởng hấp dẫn và phù hợp với vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của người lao động.

Protrade đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh chính sách của người lao động được quy định trong Luật Lao động và Luật bảo hiểm xã hội. Cụ thể, đảm bảo đúng nguyên tắc trong thiết lập hợp đồng làm động, thực hiện thanh toán đầy đủ BHXH, BHYT,



BHTN cho người lao động 100%, đảm bảo đầy đủ và hoàn thiện chính sách đối với lao động nữ như thai sản, nghỉ khám thai.

Để bảo vệ sức khỏe của người lao động, hằng năm Tổng Công ty luôn tổ chức khám sức khỏe định kỳ tại các bệnh viện lớn, có uy tín, trình độ y khoa cao và trang thiết bị hiện đại. Ngoài ra, người lao động còn được chăm lo đời sống tinh thần qua các chuyến du lịch nghỉ dưỡng, hội thao, văn nghệ vào các dịp lễ trong năm. Nhờ đó mà tinh thần làm việc càng hăng say, tình đoàn kết trong toàn thể nhân viên ngày càng bền vững.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

Không có.

b. Các công ty con, công ty liên kết:

	31/12/2023			01/01/2023		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu (VND)
Công ty CP Phát triển Phú Mỹ	35,00%	35,00%	49.052.241.080	35,00%	35,00%	61.481.570.081
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	30,00%	30,00%	130.476.956.315	30,00%	30,00%	149.021.108.586
Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	27,52%	24,00%	169.655.733.087	27,52%	24,00%	144.471.536.245
Công ty CP Hưng Vượng	30,90%	30,90%	3.414.669.512	30,90%	30,90%	7.804.525.108
Công ty TNHH YCH-PROTRADE	30,00%	30,00%	105.057.003.487	30,00%	30,00%	80.166.963.831
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	41,74%	30,00%	97.563.285.996	41,74%	30,00%	108.904.778.259
Công ty CP May mặc Bình Dương	47,71%	47,71%	262.881.619.776	47,71%	47,71%	251.576.130.502
Tổng cộng			818.101.509.253			803.426.612.612

Tình hình đầu tư tại Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú: Trong năm 2023, sau khi HĐQT thống nhất tạm ngừng hoạt động sản xuất của Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐQT ngày 13/3/2023 thì Ban Điều hành Công ty Giấy Vĩnh Phú đã tổ chức triển khai việc tạm ngừng sản xuất từ ngày 15/3/2023. Dự kiến sau khi ĐHĐCĐ thường niên 2024 Tổng Công ty thông qua chủ trương giải thể Giấy Vĩnh Phú, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty sẽ tổ chức việc lập phương án và triển khai các thủ tục giải thể Công ty Giấy Vĩnh Phú.

Đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành, Tổng Công ty đang chờ các cấp có thẩm quyền hướng dẫn xử lý thực hiện theo quy định.

Ngoài ra, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục bám sát và thực hiện theo chủ trương

của HĐQT về các vấn đề còn lại.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính (theo BCTC Hợp nhất 2023):

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Năm 2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	5.737.429	5.832.388	101,66%
2	Doanh thu thuần	1.605.379	1.156.455	72,04%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	417.191	163.821	39,27%
4	Lợi nhuận khác	(34.456)	3.498	
5	Lợi nhuận trước thuế	382.735	167.319	43,72%
6	Lợi nhuận sau thuế	317.243	118.510	37,36%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (theo Báo cáo của Ban TGD năm 2023):

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	1,64	0,64	
Hệ số thanh toán nhanh: (<i>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>)/ <i>Nợ ngắn hạn</i>	1,47	0,54	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,18	0,29	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,22	0,41	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	0,18	0,003	
Vòng quay tổng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>)	0,09	0,06	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	46,96%	19,42%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	4,89%	1,61%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	3,99%	1,14%	

+ **Hệ số khả năng thanh toán:** Hệ số khả năng thanh toán năm 2023 của Tổng Công ty tuy có giảm so với năm 2022, tuy nhiên hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngắn hạn đều >0,5 điều này cho thấy tài sản của Tổng Công ty trong năm 2023 đủ



để đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, đảm bảo được tính liên tục trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nguyên nhân, biến động hệ số thanh toán là do trong năm 2023 để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Bản án hình sự phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV, Tổng Công ty phải huy động tất cả nguồn tiền thông qua việc vay vốn ngắn hạn tại các đơn vị mà Tổng Công ty có vốn góp và tổ chức tín dụng với tổng số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2023 là: 435,5 tỷ đồng .

+ **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:** Năm 2023, qua các chỉ số về cơ cấu vốn đã thể hiện việc Tổng Công ty hoạt động đầu tư kinh doanh không phụ thuộc vào việc vay nợ, Tổng Công ty đã tự chủ được nguồn tài chính.

+ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** Trong năm 2023 việc kinh doanh cây cảnh của Tổng Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của sự suy thoái kinh tế, nhu cầu của khách hàng đối với cây cảnh không còn nhiều như trước đây nên việc bán cây cảnh của Tổng Công ty cũng không thuận lợi như kỳ vọng đã đề ra. Do đó, vòng quay hàng tồn kho tiếp tục giảm so với năm 2022.

+ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:** Các chỉ số về khả năng sinh lời của Tổng Công ty năm 2023 giảm đáng kể so với năm 2022, nguyên nhân do tổng lợi nhuận sau thuế của năm 2023 chỉ đạt 32% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân là do theo nghị quyết 77/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty đã thống nhất phê duyệt cho phép Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng khoản phải thu tiền sử dụng đất theo bản án số 912/2022/HSPT ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hà Nội, Quyết định thi hành án số 681/QĐ-CTHADS ngày 20/02/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hà Nội và kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV với tổng số tiền phải nộp tiền sử dụng đất bổ sung là: 1.060.224.751.454 đồng, phân bổ trong vòng 15 năm kể từ năm 2023 tại từng thời điểm lập báo cáo tài chính, do đó trong năm 2023 Tổng Công ty đã trích lập chi phí dự phòng Bản án là khoảng 70 tỷ đồng. Ngoài ra, do sự biến động về tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính từ LAK sang VNĐ dẫn đến nguồn vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào bị ảnh hưởng khi chuyển đổi báo cáo, vì vậy Tổng Công ty phải trích lập dự phòng là khoảng 29 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tình hình kinh doanh của FCV trong những năm gần đây bị ảnh hưởng nghiêm trọng do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế, sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành. Vì vậy, trong năm 2023 Tổng Công ty chỉ ghi nhận lợi nhuận được chia từ FCV 39 tỷ đồng giảm 70% so với năm 2022 là 126,9 tỷ đồng .

Tóm lại: Năm 2023 tiếp tục là một năm có nhiều khó khăn, thách thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước do kinh tế thế giới có xu hướng tăng chậm lại cũng như ghi nhận là một năm đầy khó khăn và áp lực tài chính đối với Tổng Công ty khi phải sắp xếp nguồn tài chính để thi hành bản án số 912/2022/HSPT ngày 28/12/2022 theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, trước nỗ lực vượt khó cùng sự quyết tâm cao của Ban Điều hành và tập thể cán bộ CNV thì một số công ty chủ chốt mang lại hiệu

quả kinh doanh cho Tổng Công ty như Công ty Quốc tế Protrade lợi nhuận tăng 20% so với kế hoạch, Sân Golf Palm Sông Bé tăng 319% so với kế hoạch, Công ty cổ phần May mặc Bình Dương tăng 8,43 % so với kế hoạch. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng đã nỗ lực phấn đấu và sắp xếp dòng tiền để hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế và Cục thi hành án trong thời gian nhanh nhất.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Căn cứ trên danh sách cổ đông chốt ngày 29/03/2024 từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 300.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 300.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 299.838.100 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 161.900 cổ phần.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu			
1	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	239.927.400	2.399.274.000.000	79,9758%
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn CP	60.072.600	600.726.000.000	20,0242%
II	Cổ đông Nhà nước	182.927.400	1.829.274.000	60,9758%
III	Cổ đông trong nước	117.070.400	1,170,704,000,000	39,0235%
1	Cá nhân	36.258.185	362.581.850.000	12,0861%
2	Tổ chức	80.812.215	808.122.150.000	26,9374%
IV	Cổ đông nước ngoài	2.200	22.000.000	0,0007%
1	Cá nhân	2.200	22.000.000	0,0007%
2	Tổ chức			
Tổng cộng (II+III+IV)		300.000.000	3.000.000.000.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

Danh sách cổ đông lớn, cổ đông nhà nước:

Tên cá nhân /tổ chức (người đại diện)	ĐKKD	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ghi chú
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương	3702418724	182.927.400	60,976%	Cổ đông nhà nước, Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Sam Holdings	3600253537	24.000.000	8%	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Đầu tư U&I	3700501180	18.000.000	6%	Cổ đông lớn
Bà Trần Thị Thu Hà	052175001408	15.000.000	5%	Cổ đông lớn

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có.

e. Các chứng khoán khác:

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Những năm gần đây, đứng trước biến đổi khí hậu toàn cầu, Chính phủ các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là những nước phát triển đều đã có những kế hoạch cụ thể để thực hiện mục tiêu trung hòa carbon đến năm 2050. Đặc biệt vấn đề này ngày càng cấp thiết khi Việt Nam là 1 trong 6 quốc gia chịu ảnh hưởng nhất từ biến đổi khí hậu. Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ bầu khí quyển, tại Hội nghị Thượng đỉnh của các Nhà lãnh đạo trong khuôn khổ Hội nghị Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26), Chính phủ Việt Nam đã có những cam kết mạnh mẽ tham gia giải pháp về biến đổi khí hậu toàn cầu. Theo đó, Việt Nam đặt mục tiêu nâng tỷ lệ năng lượng sạch trong tổng nguồn cung năng lượng sơ cấp lên ít nhất 20% (năm 2030) và 30% (năm 2045), đồng thời cam kết từng bước loại bỏ sản xuất điện bằng than và cam kết khí thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Hướng ứng tinh thần của Quốc gia, với hệ sinh thái đa ngành, đa lĩnh vực, từ hoạt động từ nông nghiệp, công nghiệp đến dịch vụ, Tổng Công ty nỗ lực gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với xu thế phát triển kinh tế tuần hoàn. Để hạn chế tối đa lượng khí thải này, Công ty đã thực hiện:

- Đối với khí thải phát sinh từ hệ thống thiết bị điều hòa không khí: Tổng Công ty xây dựng quy định giờ bật tắt điều hòa tại khối văn phòng, sử dụng vừa tiết kiệm điện và giảm phát sinh khí thải, dần loại bỏ các máy lạnh đã quá hạn sử dụng.

- Đối với phương tiện vận chuyển: Tổng Công ty tuân thủ các yêu cầu về kỹ thuật như không chở vượt quá tải trọng xe, bảo dưỡng xe, sử dụng đúng nhiên liệu,... Các xe vận chuyển thường xuyên kiểm tra an toàn và vệ sinh môi trường đối với các phương tiện giao thông.

Công ty luôn theo dõi sát sao và cập nhật các quy định về môi trường, đồng thời nỗ lực sử dụng máy móc thiết bị giảm thiểu lượng chất thải, tránh gây ảnh hưởng đến bầu khí quyển và môi trường xung quanh nơi Công ty hoạt động. Công ty tự hào là một doanh nghiệp luôn hướng đến trách nhiệm của mình với môi trường, đóng góp tích cực vào việc bảo vệ và phát triển môi trường sống.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nhận thức được tầm quan trọng của khâu đầu vào trong chuỗi giá trị, Tổng Công ty luôn tiên phong trong việc sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có khả năng tái chế, tái sử dụng cho các hoạt động kinh doanh. Điều này có thể mang lại lợi ích kép cho Tổng Công ty và các công ty con, liên kết như:

- Bảo vệ môi trường và sức khỏe con người: Góp phần giảm thiểu rác thải, thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
- Tăng lợi ích kinh tế dài hạn: Tiết kiệm chi phí sản xuất do giảm thiểu sử dụng nguyên vật liệu thô, chi phí xử lý chất thải, nâng cao hình ảnh thương hiệu "xanh",

thu hút khách hàng tiềm năng, mở rộng thị trường.

Với tinh thần sản xuất “xanh”, việc lựa chọn nguyên vật liệu đầu vào chất lượng từ những đối tác uy tín là ưu tiên hàng đầu của Tổng Công ty khi hướng dẫn, chỉ đạo các công ty con và liên kết. Trong năm 2023, Tổng Công ty đã quản lý nguyên vật liệu đạt hiệu quả cao.

Tất cả những nỗ lực này cũng đồng thời khẳng định cam kết của Tổng Công ty trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, vì một tương lai bền vững cho đất nước và thế giới.

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

Là quốc gia đang trên con đường xây dựng công nghiệp hóa – hiện đại hóa, cân bằng cung cầu năng lượng là mục tiêu của Việt Nam xác định và luôn hướng đến. Tiếp nối tinh thần của quốc gia, Tổng Công ty đã đặt mục tiêu tiết kiệm năng lượng, sử dụng hợp lý giảm thiểu chi phí sản xuất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý lên hàng đầu, cụ thể một số hành động như:

- Đầu tư những thiết bị điện tiết kiệm năng lượng như bóng đèn tiết kiệm điện, đảm bảo công suất chiếu sáng và tuổi thọ cao.
- Tối ưu hóa việc sử dụng các thiết bị điện bằng cách tắt chúng khi không sử dụng.
- Tổ chức các chương trình tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ nhằm tạo ra một môi trường làm việc tiết kiệm năng lượng, hình thành thói quen và văn hóa tiết kiệm cho tất cả nhân viên tại Tổng Công ty. Đồng thời tăng cường phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên ảnh hưởng tiêu cực của tiêu thụ điện lãng phí lên môi trường, nâng cao ý thức sử dụng hợp lý.

Ngoài ra, Tổng Công ty không ngừng tìm kiếm các giải pháp sáng tạo để gia tăng hiệu quả tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

6.4. Tiêu thụ nước:

Hiểu được tầm quan trọng của nguồn nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu và khan hiếm tài nguyên, Tổng Công ty luôn chủ động trong việc sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm. Protrade cam kết thực hiện các chính sách và biện pháp thiết thực nhằm giảm thiểu lãng phí nước, góp phần bảo vệ môi trường và cộng đồng. Theo đó, nhiều giải pháp được triển khai:

- Kiểm tra định kỳ hệ thống đường ống nước để phát hiện và khắc phục kịp thời các rò rỉ, thất thoát nước.
- Áp dụng các vòi nước, bồn cầu tiết kiệm nước trong hoạt động kinh doanh và sinh hoạt.
- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức tiết kiệm nước cho cán bộ nhân viên và cộng đồng.
- Khuyến khích sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước, tái sử dụng nước thải sau xử lý.

Tổng Công ty cam kết duy trì sự tiết kiệm và hợp lý trong việc sử dụng nguồn nước, cùng với những hoạt động thực tế để phát triển một văn hóa tiết kiệm tài nguyên

trong cộng đồng nhân viên và trong xã hội.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP tuân thủ nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định về môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, đảm bảo không có bất cứ sai phạm về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	49	50	51
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	24.198.280	25.059.715	28.974.648

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Với Tổng Công ty, người lao động là nguồn lực quý giá luôn được gìn giữ, bồi dưỡng và phát huy giá trị. Trong những năm vừa qua, hệ sinh thái của Tổng Công ty giải quyết vấn đề việc làm cho nhiều người lao động tại tỉnh Bình Dương và Cộng hòa Nhân dân Lào với những chế độ việc làm và chính sách lương thỏa đáng. Về chính sách lao động, Tổng Công ty đảm bảo luôn công khai minh bạch trong công tác tuyển dụng, công bằng với mọi ứng viên. Trong chế độ làm việc, Tổng Công ty đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, xây dựng các chính sách lao động đúng theo tinh thần của Luật Lao động; cùng với luôn trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động đồng thời đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong khu vực làm việc của người lao động. Về mặt đào tạo, Công ty luôn ủng hộ người lao động phát triển kỹ năng quản lý, kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ, nỗ lực ủng hộ người lao động có chí cầu tiến. Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức văn nghệ, thể dục thể thao, quà tặng ngày lễ, thăm nom gia đình hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi cán bộ nhân viên khi ốm đau hoặc gia đình có hiếu hi. Từ đó càng thắt chặt tình đoàn kết nội bộ và nuôi dưỡng tinh thần người lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Tổng Công ty thường xuyên phối hợp với chi bộ, công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức các buổi huấn luyện kỹ năng làm việc, kỹ năng mềm cho cán bộ công nhân viên với thời lượng trung bình 2 giờ / 1 tháng.

Tổng công ty không có chương trình phát triển chung mà căn cứ trên chuyên môn và vị trí của người lao động sẽ khuyến khích học tập nâng cao trình độ từ trung cấp lên cao đẳng, đại học và sau đại học. Trong những năm vừa qua, nhiều nhân viên phấn đấu học tập nâng cao trình độ, góp phần xây dựng và phát triển công ty.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Từ khi thành lập đến hiện tại, Tổng Công ty luôn đặt hoạt động sản xuất kinh doanh chung với giá trị bền vững đóng góp cho Cộng đồng, xã hội. Tổng Công ty tạo nguồn việc làm ổn định cho người dân địa phương, góp phần giải quyết vấn đề thất

nghiệp và nâng cao đời sống cho người lao động. Thêm vào đó, Tổng Công ty cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và đóng góp xã hội, thể hiện sự tuân thủ pháp luật và trách nhiệm đối với cộng đồng.

Trách nhiệm xã hội của Tổng Công ty không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ trực tiếp cho người dân gần khu vực trụ sở, Tổng Công ty còn triển khai nhiều chương trình thiện nguyện thiết thực hỗ trợ các gia đình khó khăn, trẻ em mồ côi tại các tỉnh lân cận. Phong trào khuyến học cũng được lãnh đạo của Tổng Công ty đặc biệt quan tâm, trong năm vừa qua đã trao nhiều suất học bổng cho các học sinh giỏi hiếu học có hoàn cảnh khó khăn là con em công nhân trong hệ thống Protrade.

Với những nỗ lực không ngừng, Tổng Công ty luôn hướng đến trở thành một người bạn đồng hành đáng tin cậy, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng và xã hội.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh:

Không áp dụng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Đánh giá tình hình kinh tế thế giới năm 2023:

Năm 2023, kinh tế toàn cầu phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Xung đột Nga - Ukraine tiếp diễn, trong khi xung đột mới bùng phát ở Trung Đông, Biển Đỏ trong các tháng cuối năm. Tình trạng thời tiết cực đoan diễn ra ở nhiều nơi, hạn hán kéo dài trên phạm vi rộng, bão lũ, thiên tai ở các quốc gia làm cho sản xuất và tiêu dùng lương thực mất cân đối. Thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động. Lạm phát tiếp tục neo ở mức cao, tăng trưởng thương mại yếu và niềm tin người tiêu dùng chậm phục hồi. Trong bối cảnh ấy, nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt để ưu tiên kiềm chế lạm phát. Tổng cầu suy yếu, kinh tế tăng trưởng chậm ở nhiều nước, kể cả các nền kinh tế lớn trong khi thị trường tài chính tiền tệ, bất động sản tại một số nước tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh việc gia tăng các quy định về phát triển bền vững ảnh hưởng đến nhập khẩu, nhiều nước cũng gia tăng bảo hộ thương mại.

Tại Mỹ: Tình hình kinh tế Mỹ trong 3 quý đầu năm diễn biến theo chiều hướng tốt dần lên. Nền kinh tế đầu tàu thế giới tăng trưởng với tốc độ nhanh nhất trong 2 năm qua vào quý III-2023, đạt mức tăng trưởng 4,9%, cao hơn nhiều so với mức 2,1% của quý liền trước đó. Thị trường lao động mạnh mẽ, yếu tố giúp cho tiêu dùng ổn định là động lực chính góp phần đem lại sự bền bỉ cho nền kinh tế lớn nhất thế giới này. Tuy nhiên, sang quý IV-2023 chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) cho thấy khu vực sản xuất của Mỹ đang suy giảm. Do đó, nền kinh tế Mỹ có khả năng chững lại khi bước sang năm 2024. Tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) quý IV-2023 dự báo đạt 2,6% so với cùng kỳ năm trước và cả năm ước đạt 2,4%.

Tại Trung Quốc: Nền kinh tế lớn thứ hai thế giới vẫn còn nhiều khó khăn trong năm 2023 khi đã hồi phục sau khi dỡ bỏ phong tỏa COVID-19 yếu hơn dự báo và khủng hoảng bất động sản ngày càng trầm trọng hơn. Trong mấy tháng gần đây, Chính phủ

Trung Quốc đã nỗ lực đẩy mạnh đầu tư công, cắt giảm nhẹ lãi suất, bơm tiền khối lượng lớn... Số liệu tháng 11-2023 cho thấy, chỉ số PMI thấp nhất kể từ tháng 12-2022 khi hoạt động sản xuất giảm tháng thứ 2 liên tiếp, trong khi khu vực dịch vụ tăng trưởng ít nhất trong vòng 11 tháng qua. Rủi ro giảm phát gia tăng khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) giảm 0,5%, thương mại hàng hóa bất ổn khi xuất khẩu chỉ tăng nhẹ 0,5%, nhưng nhập khẩu vẫn đà giảm 0,6%. Dự báo tăng trưởng của Trung Quốc đang dần hồi phục trở lại với GDP quý IV-2023 đạt 1,1% so với quý trước (quý III tăng 1,3%) và 5,2% so với cùng kỳ năm trước để cả năm có thể đạt mục tiêu đề ra là 5%.

Tại Khu vực đồng tiền chung châu Âu (EURO): Đây là khu vực đã trải qua 4 quý tăng trưởng lên xuống bất định kể từ quý cuối năm 2022. Sang quý IV-2023, có dấu hiệu cho thấy nền kinh tế khu vực tiếp tục suy giảm. Chỉ số PMI nửa cuối năm 2023 cho thấy hoạt động sản xuất, kinh doanh suy giảm sang tháng thứ 7 liên tiếp, sản lượng sản xuất giảm 9 tháng liên, dù lạm phát đã giảm tốc mạnh, chi phí đầu vào giảm, nhưng giá bán vẫn tăng. Tổng sản phẩm quốc nội quý cuối cùng của năm có khả năng tiếp tục suy giảm đẩy kinh tế khu vực rơi vào suy thoái khi 2 quý liên tiếp có mức tăng trưởng âm.

Tại Nhật Bản: Trong ba quý đầu của năm 2023, GDP thực tế của Nhật Bản tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước, nhưng riêng quý III-2023, tăng trưởng kinh tế lại suy giảm 2,9% (quý I tăng 5%, quý II tăng 3,6%). Đây là quý suy giảm kinh tế đầu tiên với mức suy giảm mạnh nhất kể từ đỉnh điểm đại dịch COVID-19 vào quý II-2020, cho thấy sự mong manh của quá trình hồi phục trước rủi ro nảy sinh từ tình trạng lạm phát tăng và triển vọng kinh tế toàn cầu u ám. Thương mại hàng hóa cũng suy giảm, nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu. Tình hình sản xuất trong quý cuối cùng của năm 2023 cũng chưa mấy sáng sủa khi chỉ số PMI mấy tháng gần đây cho thấy sự gia tăng mạnh ở khu vực dịch vụ chỉ phần nào bù đắp cho sự sụt giảm nhanh hơn về sản lượng ở khu vực sản xuất. Dự báo, GDP quý IV-2023 có thể chỉ tăng nhẹ 0,1% so với quý trước và 0,2% so với năm 2022.

b. Triển vọng nền kinh tế thế giới năm 2024

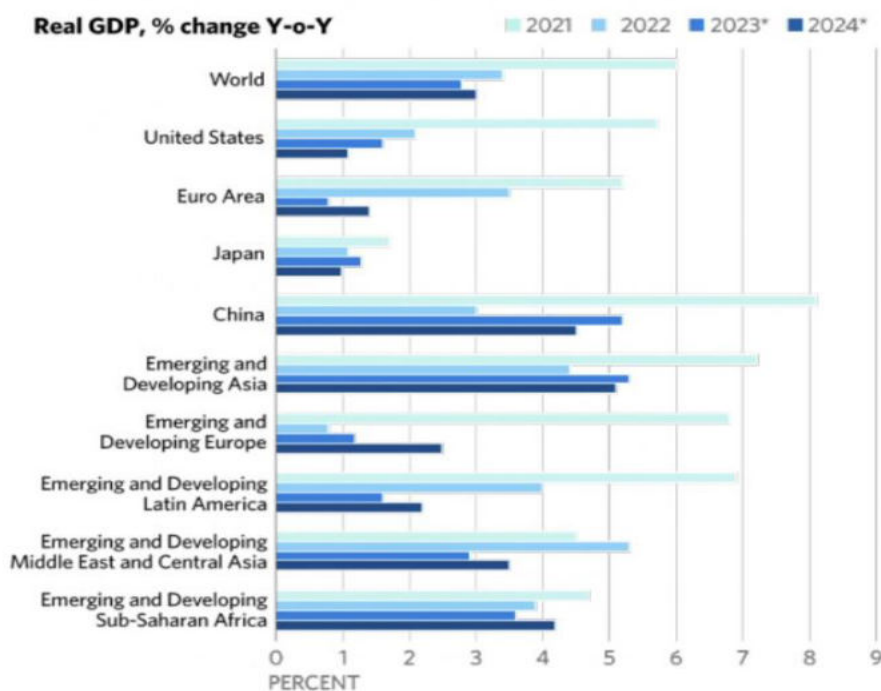
Nhiều dự báo cho rằng lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ giảm từ mức ước tính 5,7% vào năm 2023 xuống còn 3,9% vào năm 2024. Tuy nhiên, áp lực về giá vẫn tăng cao ở nhiều quốc gia và bất kỳ sự leo thang nào nữa của xung đột địa chính trị đều có nguy cơ khiến lạm phát gia tăng trở lại.

Ở khoảng 1/4 các nước đang phát triển, lạm phát hàng năm được dự đoán sẽ vượt quá 10% vào năm 2024. Kể từ tháng 1 năm 2021, giá tiêu dùng ở các nền kinh tế đang phát triển đã tăng tổng cộng 21,1%, làm hao hụt đáng kể những lợi ích kinh tế đạt được sau quá trình phục hồi sau đại dịch COVID-19. Trong bối cảnh gián đoạn nguồn cung, xung đột và các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt, lạm phát giá lương thực trong nước vẫn ở mức cao ở nhiều nền kinh tế đang phát triển, ảnh hưởng không nhỏ đến các hộ gia đình nghèo.

Thị trường lao động toàn cầu đã chứng kiến sự phục hồi không đồng đều sau cuộc khủng hoảng đại dịch. Ở các nền kinh tế phát triển, thị trường lao động vẫn kiên

cường bất chấp tốc độ tăng trưởng chậm lại. Tuy nhiên, ở nhiều nước đang phát triển, đặc biệt là ở Tây Á và Châu Phi, các chỉ số việc làm quan trọng, bao gồm cả tỷ lệ thất nghiệp, vẫn chưa trở lại mức trước đại dịch. Khoảng cách việc làm về giới trên toàn cầu vẫn còn cao và khoảng cách về lương theo giới không chỉ tồn tại mà thậm chí còn mở rộng ở một số ngành nghề.

Theo Báo cáo dự báo một sự giảm tốc trong tăng trưởng GDP toàn cầu, từ mức ước tính là 2,7% vào năm 2023 xuống còn 2,4% vào năm 2024, cho thấy xu hướng tăng trưởng chậm rãi tiếp tục. Nền kinh tế đang phát triển gặp khó khăn trong việc hồi phục từ những thiệt hại do đại dịch gây ra, với nhiều quốc gia đối mặt với mức nợ cao và thiếu hụt vốn đầu tư.



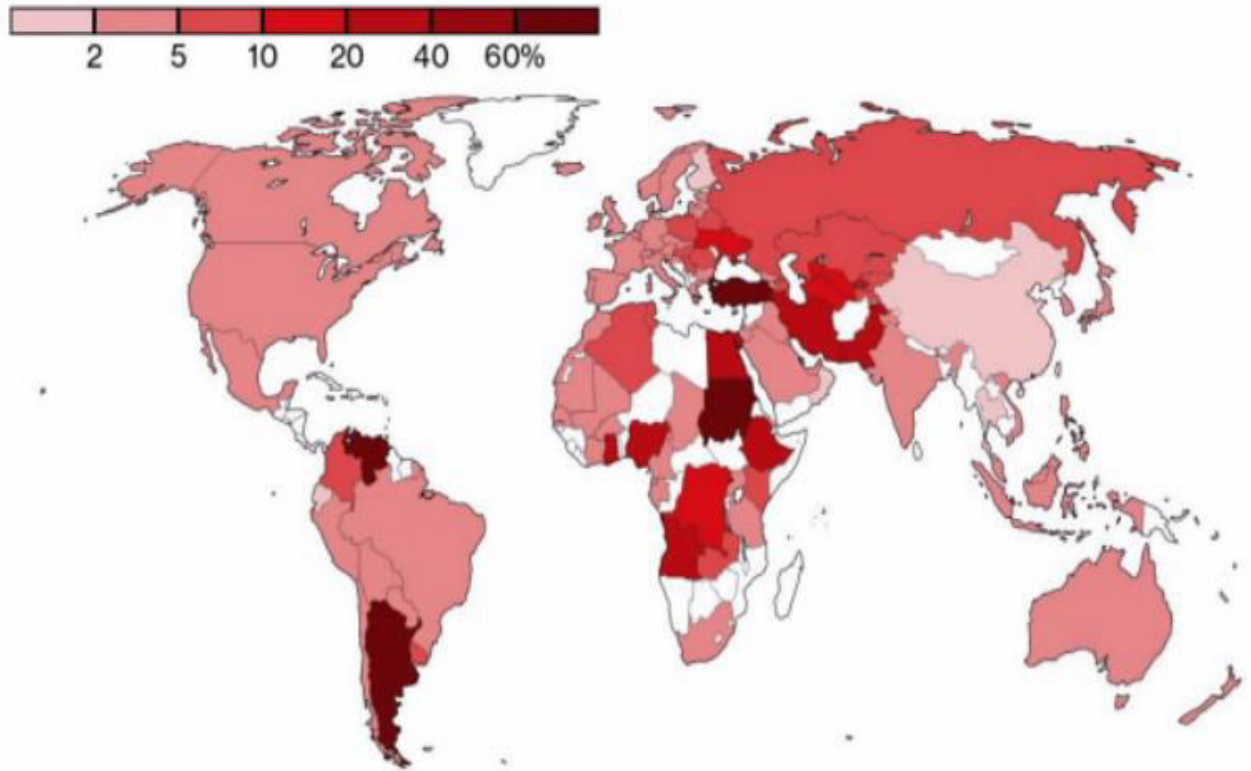
Ảnh 1: Dự báo GDP toàn cầu năm 2024

Hoa Kỳ, nền kinh tế lớn nhất thế giới, dự kiến sẽ chứng kiến sự giảm tốc trong tăng trưởng GDP từ 2,5% vào năm 2023 xuống còn 1,4% vào năm 2024. Việc giảm tiêu dùng của người tiêu dùng, một yếu tố chính của nền kinh tế này, có thể sẽ suy yếu do nhiều nguyên nhân, bao gồm lãi suất cao và tình trạng thị trường lao động dư thừa.

Trong khi đó, Trung Quốc, giữa những làn sóng nội địa và quốc tế, được dự kiến sẽ trải qua một sự giảm tốc nhẹ, với tăng trưởng ước tính là 4,7% vào năm 2024, giảm từ 5,3% vào năm 2023. Châu Âu và Nhật Bản cũng đối mặt với những khó khăn kinh tế đáng kể, với dự báo về tỷ lệ tăng trưởng là 1,2% cho cả hai khu vực vào năm 2024.

Các quốc gia đang phát triển thể hiện một bức tranh khác biệt, với tăng trưởng của châu Phi được dự kiến sẽ tăng nhẹ từ 3,3% vào năm 2023 lên 3,5% vào năm 2024. Báo cáo ghi nhận rằng các quốc gia có thu nhập thấp nhất (LDCs) dự kiến sẽ tăng trưởng 5,0% vào năm 2024, nhưng điều này vẫn chưa đạt được mục tiêu tăng trưởng 7,0% đặt

ra trong SDGs. Nợ công cao và nguồn tài khóa hạn chế vẫn là những vấn đề quan trọng với những quốc gia này



Ảnh 2: Tỷ lệ lạm phát dự kiến toàn cầu năm 2024

c. Diễn biến nền kinh tế Việt Nam những năm gần đây:

Trong giai đoạn 2020-2023, tình hình kinh tế, chính trị thế giới có nhiều biến động phức tạp, cùng với đại dịch Covid-19 và biến đổi khí hậu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tăng trưởng kinh tế của tất cả các nền kinh tế. Song, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, kinh tế nước ta vẫn có nhiều điểm tích cực so với nhiều nền kinh tế trên thế giới.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2020 đạt 2,91%, với quy mô 268,4 tỷ USD. Đây là mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm 2011-2020, song thuộc nhóm tăng trưởng cao nhất trên thế giới. Năm 2021, kinh tế Việt Nam đã cán đích với mức tăng trưởng GDP là 2,58%, thấp hơn 0,33% so với năm 2021. Đây là mức thấp nhất trong giai đoạn 2011-2021.

Năm 2022, cùng với cả thế giới, kinh tế Việt Nam phải đối đầu với những biến động khó lường, như: xung đột quân sự Nga - Ukraina dẫn đến nhiều hệ lụy ảnh hưởng tiêu cực đến các nền kinh tế trên thế giới, trong đó có Việt Nam; việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu do đại dịch Covid-19, sự tăng vọt của giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào... Song, do Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách phù hợp, đặc biệt là thực hiện khẩu hiệu “vừa chống dịch vừa phục hồi sản xuất, kinh doanh, thực hiện mục tiêu kép”,

kinh tế đã có bước phục hồi tích cực; kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; GDP tăng ở mức 8,02% so với năm 2021, cao nhất trong 10 năm qua; quy mô đạt 9.513 triệu tỷ đồng, tương đương 391,92 tỷ USD; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành năm 2022 đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021; năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2022 theo giá hiện hành đạt 188,1 triệu đồng/lao động, tương đương 8.083 USD, tăng 622 USD so với năm 2021. Theo giá so sánh, năng suất lao động năm 2022 tăng 4,8% do trình độ của người lao động được cải thiện.

Năm 2023, nhìn chung đã đạt được những mục tiêu lớn cơ bản; kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức 4,16%, thị trường tiền tệ và tỷ giá hối đoái cơ bản ổn định mặc dù thị trường tài chính, tiền tệ thế giới có nhiều biến động lớn; các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2023 tăng 5,05% so với năm 2022, cao hơn tốc độ tăng của năm 2020 và 2021 - thời điểm chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

d. Tốc độ tăng trưởng của các khu vực trong nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023.

Khu vực công nghiệp và xây dựng: Năm 2023, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%. Tuy nhiên, trong khu vực này, ngành công nghiệp đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh tổng cầu thế giới suy giảm. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp chỉ với mức 3,02% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 1 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,62%, đóng góp 0,93%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý chất thải, nước thải tăng 5,18%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành xây dựng tăng 7,06%, đóng góp 0,51 điểm phần trăm.

Khu vực thương mại, dịch vụ: Năm 2023, các hoạt động thương mại, du lịch duy trì đà tăng trưởng khá tốt, đóng góp tích cực vào tăng trưởng khu vực dịch vụ với mức tăng 6,82% so với năm trước. Trong khu vực này, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, như: tổng bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tăng 8,82% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,86 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 9,18% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,55 điểm phần trăm...

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Năm 2023, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì ở mức tăng khá và có nhiều ứng dụng công nghệ cao. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,34 điểm phần trăm; ngành lâm nghiệp tăng 3,74%, nhưng do tỷ trọng của ngành này thấp hơn, nên chỉ đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 3,71%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

e. Tình hình kinh tế Việt Nam dự báo năm 2024.

3014
IG CÓN
LN XU
NHÁP
IH DƯ
:ÔNG
:Ổ PH
4N-T

Bảng: Cơ cấu kinh tế Việt Nam giai đoạn 2020-2023

Đơn vị: %

Khu vực kinh tế chủ yếu	2020	2021	2022	2023
Công nghiệp và xây dựng	33,72	37,86	38,26	37,12
Nông, lâm, thủy sản	14,85	12,36	11,88	11,96
Thương mại dịch vụ	41,63	40,95	41,33	42,54
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	9,80	8,83	8,53	8,38
	100	100	100	100

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2024 có những dấu hiệu cho thấy sẽ khả quan hơn năm 2023. Trong những tháng cuối cùng của năm 2023, các chỉ số kinh tế - xã hội của Việt Nam hầu hết đều có biến động tích cực, kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định; lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng được thúc đẩy. Với đà phục hồi hiện tại cùng các biện pháp quyết liệt của Chính phủ, lãnh đạo các cấp, và triển vọng đang dần tích cực hơn của kinh tế thế giới, dự báo kinh tế Việt Nam năm 2024 sẽ phục hồi tốt hơn và có thể đạt mức tăng trưởng 6 - 6,5% ở kịch bản cơ sở, theo đúng mục tiêu mà Chính phủ đã đặt ra.

Về lạm phát, sang năm 2024, với đà phục hồi kinh tế dự báo tốt hơn, cung tiền và vòng quay tiền cải thiện, trong khi lạm phát và giá cả thế giới (nhất là giá năng lượng, lương thực - thực phẩm và nguyên vật liệu cơ bản, dịch bệnh, thiên tai, căng thẳng địa chính trị còn phức tạp, khó lường) giảm nhưng còn ở mức cao, CPI bình quân của Việt Nam dự kiến sẽ tăng khoảng 3,5 - 4%, cao hơn năm 2023, nhưng trong ngưỡng mục tiêu cho phép. Ngoài ra, năm 2024, một số mặt hàng do Nhà nước quản lý cũng dự kiến tiếp tục được điều chỉnh giá, như tăng lương tối thiểu vùng, học phí, giá điện tiếp tục đà tăng, giá dịch vụ y tế cũng có thể tăng mạnh do đề xuất thay đổi cách tính giá viện phí của Bộ Y tế gần đây, thực trạng có thể gây áp lực lên lạm phát. Tuy nhiên, các cơ quan quản lý có thể sẽ tính toán liều lượng và thời điểm điều chỉnh giá điện, dịch vụ y tế, giáo dục, phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát.

Tuy nhiên, trong năm 2024, kinh tế cả trong và ngoài nước vẫn có thể tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức khác chưa thể dự báo được hết. Mặc dù các tổ chức đánh giá cao khả năng phục hồi của nền kinh tế Việt Nam, nhưng vẫn tồn tại một số yếu tố có thể tác động tiêu cực. Ví dụ như thách thức từ biến động giá năng lượng và giá điện có thể gây áp lực lạm phát; hay những biến động khó lường của ngành tài chính - ngân hàng có thể ảnh hưởng đến việc ổn định lãi suất, tỷ giá. Ngoài ra, hoạt động xuất khẩu cũng sẽ phải tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn trong thời gian tới, bởi nền kinh tế toàn cầu đang bước vào thời kỳ đầy rủi ro; nguy cơ suy thoái kinh tế, lạm phát và lãi suất tiếp tục duy trì ở mức cao khiến nhu cầu tiêu dùng giảm mạnh tại các quốc gia trên

thế giới, trong đó có khu vực châu Âu, châu Mỹ đều là những đối tác thương mại lớn của Việt Nam, cùng với đó là xu hướng dịch chuyển nguồn cung về gần thị trường tiêu thụ. Như vậy, nếu những khó khăn của nền kinh tế như sức mua trong nước giảm, đơn hàng xuất khẩu không phục hồi như kỳ vọng, nguồn vốn hỗ trợ chưa tới được các doanh nghiệp... tiếp diễn trong năm 2024, số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường có thể sẽ tiếp tục gia tăng, từ đó, làm suy giảm hiệu quả sản xuất, kinh doanh chung của nền kinh tế. Do đó, các biện pháp duy trì ổn định kinh tế vẫn đòi hỏi sự nhạy bén và linh hoạt từ các nhà hoạch định chính sách, các cơ quan quản lý nhà nước.

g. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2023		Thực hiện 2023 so với KH 2023	
	Thực hiện VND	Kế hoạch VND	Biến động VND	Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.158.033.524.801	1.388.427.437.314	(230.393.912.513)	83%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.578.339.946	865.536.866	712.803.080	182%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.156.455.184.855	1.387.561.900.448	(231.106.715.593)	83%
4. Giá vốn hàng bán	797.986.459.244	1.032.871.105.939	(234.884.646.695)	77%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	358.468.725.611	354.690.794.509	3.777.931.102	101%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	48.637.233.062	37.786.046.018	10.851.187.044	129%
7. Chi phí tài chính	22.213.656.423	10.909.917.397	11.303.739.026	204%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>3.438.790.369</i>	<i>19.102.972.603</i>	<i>(15.664.182.234)</i>	<i>18%</i>
<i>Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>89.169.150.642</i>	<i>231.871.232.778</i>	<i>(142.702.082.136)</i>	<i>38%</i>
8. Chi phí bán hàng	43.055.752.075	36.498.177.316	6.557.574.759	118%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	267.185.138.082	306.352.970.786	(39.167.832.704)	87%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	163.820.562.735	270.587.007.806	(106.766.445.071)	61%
11. Thu nhập khác	5.220.753.845	520.000.000	4.700.753.845	1004%
12. Chi phí khác	1.722.568.149	655.000.000	1.067.568.149	263%
13. Lợi nhuận khác	3.498.185.696	(135.000.000)	3.633.185.696	N/A
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	167.318.748.431	270.452.007.806	(103.133.259.375)	62%
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	45.256.337.549	38.739.890.979	6.516.446.570	117%
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	3.551.999.916	(6.806.622.249)	10.358.622.165	N/A
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	118.510.410.966	238.518.739.076	(120.008.328.110)	50%
<i>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</i>	<i>103.621.125.313</i>	<i>217.001.768.794</i>	<i>(113.380.643.481)</i>	<i>48%</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>14.889.285.653</i>	<i>21.516.970.282</i>	<i>(6.627.684.629)</i>	<i>69%</i>
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	328	723	(395)	45%

3166
IG TY
AT-
KHẢ
ONG
TY
AN
BINH S

CHỈ TIÊU	Năm 2023		Thực hiện 2023 so với KH 2023	
	Thực hiện	Kế hoạch	Biến động	Tỷ lệ
	VND	VND	VND	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.331.000.000	5.166.000.000	(2.835.000.000)	45%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.331.000.000	5.166.000.000	(2.835.000.000)	45%
4. Giá vốn hàng bán	421.263.408	2.755.000.000	(2.333.736.592)	15%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.909.736.592	2.411.000.000	(501.263.408)	79%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	269.720.584.522	279.089.620.000	(9.369.035.478)	97%
7. Chi phí tài chính	46.721.388.216	(23.973.833.060)	70.695.221.276	N/A
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>15.275.232.258</i>	<i>5.233.972.603</i>	<i>10.041.259.655</i>	<i>292%</i>
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	172.855.062.109	207.679.926.698	(34.824.864.589)	83%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	52.053.870.789	97.794.526.362	(45.740.655.573)	53%
11. Thu nhập khác	1.223.849.837	-	1.223.849.837	N/A
12. Chi phí khác	207.288.654	-	207.288.654	N/A
			-	N/A
13. Lợi nhuận khác	1.016.561.183	-	1.016.561.183	N/A
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	53.070.431.972	97.794.526.362	(44.724.094.390)	54%
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.070.431.972	97.794.526.362	(44.724.094.390)	54%

+ Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh giảm: Trong những năm qua, Tổng Công ty vẫn luôn nỗ lực tìm kiếm những khách hàng tiềm năng phù hợp để bán cây cảnh. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của sự suy thoái kinh tế, nhu cầu của khách hàng đối với cây cảnh không còn nhiều như trước đây nên việc bán cây cảnh của Tổng Công ty cũng không thuận lợi như kỳ vọng đã đề ra. Do đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2023 chỉ đạt 45% so với kế hoạch đề ra.

+ Doanh thu tài chính: trong năm 2023, Tổng Công ty đã nhận được cổ tức từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết là hơn 269 tỷ đồng giảm 3% so với kế hoạch đề ra. Cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Năm 2023 [kế hoạch]	Năm 2023 [thực hiện]	Tỷ lệ
I. Cổ tức từ các công ty con			
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade	210.000.000.000	189.417.444.114	90,20%
II. Cổ tức từ các công ty liên doanh, liên kết			
Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam	50.000.000.000	39.000.000.000	78,00%
Công ty CP May Mặc Bình Dương	11.733.600.000	35.494.254.000	302,50%
Công ty CP Hưng Vương	1.390.500.000	-	-
III. Cổ tức từ các khoản đầu tư khác			
Công ty CP Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	65.520.000	108.028.774	164,88%
IV. Doanh thu tài chính khác (lãi tiền gửi, cho vay, khác)	5.900.000.000	5.700.857.634	96,62%
Tổng cộng	279.089.620.000	269.720.584.522	96,64%

Do ảnh hưởng bởi cơn bão giá nguyên liệu đầu vào tăng cao trên thế giới cùng với thu nhập giảm do lạm phát và kinh tế suy giảm, người tiêu dùng ngày càng trở nên nhạy cảm về giá hàng hóa hơn, đây là các nguyên nhân ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp ngành sữa nói chung và FCV nói riêng. Mặt khác, FCV đang chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp cùng ngành, các thương hiệu mới đang dần chiếm lĩnh thị phần, do đó kết quả kinh doanh của FCV trong những năm gần đây ảnh hưởng nghiêm trọng. Vì vậy, tỷ lệ chia cổ tức năm 2023 của FCV chỉ đạt 78% với kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó thì Công ty Cổ Phần May Mặc Bình Dương đóng góp hơn 35 tỷ đồng vượt 203% so với kế hoạch đề ra, Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade với cổ tức được chia là 189 tỷ đồng đạt 90% kế hoạch đề ra.

+ **Chi phí tài chính tăng:** nguyên nhân là do sự biến động về tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính từ LAK sang VNĐ dẫn đến nguồn vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào bị ảnh hưởng khi chuyển đổi báo cáo. Tỷ giá đồng LAK đến tại thời điểm 31/12/2023 là 1.000 kip chỉ đổi được 1.100 VNĐ, cùng kỳ năm 2022 là 1.000 kip đổi được 1.400 VNĐ VNĐ, sự biến động này nằm ngoài tầm kiểm soát của đơn vị. Do đó, Tổng Công ty phải thực hiện trích lập khoản dự phòng đầu tư tài chính này, tổng chi phí dự phòng phải trích lập trong năm 2023 là khoảng 30 tỷ (theo kế hoạch là hoàn nhập 22 tỷ đồng). Ngoài ra, để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Bản án hình sự phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV, Tổng Công ty phải huy động tất cả nguồn tiền thông qua việc vay vốn tại các đơn vị mà Tổng Công ty có vốn góp. Vì vậy, chi phí lãi vay trong năm 2023 tăng 192% so với kế hoạch đề ra. Chi tiết trích lập dự phòng và chi phí lãi vay như sau:

Nội dung	Tỷ lệ sở hữu	KH 2023	TH 2023	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	35%	14.060.550.000	12.429.329.001	88,40%
Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	24%	(26.527.488.000)	(21.966.385.885)	82,81%

Nội dung	Tỷ lệ sở hữu	KH 2023	TH 2023	Tỷ lệ
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	30%	12.684.540.000	8.151.048.110	64,26%
Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	100%	(2.243.817.368)	(9.371.526.024)	417,66%
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	50,50%	(21.947.617.692)	28.978.177.790	N/A
Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	100%	-	10.576.162.834	N/A
Chi phí tài chính khác và lãi vay		5.233.972.603	17.924.582.290	342,00%
Tổng cộng		(23.973.833.060)	46.721.388.116	N/A

+ Chi phí hoạt động giảm: nguyên nhân là do trong năm 2023 Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát Triển Tân Thành đã trả một phần nợ gốc vay cho Tổng Công ty với số tiền là 26,8 tỷ đồng, do đó chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty Tân Thành năm trong năm 2023 đã giảm 22 tỷ đồng so với kế hoạch đề ra. Ngoài ra, Tổng Công ty đã tiết giảm các khoản chi tiêu liên quan đến chi phí hoạt động của Tổng Công ty bao gồm chi phí lương, chi phí thuê ngoài,...

Tóm lại: Năm 2023 tiếp tục là một năm có nhiều khó khăn, thách thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước do kinh tế thế giới có xu hướng tăng chậm lại cũng như ghi nhận là một năm đầy khó khăn và áp lực tài chính đối với Tổng Công ty khi phải sắp xếp nguồn tài chính để thi hành bản án số 912/2022/HSPT ngày 28/12/2022 theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, trước nỗ lực vượt khó cùng sự quyết tâm cao của Ban Điều hành và tập thể cán bộ CNV thì một số công ty chủ chốt mang lại hiệu quả kinh doanh cho Tổng Công ty như Công ty Quốc tế Protrade lợi nhuận tăng 20% so với kế hoạch, Sân Golf Palm Sông Bé tăng 319% so với kế hoạch, Công ty cổ phần May mặc Bình Dương tăng 8,43 % so với kế hoạch. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng đã nỗ lực phấn đấu và sắp xếp dòng tiền để hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế và Cục thi hành án trong thời gian nhanh nhất.

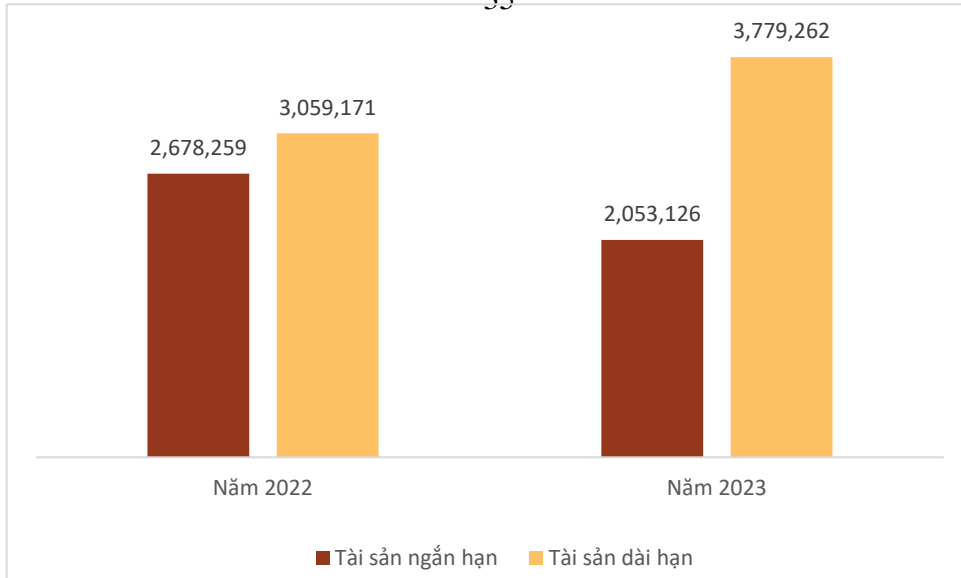
2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

ĐVT: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH 2023/ TH 2022	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2023
Tài sản ngắn hạn	2.678.259	2.053.126	76,66%	46,68%	35,20%
Tài sản dài hạn	3.059.171	3.779.262	123,54%	53,32%	64,80%
Tổng tài sản	5.737.429	5.832.388	101,66%	100,00%	100,00%

Biểu đồ:



Nhận xét:

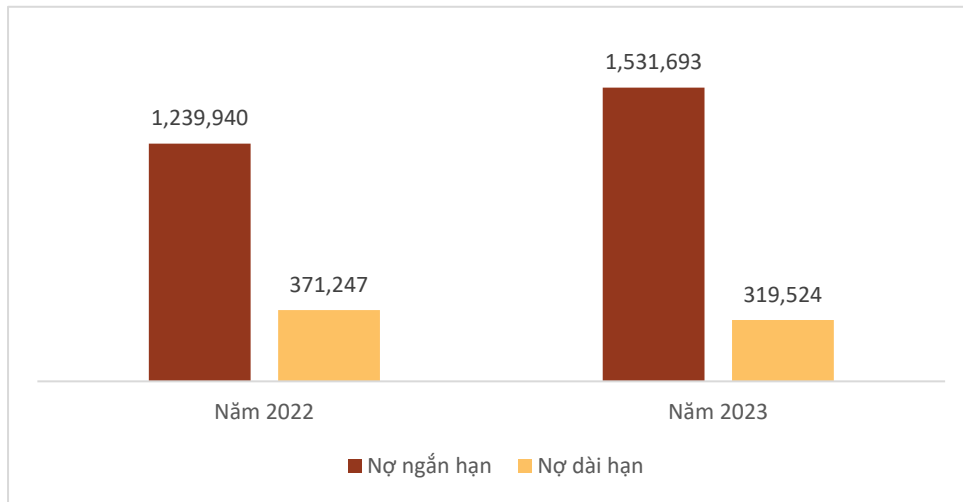
Tính đến ngày 31/12/2023, tổng tài sản của Protrade đạt hơn 5.832 tỷ đồng, tăng 1,66% (tương đương 95 tỷ đồng) so với cùng kỳ. Trong cơ cấu tài sản, tài sản dài hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất với 64,80% tổng tài sản, tăng hơn 10% so với tỷ trọng của năm 2022 và tăng 23,54% giá trị so với cùng kỳ. Ngược với chiều tăng của tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn giảm 23,34% cùng kỳ. Cụ thể, đối với nợ ngắn hạn, do trong năm Tổng Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ với Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội về việc nộp bổ sung tiền sử dụng đất theo Bản án hình sự phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 và tiền chậm nộp phát sinh theo kiến nghị của KTNN khu vực IV, Thuế và các khoản phải trả nợ nhà nước đã ghi nhận giảm 791 tỷ (số đã bù trừ với tiền nộp thi hành án). Mặt khác, tổng số tiền Công ty phải nộp theo nghĩa vụ nêu trên liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty đã quyết nghị thông qua việc ghi nhận khoản phải thu số tiền Tổng Công ty tạm nộp nêu trên để chờ xử lý khi có kết quả quyết toán cổ phần hóa chính thức của UBND tỉnh Bình Dương. Kết quả là, phải thu dài hạn khác ghi nhận hơn 972 tỷ đồng, tăng 1092,19% cùng kỳ.

b. Tình hình nợ phải trả:

ĐVT: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH 2023/ TH 2022	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2023
Nợ ngắn hạn	1.239.940	1.531.693	123,53%	76,96%	82,74%
Nợ dài hạn	371.247	319.524	86,07%	23,04%	17,26%
Tổng nợ phải trả	1.611.187	1.851.217	114,90%	100,00%	100,00%

Biểu đồ:



Nhận xét:

Tính đến thời điểm cuối năm 2023, Tổng Công ty vẫn tiếp tục duy trì cơ cấu nợ hoàn toàn được tài trợ bởi nợ ngắn hạn, một mặt vì Protrade có tiềm lực tài chính mạnh đủ khả năng thanh toán, một mặt phần lớn kế hoạch dài hạn tài trợ bởi nguồn lực sẵn có của Công ty. Tổng Công ty ghi nhận nợ ngắn hạn cuối năm đạt hơn 1.530 tỷ đồng, tăng 23,53% so với cùng kỳ. Trong đó, khoản mục phải trả ngắn hạn khác và khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đóng góp trực tiếp vào mức tăng của nợ ngắn hạn, lần lượt tăng 168 tỷ đồng (+36,21% yoy) và 118 tỷ đồng (+139,91%). Cụ thể, mức tăng phải trả ngắn hạn khác đến từ các khoản cá nhân khác phục hậu quả liên quan đến Bản án sơ thẩm số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, theo đó Protrade đã được khấu trừ phần tiền này trong nghĩa vụ nộp của Tổng Công ty. Còn việc tăng vay nợ chủ yếu để Protrade kết hợp cùng nguồn lực của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ theo Bản án hình sự phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 và kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực IV với số tiền là hơn 900 tỷ đồng

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Quy chế nội bộ

- Xây dựng và hình thành văn hóa doanh nghiệp đối với Tổng Công ty.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty phù hợp với trình độ quản lý doanh nghiệp, đảm bảo tính minh bạch, công khai, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, tổ chức đánh giá nhân viên theo định kỳ.
- Xây dựng quy chế tuyển dụng lao động, bảng mô tả công việc theo từng chức danh và chuẩn hóa hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công ty.

Đào tạo nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo chuyên môn các kỹ năng về quản lý vốn đầu tư, quản trị doanh nghiệp, quản lý dự án đầu tư.
- Xây dựng chiến lược dài hạn phát triển nguồn nhân lực.

Áp dụng công nghệ mới vào quản trị nội bộ

- Nâng cấp, cập nhật thường xuyên, nhanh chóng trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

- Nghiên cứu kế hoạch triển khai phần mềm quản lý công việc trong Tổng Công ty.

Quản lý và sử dụng đất đai

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư để nhanh chóng đưa vào khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đặc biệt chú trọng tới các dự án có lợi thế về địa lý và môi trường kinh doanh.
- Quy hoạch tổng thể và chi tiết các dự án đầu tư gắn liền với quy hoạch sử dụng đất, ưu tiên quy hoạch phát triển các ngành nghề kinh doanh chính và có hiệu quả nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Quản trị tài chính

- Rà soát định kỳ các định mức chi phí, chú trọng tiết kiệm chi phí trong quá trình hoạt động kinh doanh, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty.
- Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý tài chính, thường xuyên tăng cường công tác quản lý, bảo toàn phát triển vốn và tài sản.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng thu nhập cho người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Kế hoạch tổng quát:

- Thực hiện theo đúng Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định về quản trị doanh nghiệp trong điều hành và các hoạt động của Công ty.
- Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến để tăng khả năng cạnh tranh.
- Tăng cường kỷ cương tài chính, quản lý chặt chẽ các khoản thu chi. Đồng thời có biện pháp tích cực để thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi. Tổ chức điều hành quản lý chi theo hướng, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện cắt giảm các khoản chi không cần thiết.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Trong năm 2024, Tổng công ty sẽ tiếp tục thực hiện chủ trương tái cơ cấu theo hướng tiếp tục nắm giữ tỷ lệ vốn đầu tư và tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con, công ty liên kết đang kinh doanh hiệu quả và xem xét lập phương án thoái vốn tại các đơn vị mà Tổng công ty không nắm quyền chi phối và kinh doanh không hiệu quả, không có tiềm năng để phát triển.
- Đối với các dự án mới, Ban TGD sẽ nghiên cứu và đề xuất hướng mở rộng Khu công nghiệp Quốc tế Protrade, thực hiện các thủ tục pháp lý để đầu tư dự án khu Thương Mại Dịch Vụ và nhà ở tại Sân Golf Palm Sông Bé.
- Trong năm 2024, Tổng công ty tập trung giải quyết các vấn đề còn tồn tại của giai đoạn 100% vốn nhà nước để Tổng Công ty nhanh chóng đi vào ổn định, tập trung phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:
Kế hoạch kinh doanh trên BCTC hợp nhất năm 2024

Đơn vị tính: đồng

	Chỉ tiêu	Năm 2024 (Kế hoạch)	Năm 2023 [đã kiểm toán]	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.106.265.278.258	1.158.033.524.801	(51.768.246.543)	96%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.531.360.899	1.578.339.946	(46.979.047)	97%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.104.733.917.359	1.156.455.184.855	(51.721.267.496)	96%
4	Giá vốn hàng bán	750.932.191.103	797.986.459.244	(47.054.268.141)	94%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	353.801.726.256	358.468.725.611	(4.666.999.355)	99%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	48.881.563.939	48.637.233.062	244.330.877	101%
7	Chi phí tài chính	22.062.537.465	22.213.656.423	(151.118.958)	99%
	Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	99.371.648.828	89.169.150.642	10.202.498.186	111%
8	Chi phí bán hàng	36.323.293.362	43.055.752.075	(6.732.458.713)	84%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	276.154.235.005	267.185.138.082	8.969.096.923	103%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	167.514.873.191	163.820.562.735	3.694.310.456	102%
11	Thu nhập khác	204.736.975	5.220.753.845	(5.016.016.870)	4%
12	Chi phí khác	478.000.000	1.722.568.149	(1.244.568.149)	28%
13	Lợi nhuận khác	(273.263.025)	3.498.185.696	(3.771.448.721)	N/A
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	167.241.610.166	167.318.748.431	(77.138.265)	100%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40.017.465.695	45.256.337.549	(5.238.871.854)	88%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3.664.034.013)	3.551.999.916	(7.216.033.929)	N/A
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	130.888.178.484	118.510.410.966	12.377.767.518	110%
	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	126.728.312.963	103.621.125.313	23.107.187.650	122%
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	4.159.865.521	14.889.285.653	(10.729.420.132)	28%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	422	328	94	129%

Kế hoạch kinh doanh trên BCTC riêng năm 2024

Đơn vị tính: đồng

	CHỈ TIÊU	Năm 2024 (Kế hoạch)	Năm 2023 [đã kiểm toán]	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	917.000.000	2.331.000.000	(1.414.000.000)	39%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	917.000.000	2.331.000.000	(1.414.000.000)	39%
4	Giá vốn hàng bán	175.000.000	421.263.408	(246.263.408)	42%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	742.000.000	1.909.736.592	(1.167.736.592)	39%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	230.556.240.000	269.720.584.522	(39.164.344.522)	85%
7	Chi phí tài chính	(1.706.886.060)	46.721.388.216	(48.428.274.276)	N/A

	CHỈ TIÊU	Năm 2024 (Kế hoạch)	Năm 2023 [đã kiểm toán]	Chênh lệch	Tỷ lệ
	Trong đó: Chi phí lãi vay	22.040.219.179	15.275.232.258	6.764.986.921	144%
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	172.657.958.463	172.855.062.109	(197.103.646)	100%
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	60.347.167.597	52.053.870.789	8.293.296.808	116%
10	Thu nhập khác	-	1.223.849.837	(1.223.849.837)	N/A
11	Chi phí khác	-	207.288.654	(207.288.654)	N/A
12	Lợi nhuận khác	-	1.016.561.183	(1.016.561.183)	N/A
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.347.167.597	53.070.431.972	7.276.735.625	114%
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.347.167.597	53.070.431.972	7.276.735.625	114%

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Chi tiết tại phụ lục 02 đính kèm.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Nhận thức được Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa với sự phát triển nhanh của các đô thị, tác động lớn đến môi trường và hệ sinh thái, Tổng Công ty xác định bảo vệ môi trường không chỉ là nhiệm vụ quan trọng mà còn là cam kết không ngừng của Tổng Công ty trong quá trình phát triển. Cụ thể, Tổng Công ty đã triển khai: Xây dựng văn hóa nội bộ tiết kiệm điện là tiết kiệm ngân sách quốc gia, bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống mai sau, hưởng ứng tích cực ngày Trái Đất, phổ biến và nâng cao ý thức của từng cán bộ công nhân viên; Trang bị những thiết bị điện tiết kiệm năng lượng như bóng đèn tiết kiệm điện mà vẫn đảm bảo công suất chiếu sáng cùng tuổi thọ cao; Chú trọng công tác bảo trì máy móc thiết bị vừa đảm bảo sử dụng hiệu quả tài sản vừa tận dụng năng suất với lượng tiêu thụ điện tương đương; Sử dụng nước tiết kiệm tránh lãng phí,...

Với những nỗ lực của Tổng Công ty suốt những năm qua, hành động nhỏ tác động lớn, Protrade tự hào đóng góp nhỏ công tác giữ gìn một Trái Đất màu xanh, một môi trường xanh sạch đẹp.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Ban Tổng Giám đốc xác định người lao động là nhân tố cốt lõi của một tổ chức phát triển bền vững. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã, đang và sẽ luôn chú trọng đến việc xây dựng các chính sách người lao động. Suốt những năm qua, hệ sinh thái Protrade đã giải quyết tốt vấn đề lao động của nhiều người lao động tại địa bàn, với chính sách lương thưởng phù hợp, chính sách phúc lợi theo quy định pháp luật và quy định của Tổng Công ty. Mặt khác, Tổng Công ty luôn khuyến khích người lao động phát triển chuyên môn, nâng cao trình độ nghiệp vụ trong môi trường làm việc an toàn.

Song song đó, Tổng Công ty cũng chú trọng về mặt tinh thần khi phối hợp với Công đoàn: Tổ chức du lịch nghỉ dưỡng định kỳ mỗi năm; Tổ chức thăm hỏi cán bộ

nhân viên ốm đau, hiếu hỉ; Trao tặng học bổng cho các con em cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; Giám sát phục vụ chất lượng bữa ăn cho người lao động, thay đổi thực đơn hàng ngày, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng phục vụ, cải thiện suất ăn cho người lao động; Tổ chức thi đua thể thao văn nghệ nhân dịp các ngày lễ lớn,... Ban Tổng giám đốc luôn tự hào vì đã xây dựng và phát triển một tập thể vững mạnh, một đoàn đội gắn kết.

c. **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Ban Tổng giám đốc hiểu được thành công của Tổng Công ty đến ngày hôm nay không thể nào không kể đến sự đóng góp của cộng đồng địa phương nơi Công ty hoạt động. Do đó, Tổng Công ty đã đồng hành cùng địa phương, hiện thực hóa giá trị của sự sẻ chia thông qua việc duy trì hoạt động từ thiện, trao tặng nhiều phần quà cho bệnh nhân nghèo, trẻ em mồ côi, gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, phối hợp cùng Công đoàn, Đoàn thanh niên tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội từ thiện, nêu cao tinh thần “trương thân tương ái”. Qua đó, Ban Tổng giám đốc luôn cố gắng đặt hoạt động sản xuất kinh doanh chung với phát triển bền vững, vì một Việt Nam khỏe mạnh và thịnh vượng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nền kinh tế toàn cầu năm 2023 bấp bênh trong bối cảnh chịu tác động kéo dài của các cú sốc tiêu cực chồng chéo như đại dịch Covid-19, xung đột tại khu vực Trung Đông và Nga-Ukraine gia tăng nguy hiểm, chính sách tiền tệ thắt chặt của các nước phát triển nhằm kiềm chế lạm phát và hướng tới tài chính công bền vững; xu hướng thu hẹp tiêu dùng và sụt giảm lượng đơn hàng xuất khẩu; những vấn đề về cơ cấu kinh tế và sự suy giảm mạnh thị trường bất động sản, giá năng lượng cao. Trong nước, tình hình kinh tế và thị trường tài chính năm 2023 khởi đầu với nhiều khó khăn chuyển tiếp từ năm 2022, theo đánh giá chung năm 2023 là một năm đặc biệt khó khăn và ẩn chứa rất nhiều khó khăn thách thức đối với hoạt động của các doanh nghiệp. Trong điều kiện hoạt động khó khăn như trên, Hội đồng quản trị thường xuyên đánh giá, có những nhận định bám sát thị trường. Cùng với Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị đã bám sát các diễn biến khó lường của điều kiện kinh doanh, tăng cường quản trị rủi ro, tuy nhiên trước sự ảnh hưởng của các yếu tố trên, tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc vẫn chịu những ảnh hưởng nhất định. Vì vậy, lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Tổng Công ty đạt 50% và lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán đạt 54% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Nhận thức vai trò quan trọng của việc bảo vệ môi trường, chăm sóc người lao động và phát triển cộng đồng, Tổng Công ty đặt mục tiêu hoạt động kinh doanh hiệu quả trong mục tiêu lớn phát triển bền vững. Đứng ở vai trò định hướng, Hội đồng quản

trị luôn đốc thúc, ủng hộ các sáng kiến bảo vệ môi trường của Ban Tổng Giám đốc áp dụng vào hoạt động kinh doanh. Trong năm qua, Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực Tổng Công ty trong việc tiết kiệm năng lượng và tránh lãng phí nguồn nước thông qua “Các hành động nhỏ, ý nghĩa lớn”. Không chỉ trong công tác vận hành kinh doanh, Tổng Công ty còn chú trọng trong công tác xây dựng con người, tuyên truyền nâng cao tinh thần bảo vệ môi trường với văn hóa nội bộ xanh sạch đẹp. Về mặt người lao động, Ban điều hành đã làm rất tốt trong việc đảm bảo thu nhập của người lao động năm qua dù tình hình kinh tế nhiều khó khăn, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn, thoải mái. Đối với các hoạt động xã hội tại địa bàn, Tổng Công ty luôn hết mình trong các hoạt động phục vụ xã hội như học bổng khuyến học, thăm hỏi những gia đình khó khăn, thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện,... Với những đóng góp trên, Hội đồng quản trị tin rằng Tổng Công ty sẽ luôn là một trong những thành viên tích cực trong công tác vì môi trường, vì xã hội.

Đánh giá Công tác quản lý rủi ro

Tổng Công ty xác định quản trị rủi ro là vấn đề trọng tâm của hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị chiến lược. Tổng Công ty đang triển khai hệ thống quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế được chấp nhận chung, đảm bảo phù hợp với tình hình kinh doanh của đơn vị và môi trường hoạt động tại Việt Nam.

Theo đó, hệ thống quản trị rủi ro bao gồm các bước:

1. Xác lập mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty;
2. Nhận diện rủi ro ảnh hưởng đến mục tiêu;
3. Đánh giá ảnh hưởng và khả năng xảy ra rủi ro theo thứ tự ưu tiên (bao gồm định tính và định lượng);
4. Triển khai xử lý rủi ro có xem xét đến các cơ hội cũng như mối đe dọa ảnh hưởng đến việc đạt được mục tiêu đề ra;
5. Giám sát việc xử lý rủi ro nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của quy trình quản trị rủi ro;
6. Trao đổi thông tin giữa các bộ phận và toàn thể nhân viên về rủi ro và hệ thống quản trị rủi ro nhằm đảm bảo các bên liên quan nhận thức đầy đủ về vai trò và trách nhiệm trong quản trị rủi ro.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời các hoạt động của Ban Tổng giám đốc, điều hành thông qua các cuộc họp định kỳ của HĐQT để triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT; theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản gửi cho HĐQT.

Việc chỉ đạo, điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty được đảm bảo theo nguyên tắc bàn bạc và quyết định công việc công khai, minh bạch, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có



hiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty. Ban Tổng giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, các buổi họp sản xuất kinh doanh định kỳ luôn được duy trì; việc quản lý và điều hành Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị đã giao quyền cho Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều lệ, các quy chế của Tổng Công ty và những quy định hiện hành của pháp luật, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát công tác điều hành thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất và báo cáo trực tiếp tại các buổi họp của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2023, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Dự báo năm 2024 sẽ có nhiều khó khăn thách thức lớn đối với nền kinh tế có độ mở lớn và định hướng xuất khẩu như Việt Nam. Tuy nhiên, HĐQT vẫn lạc quan về những cơ hội, thuận lợi đang xen. Trên cơ sở đó, HĐQT định hướng hoạt động năm 2024 và các năm tiếp theo với các mục tiêu sau:

- Tập trung xử lý và giải quyết các tồn đọng liên quan đến vấn đề cổ phần hóa của Tổng công ty.
- Tổ chức lại bộ máy của Tổng công ty và các công ty con theo phương hướng tinh gọn và hiệu quả, thu hút nhiều nhân sự có trình độ chuyên môn cao nhằm giúp cho Tổng công ty và công ty con từng bước phát triển và hội nhập với thế giới. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ quản lý.
- Đẩy mạnh công tác kiểm tra giám sát các công ty con, công ty liên kết thông qua việc đề cử bổ nhiệm các kiểm soát viên tại các đơn vị công ty con, công ty liên kết chưa tổ chức triển khai cơ cấu Ban Kiểm soát hoặc đã tổ chức nhưng Tổng Công ty chưa đề cử nhân sự để bầu thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị này.
- Rà soát và đánh giá lại toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con trực thuộc và các khoản đầu tư tại công ty liên doanh/liên kết, xem xét tính hiệu quả của từng đơn vị để có phương án đầu tư phát triển tăng vốn, tăng tỷ lệ sở hữu hoặc thoái vốn tại các đơn vị không mang lại hiệu quả. Từ đó, tập trung phát triển các ngành nghề mang lại hiệu quả cho Tổng công ty, nhằm xây dựng lại hình ảnh cũng như uy tín của Tổng Công ty trong giai đoạn mới.
- Phối hợp cùng với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương triển khai nhiều dự án mới.
- Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh trong hệ thống Tổng công ty.
- Nghiên cứu và phát triển thêm các lĩnh vực mới mang tính bền vững, bảo vệ môi trường và tối đa hóa lợi ích của các cổ đông trong thời gian 05 năm tới, cụ thể chiến

lược phát triển trong tương lai là phát triển lĩnh vực bất động sản đô thị và dịch vụ.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn An Định	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	0	0%
2	Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	70.000	0.023%
3	Ông Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%
4	Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên HĐQT không điều hành	1.313.000	0.44%
5	Ông Trần Việt Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%
6	Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên HĐQT không điều hành	5.500	0.0018%

STT	Họ và Tên Thông tin cơ bản	Chức danh quản lý tại các công ty khác
1	<p>Ông Nguyễn An Định</p> <ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Năm sinh: 1977 Trình độ: Cử nhân Kinh tế - Tài chính ứng dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT Công ty CP May mặc Bình Dương; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade; Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành;
2	<p>Ông Lê Trọng Nghĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc. Năm sinh: 1990 Trình độ: Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Tài chính. Cổ phiếu nắm giữ: 70.000 CP 	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành; Thành viên HĐQT Công ty CP Hưng Vượng; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé; Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade; Trưởng BKS Công ty CP May Mặc Bình Dương; Thành viên BKS Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc; Thành viên HĐQT Công ty TNHH YCH-Protrade; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương Mại Tổng Hợp Thuận An.
3	<p>Ông Mai Hữu Tín</p> <ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT. Năm sinh: 1969. Trình độ: Tiến sĩ QTKD. Cổ phiếu nắm giữ: 0 CP 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty Cổ phần Đầu Tư U&I Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Cao Su Phước Hòa Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ Thành viên HĐQT Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc



STT	Họ và Tên Thông tin cơ bản	Chức danh quản lý tại các công ty khác
		<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH YCH-Protrade
4	Ông Nguyễn Văn Thiên <ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Năm sinh: 1957 Trình độ: Thạc sỹ Kỹ thuật môi trường Cổ phiếu nắm giữ: 1.313.000 CP 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương. Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Chánh Phú Hòa Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cấp nước Gia Tân TV HĐQT Công ty CP Cấp nước Đồng Nai TV. HĐQT Công ty CP Cấp nước Cần Thơ
5	Ông Trần Việt Anh <ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Năm sinh: 1978 Trình độ: Cử nhân Khoa học. 	<ul style="list-style-type: none"> TV HĐQT kiêm TGD Công ty CP SAM Holdings TGD Công ty CP Địa Ốc Sacom. Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ. Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công viên nước Đầm Sen
6	Ông Trần Hồng Khôi <ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Sinh năm: 1979 Trình độ: Kỹ sư Điện tử Viễn thông. 	<ul style="list-style-type: none"> Trưởng phòng hành chính Công ty TNHH MTV Đầu tư & Quản lý Dự án Bình Dương.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Tiểu ban Chiến lược và Phát triển Công ty

- + Ông Mai Hữu Tín
- + Ông Nguyễn Văn Thiên
- + Ông Huỳnh Hữu Hùng

Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng

- + Ông Trần Hồng Khôi

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

- + Ông Lê Trọng Nghĩa

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm.

Hội đồng quản trị luôn xác định trách nhiệm của vai định hướng công ty, có nghĩa vụ chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận, cá nhân quản lý khác trong hoạt động điều hành của Tổng Công ty, đảm bảo việc tuân thủ thực hiện các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị tiếp tục hoàn thiện năng lực quản trị Công ty để đem lại hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trên tinh thần phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực.

- Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị.

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức thực hiện 05 phiên họp (gồm 03 phiên họp tập trung và 02 phiên lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản), có sự tham gia đầy đủ của Ban Kiểm soát theo đúng quy định:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn An Định	05/05	100%	
2	Ông Lê Trọng Nghĩa	05/05	100%	
3	Ông Mai Hữu Tín	05/05	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Thiên	05/05	100%	
5	Ông Trần Việt Anh	05/05	100%	
6	Ông Trần Hồng Khôi	05/05	100%	

- Nội dung và kết quả của các cuộc họp.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	64/NQ-HĐQT	04/01/2023 (Họp lần 01 - năm 2023)	Thông qua việc ủy quyền cho Ông Nguyễn An Định – TVHĐQT kiêm Tổng Giám đốc quyết định ngày tổ chức ĐHĐCĐ, ngày chốt danh sách cổ đông vào thời gian phù hợp và các vấn đề khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.	100%
2	65/NQ-HĐQT	04/01/2023 (Họp lần 01 - năm 2023)	(1) Thống nhất báo cáo về công tác chuẩn bị và các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. (2) Thống nhất báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán, Quyết toán quỹ lương Ban điều hành và CB-CNV năm 2021. (3) Thống nhất Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022; Phê duyệt quỹ lương kế hoạch của Ban điều hành và CB-CNV năm 2022.	100%
3	66/NQ-HĐQT	13/03/2023 (Họp lần 02 - năm 2023)	(1) Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 (2) Thống nhất giao Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty nộp bổ sung tiền sử dụng đất theo bản án 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án Nhân dân TP. Hà Nội dựa trên phương án tối ưu nhất. (3) Thống nhất chủ trương thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan cho việc giám đốc thẩm đối với bản án của Tổng Công ty. (4) Thống nhất việc tạm ngừng sản xuất của Công ty TNHH Giấy Vĩnh Phú. Giao Ban Tổng Giám đốc làm việc với đối tác xem xét việc hợp tác liên doanh. Nếu việc hợp tác liên doanh không thể thực hiện thì Ban TGD lập phương án giải thể trình Hội đồng quản trị phê duyệt để trình Đại hội cổ đông thông qua trong thời gian gần nhất.	100%
4	68/NQ-HĐQT	19/04/2023 (Lấy ý kiến bằng văn bản lần 01 – năm 2023)	Thống nhất ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, ngày chốt danh sách cổ đông vào thời gian phù hợp nhưng không quá 30/06/2023 và các vấn đề khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.	100%
5	69/NQ-HĐQT	19/04/2023	Thống nhất phê duyệt chi trả thù lao còn lại năm	100%

2014
IG CÓN
AN XU.
NHẬP
IH DƯ
:ÔNG
:Ố PH
AN-T

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
		(Lấy ý kiến bằng văn bản lần 01 – năm 2023)	2021 cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty với số tiền là 1.296.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế TNCN).	
6	70/NQ-HĐQT	07/06/2023 (Họp lần 03 - năm 2023)	(1) Thống nhất báo cáo về công tác chuẩn bị và các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. (2) Thống nhất báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, Quyết toán quỹ lương Ban điều hành và CB-CNV năm 2022. (3) Thống nhất Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023; Phê duyệt quỹ lương kế hoạch của Ban điều hành và CB-CNV năm 2023.	100%
7	71/NQ-HĐQT	07/06/2023 (Họp lần 03 - năm 2023)	Thông qua việc ủy quyền cho Ông Nguyễn An Định – TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc quyết định ngày chốt danh sách cổ đông, thời gian chi trả cổ tức năm 2021 và các vấn đề khác liên quan đến việc chi trả cổ tức năm 2021.	100%
8	73/NQ-HĐQT	29/08/2023 (Lấy ý kiến bằng văn bản lần 02 – năm 2023)	Thống nhất phê duyệt chi trả thù lao năm 2022 cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty với số tiền là 1.900.800.000 (đã bao gồm thuế TNCN, mức chi cụ thể của từng thành viên HĐQT, BKS, Thư ký Công ty theo danh sách đính kèm).	100%
9	18/QĐ-HĐQT	01/02/2023	Quyết định Thành lập Ban tổ chức Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.	100%
10	19/QĐ-HĐQT	17/03/2023	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.	100%
11	20/QĐ-HĐQT	14/06/2023	Quyết định Thành lập Ban tổ chức Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	100%

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Trong năm 2023 Tổng Công ty tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến các vấn đề tồn tại của giai đoạn 100% vốn sở hữu của Tỉnh ủy Bình Dương (Công ty TNHH MTV) và nhân sự chưa ổn định nên ba Tiểu ban bao gồm: Tiểu ban Chiến lược và Phát triển Tổng Công ty, Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ chưa tổ chức thực hiện nhiệm vụ như mục tiêu đã đề ra.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn An Định	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

STT	Thành viên	Chức vụ
2	Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Ông Trần Việt Anh	Thành viên HĐQT không điều hành
6	Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên HĐQT không điều hành

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

(*) Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Ngọc Trường Long	Thành viên BKS	23.000	0.0076%
2	Ông Lê Văn Minh	Thành viên BKS		
3	Ông Cao Hoàng Đề	Thành viên BKS		

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của BKS

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Ngọc Trường Long	Thành viên BKS	03/03	100%	
2	Ông Lê Văn Minh	Thành viên BKS	03/03	100%	
3	Ông Cao Hoàng Đề	Thành viên BKS	03/03	100%	

Kết quả của các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

Lần họp	Ngày họp	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	12/04/2023	Xây dựng chương trình giám sát Báo cáo Tài chính và tình hình hoạt động năm 2022; cử thành viên đại diện thay mặt Ban Kiểm soát ký phát hành các thông báo, Chương trình làm việc tại Tổng công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	100%
2	18/04/2023	Đề cử thành viên đại diện thay mặt Ban Kiểm soát ký phát hành các Thông báo, Công văn, Chương trình làm việc tại Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	100%
3	24/10/2023	Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh 09 tháng năm 2023 tại Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	

• **Hoạt động giám sát của BKS toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:**

Giám sát hoạt động của HĐQT: Trong năm 2023, HĐQT đã tiến hành 03 cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản 02 lần và ban hành 08 Nghị quyết HĐQT để lấy ý kiến quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Nội dung chủ yếu về tình hình sản xuất kinh doanh; Quy chế quản lý, Quy chế tài chính, tạm ứng, công tác tổ chức đại hội thường niên năm 2023, nhân sự Hội đồng quản trị và các tiểu ban và quyết định một số vấn đề về kinh doanh, giao dịch cần có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo Quy chế quản trị và Điều lệ của Tổng Công ty. Nội dung họp, nghị quyết ban hành phù hợp thẩm quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Khi cần giải quyết những vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền liên quan hoạt động Tổng Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản và có thông tin kết quả cho Ban kiểm soát.

Giám sát Ban Tổng giám đốc; Ban Điều hành: Trong năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong năm 2023, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

• **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong hoạt động. Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát tham dự, đóng góp ý kiến. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành được cung cấp đầy đủ, kịp thời cho Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban, cán bộ quản lý Tổng Công ty đã tạo điều kiện làm việc và cung cấp đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Theo Báo cáo Tài Chính Hợp nhất 2023

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
I	Hội đồng quản trị		
1	Ông Nguyễn An Định	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.161.476.570
2	Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	945.476.570
3	Ông Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT không điều hành	321.476.570
4	Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên HĐQT không điều hành	321.476.570
5	Ông Trần Việt Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	321.476.570
6	Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên HĐQT không điều hành	321.476.570
7	Ông Võ Hồng Cường (Đã miễn nhiệm)	Thành viên HĐQT	138.037.681
II	Ban kiểm soát		
1	Ông Nguyễn Ngọc Trường Long	Thành viên BKS	259.148.504
2	Ông Lê Văn Minh	Thành viên BKS	309.483.150
3	Ông Cao Hoàng Đê	Thành viên BKS	259.148.504
III	Kế toán trưởng		
1	Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Kế toán trưởng	488.400.000

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Tính đến ngày 31/12/2023.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Lê Trọng Nghĩa – TV.HĐQT		0	0%	70.000	0.0233%	Tăng tỷ lệ sở hữu
2	Ông Nguyễn Ngọc Trường Long – TV.BKS		3.000	0.001%	23.000	0.0077%	Tăng tỷ lệ sở hữu
3	Bà Phạm Thị Xuân Hòa	Vợ ông Cao Hoàng Đê - TV.BKS	0	0%	15.000	0.005%	Tăng tỷ lệ sở hữu
4	Bà Nguyễn Thị Kim Phụng – Kế toán Trưởng		2.000	0.00066%	7.000	0.0023%	Tăng tỷ lệ sở hữu
5	Ông Huỳnh Quốc Huy – Người UQ CBTT		2.200	0.00073%	35.200	0.012%	Tăng tỷ lệ sở hữu

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:




ST T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Nội dung, số lượng	, Tổng giá trị giao dịch (VNĐ)
1	Công ty TNHH FrieslandCampina VN	Công ty liên kết	(1) Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia:	39.000.000.000
2	Công ty CP May Mặc Bình Dương	Công ty liên kết	(1) Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia:	35.494.254.000
3	Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade	Công ty con	(1) Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia: (2) Tiền vay nhận được: (3) Chi phí đi vay: (4) Thanh toán nợ vay:	189.417.444.114 140.000.000.000 8.402.082.191 25.000.000.000
4	Công ty CP Thương Mại Tổng Hợp Thuận An	Công ty con	(1) Mua hàng hóa dịch vụ:	374.116.182
5	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	Công ty mẹ.	(1) Mua hàng hóa dịch vụ:	2.789.535.221
6	Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	Công ty liên kết	(1) Mua hàng hóa dịch vụ: (2) Thanh toán nợ vay:	1.053.474.720 26.800.000.000
7	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Công ty con	(1) Chi phí đi vay: (2) Tiền vay nhận được:	1.178.287.671 45.500.000.000
8	Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	(1) Mua hàng hóa dịch vụ:	247.096.172
9	Công ty TNHH Sân Golf Palm-Sông Bé	Công ty con	(1) Mua hàng hóa dịch vụ: (2) Thanh lý tài sản: (3) Chi phí đi vay: (4) Tiền vay nhận được:	2.920.442.267 345.454.545 3.449.108.849 110.000.000.000

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Quản trị Công ty (QTCT) tại Tổng Công ty luôn thực hành theo các hướng dẫn của Bộ nguyên tắc QTCT dành cho các công ty đại chúng Việt Nam, tham chiếu theo Bộ nguyên tắc QTCT của G20/ OECD, Thẻ điểm QTCT của ASEAN. Bên cạnh đó, Protrade còn tuân thủ theo các quy định của pháp luật về QTCT như: Nghị định 155/2020/ NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư 96/2020/ TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nhiệm vụ công bố thông tin của Công ty cho cổ đông, nhà đầu tư được công bố đúng quy định thông qua website Protrade.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Các quyết định của Hội đồng quản trị luôn được đưa ra đúng quy trình và phù hợp với thẩm quyền của mình, đồng thời tuân thủ các quyết định được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Ban Tổng Giám đốc điều hành công ty với sự tôn trọng tuyệt đối đối với luật pháp, đảm bảo rằng mọi quyết định và hành động của công ty đều đúng theo quy định pháp luật hiện hành. Tổng Công ty luôn chú trọng đến tính minh bạch, công bằng và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của cổ đông. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đặt mục tiêu phát triển bền vững và có trách nhiệm xã hội, thông qua việc xây dựng một môi trường làm việc tích cực và đồng thuận, và cam kết bảo vệ môi trường.

VI. Báo cáo tài chính:

Chi tiết đính kèm tại phụ lục 01./ 

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán nhà nước;
- Sở GD Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông;
- Website công ty;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Trần **TỔNG GIÁM ĐỐC** *Trần*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Trần Trọng Nghĩa



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU
BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 06
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	07 - 59
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 59

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

TỔNG CÔNG TY

Tiền thân của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP là Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103728 ngày 26 tháng 11 năm 1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 11 năm 2006. Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được chuyển đổi thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình TNHH Một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700148166 ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700148166 ngày 01 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 07 vào ngày 03 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2024
Ông Nguyễn An Định	Thành viên	Đến ngày 29/02/2024
Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên	
Ông Trần Việt Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên	
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên	
Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Trọng Nghĩa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2024
Ông Nguyễn An Định	Tổng Giám đốc	Đến ngày 29/02/2024
Ông Lê Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 29/02/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Trường Long	Thành viên
Ông Cao Hoàng Đề	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

1001
TỔNG C
SẢN
XUẤT N
BÌNH
CỔ
C
THUAN

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Trọng Nghĩa



Số: 270324.003/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP được lập ngày 27 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 59, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo nội dung tại thuyết minh số 42a và 42c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, liên quan đến hoạt động chuyển giao đất và hủy hợp đồng chuyển giao đất đối với Công ty TNHH Phát Triển và Công ty Cổ phần Bất động sản U&I, các giao dịch nêu trên đã được thực hiện căn cứ theo chủ trương đã được Tỉnh ủy Bình Dương chấp thuận và theo thỏa thuận giữa các bên. Lợi nhuận từ các giao dịch chuyển nhượng do phát sinh trước giai đoạn cổ phần hóa nên đã được Tổng Công ty điều chỉnh giảm trừ số dư công nợ lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước tại thuyết minh số 22. Đồng thời tại thuyết minh số 22 (ghi chú (1)), Tổng Công ty đang trình bày việc điều chỉnh giảm số dư công nợ lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước trong năm 2023 với số tiền 3,396 tỷ đồng tương ứng với tiền chậm nộp tiền sử dụng đất theo Quyết định số 3832/QĐ-CTBDU ngày 20/09/2023 của Cục thuế tỉnh Bình Dương. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, số dư các khoản mục nêu trên chưa được đối chiếu xác nhận, đồng thời Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

96-C.1
TY
T-
KHẨU
NG
Y
IN
BINH DUONG

- Theo nội dung trình bày tại Thuyết minh số 42b của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, liên quan đến việc chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần An Bình, tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023, Tổng Công ty đang trình bày khoản phải thu liên quan đến hợp đồng bồi thường kinh phí đất và chuyển giao đất phát sinh trước thời điểm chuyển sang công ty cổ phần với số tiền là 60 tỷ đồng. Ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hiện tại các bên chưa có thỏa thuận về việc xử lý các nội dung liên quan đến hợp đồng nêu trên. Với các bằng chứng đã thu thập được, chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng không thể đánh giá được khả năng thu hồi của khoản phải thu này và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
- Chúng tôi không đánh giá được tính phù hợp của giao dịch góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành ("Tân Thành"), việc tính lãi tiền ứng vốn liên quan và khả năng thu hồi của khoản phải thu này, thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 41b của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại thời điểm 31/12/2023, khoản phải thu này đã quá hạn tuy nhiên Tổng Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này.

Cũng liên quan đến Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành, tại thuyết minh số 07 và 08 đang trình bày số dư các khoản cho vay và tiền lãi tương ứng đã quá hạn của Tân Thành với số tiền tại thời điểm 31/12/2023 lần lượt là 148,55 tỷ đồng và 57,03 tỷ đồng, số dự phòng đã trích lập tương ứng là 56,29 tỷ đồng. Trong năm 2023 Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi phát sinh tương ứng với dư nợ gốc cho Tân Thành vay.

Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không đánh giá được khoản lãi vay, lãi chậm trả quá hạn cần được ghi nhận bổ sung cũng như khả năng thu hồi của các khoản phải thu nêu trên, số dự phòng cần trích lập và ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

- Theo nội dung được trình bày tại thuyết minh số 08 và 41c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty phải nộp truy thu tiền sử dụng đất do áp sai đơn giá và tiền phạt chậm nộp tương ứng theo bản án của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, thông báo của Cục thuế Bình Dương và thông báo của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội với tổng số tiền là 1.060,22 tỷ đồng. Tổng số tiền Tổng Công ty đã nộp và được khấu trừ là 1.060,22 tỷ đồng, trong đó 806,17 tỷ đồng nộp bằng tiền và 254 tỷ đồng được cơ quan thi hành án khấu trừ, số được khấu trừ bao gồm:

- + Số tiền 128,36 tỷ đồng do các cá nhân có liên quan nộp khắc phục hậu quả thông qua Tổng Công ty;
- + Số tiền 125,694 tỷ đồng Tổng Công ty đã tạm nộp trong năm 2019, trong đó bao gồm số dư phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú mà chúng tôi đã nêu ý kiến ngoại trừ các năm trước (xem thêm tại thuyết minh số 08 và 41a).

Tổng số tiền Tổng Công ty đã thực nộp và được khấu trừ nêu trên (không bao gồm số phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú) được ghi nhận trên khoản mục "Phải thu khác - Phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa" và được trích lập dự phòng tương ứng vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay là 70,68 tỷ đồng (thuyết minh số 08 và số 32) căn cứ theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023, đồng thời số tiền các cá nhân đã nộp khắc phục hậu quả thông qua Tổng Công ty là 128,356 tỷ đồng được ghi nhận khoản phải trả trên khoản mục "Phải trả khác" (thuyết minh 22). Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp và chính xác cũng như khả năng thu hồi của khoản Phải thu khác - Phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa và số dư dự phòng tương ứng, số dư phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú cũng như việc ghi nhận khoản phải trả cho các cá nhân liên quan đến bản án. Chúng tôi cũng chưa xác định được việc có cần ghi nhận bổ sung nghĩa vụ tiền sử dụng đất và tiền phạt chậm nộp (nếu có) liên quan đến các khoản truy thu tiền sử dụng đất của các lô đất khác theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV năm 2017 và ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính về các nội dung sau:

- Tổng Công ty đang trình bày giá trị bất động sản đầu tư nắm giữ với mục đích chờ tăng giá là quyền sử dụng đất có tổng giá trị 78 tỷ đồng tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích là 10.547 m² theo nội dung tại Thuyết minh số 14 của Báo cáo tài chính hợp nhất. Bất động sản đầu tư này được mua trước giai đoạn Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần và vẫn chưa hoàn tất thủ tục sang tên chủ sở hữu cho Tổng Công ty.
- Các lô đất tại xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương mà Tổng Công ty đã mua trước thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần đã được Tổng Công ty bàn giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Chi phí đầu tư của các lô đất này đang được theo dõi trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" - Quyền sử dụng đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương (chi tiết tại thuyết minh số 11 - ghi chú (3) của Báo cáo tài chính hợp nhất), việc xử lý khoản chi phí này đang được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét phê duyệt.
- Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/10/2018, xem chi tiết tại thuyết minh số 43.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Giám đốc

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2202-2023-002-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Sang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3864-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.053.125.919.589	2.678.258.807.029
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	547.387.693.841	311.401.475.694
111	1. Tiền		153.887.693.841	201.401.475.694
112	2. Các khoản tương đương tiền		393.500.000.000	110.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	320.384.000.000	644.800.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		320.384.000.000	644.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		638.476.840.600	773.937.380.755
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	158.846.540.692	248.859.006.546
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	44.272.660.423	5.169.191.438
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	149.682.975.611	176.218.953.457
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	346.945.705.413	354.132.171.730
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(61.271.041.539)	(10.441.942.416)
140	IV. Hàng tồn kho	10	506.845.840.411	564.321.174.199
141	1. Hàng tồn kho		546.224.683.111	602.548.862.947
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(39.378.842.700)	(38.227.688.748)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		40.031.544.737	383.798.776.381
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	4.380.386.132	2.148.490.937
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.165.927.110	15.243.259.230
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	21.485.231.495	366.407.026.214
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.779.262.447.404	3.059.170.640.933
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		971.489.728.412	81.487.749.652
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	05	60.000.000.000	60.000.000.000
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	06	-	11.453.700.000
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn	07	9.896.049.652	9.896.049.652
216	4. Phải thu dài hạn khác	08	972.275.328.857	138.000.000
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(70.681.650.097)	-
220	II. Tài sản cố định		1.547.378.597.810	1.713.241.309.744
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	987.821.934.487	1.127.829.096.501
222	- Nguyên giá		1.884.887.777.878	1.982.357.032.278
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(897.065.843.391)	(854.527.935.777)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	559.556.663.323	585.412.213.243
228	- Nguyên giá		719.116.751.536	718.459.506.874
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(159.560.088.213)	(133.047.293.631)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	189.902.743.404	192.609.983.657
231	- Nguyên giá		201.186.380.934	200.749.120.583
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.283.637.530)	(8.139.136.926)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		133.539.108.352	128.627.143.695
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	133.539.108.352	128.627.143.695
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	820.003.242.053	805.328.345.412
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		818.101.509.253	803.426.612.612
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.901.732.800	1.901.732.800
260	VI. Tài sản dài hạn khác		116.949.027.373	137.876.108.773
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	116.949.027.373	137.876.108.773
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.832.388.366.993	5.737.429.447.962

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.851.217.471.957	1.611.187.051.404
310	I. Nợ ngắn hạn		1.531.693.000.619	1.239.940.179.475
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	18.219.276.174	13.622.870.464
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	30.962.446.112	24.081.527.854
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	47.852.068.363	50.901.425.919
314	4. Phải trả người lao động		30.383.450.664	50.239.316.049
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	526.300.188.202	520.520.835.036
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	13.790.669.300	8.170.453.788
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	634.023.929.676	465.488.534.802
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	202.654.532.834	84.470.341.770
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		995.000.000	995.000.000
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		26.511.439.294	21.449.873.793
330	II. Nợ dài hạn		319.524.471.338	371.246.871.929
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	23.004.297.221	31.051.348.862
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	76.765.338.991	74.404.238.480
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	-	43.720.501.959
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	36	219.754.835.126	222.070.782.628
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.981.170.895.036	4.126.242.396.558
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	3.981.170.895.036	4.126.242.396.558
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		11.949.349.305	11.949.349.305
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(35.469.525.274)	(35.469.525.274)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24	(176.349.894.433)	(139.410.416.402)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		63.703.539.966	55.367.268.821
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		725.688.007.574	815.894.014.217
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		622.066.882.261	559.314.022.763
421b	LNST chưa phân phối năm nay		103.621.125.313	256.579.991.454
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		391.649.417.898	417.911.705.891
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.832.388.366.993	5.737.429.447.962

Người lập



Trần Vinh Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Phượng

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Trọng Nghĩa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	1.158.033.524.801	1.607.025.666.201
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	1.578.339.946	1.646.802.955
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.156.455.184.855	1.605.378.863.246
11	4. Giá vốn hàng bán	28	797.986.459.244	1.162.668.047.477
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		358.468.725.611	442.710.815.769
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	48.637.233.062	82.889.011.854
22	7. Chi phí tài chính	30	22.213.656.423	47.437.098.492
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.862.555.725	16.947.552.195
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		89.169.150.642	152.134.498.474
25	9. Chi phí bán hàng	31	43.055.752.075	47.234.493.046
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	267.185.138.082	165.871.533.426
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		163.820.562.735	417.191.201.133
31	12. Thu nhập khác	33	5.220.753.845	1.344.506.910
32	13. Chi phí khác	34	1.722.568.149	35.801.154.869
40	14. Lợi nhuận khác		3.498.185.696	(34.456.647.959)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		167.318.748.431	382.734.553.174
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	45.256.337.549	51.739.709.354
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36	3.551.999.916	13.751.637.941
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		118.510.410.966	317.243.205.879
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		103.621.125.313	284.033.511.599
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		14.889.285.653	33.209.694.280
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37	328	899

Người lập

Trần Vĩnh Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Phượng

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Trọng Nghĩa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		167.318.748.431	382.734.553.174
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		99.551.538.621	110.129.893.378
03	- Các khoản dự phòng		122.661.903.172	29.194.602.824
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		528.336.400	(1.548.345.841)
05	- Lỗ từ hoạt động đầu tư		(127.629.657.932)	(201.580.103.229)
06	- Chi phí lãi vay		10.862.555.725	16.947.552.195
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		273.293.424.417	335.878.152.501
09	- Biến động các khoản phải thu		(563.329.782.177)	52.876.083.538
10	- Biến động hàng tồn kho		49.021.289.197	86.894.883.858
11	- Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		166.975.653.740	(171.061.252.902)
12	- Biến động chi phí trả trước		18.695.186.205	23.951.742.810
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.953.222.951)	(16.890.985.927)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(48.243.780.810)	(30.661.249.177)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.981.824.669)	(3.143.044.269)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(121.523.057.048)	277.844.330.432
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(46.134.324.074)	(56.578.226.616)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		841.045.753	519.939.480
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(264.022.154)	(248.900.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		351.216.000.000	6.038.135.921
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		119.272.486.961	171.181.034.000
28	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		424.931.186.486	(127.739.117.215)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		492.677.179.442	250.759.419.708
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(418.213.490.337)	(411.932.744.988)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(150.000.000.000)	(2.298.172.027)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(75.536.310.895)</i>	<i>(163.471.497.307)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		227.871.818.543	(13.366.284.090)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		311.401.475.694	286.085.953.704
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		8.114.399.604	38.681.806.080
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>547.387.693.841</u>	<u>311.401.475.694</u>

Người lập

Trần Vĩnh Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Phượng

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Trọng Nghĩa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tiền thân của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP là Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103728 ngày 26 tháng 11 năm 1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 11 năm 2006. Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được chuyển đổi thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình TNHH Một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700148166 ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700148166 ngày 01 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 07 vào ngày 03 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.000.000.000.000 đồng tương đương với 300.000.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ sân golf và hạ tầng khu công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế;
- Sản xuất kinh doanh giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Gia công chế tạo lắp ráp máy móc thiết bị và các loại sản phẩm từ nguyên liệu kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông;
- Kinh doanh vật tư, dụng cụ y tế. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Kinh doanh sân golf, khách sạn và các dịch vụ du lịch giải trí;
- Chế tạo, lắp ráp các khung nhà, xưởng bằng kim loại;
- Mua bán các loại máy móc, vật tư, thiết bị, cơ khí điện lạnh và các nguyên liệu về kim loại;
- Khai thác gỗ ...

Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm nay giảm 198,73 tỷ đồng, tương ứng giảm 62,64% so với năm trước. Nguyên nhân biến động chủ yếu như sau:

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh giảm 449 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 27,94%. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 364,7 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 31,37% chủ yếu do tình hình hoạt động kinh doanh tại các đơn vị thành viên gặp khó khăn. Điều này dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 84,24 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 19,03%;
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 34,25 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 41,32% chủ yếu do giảm lãi chênh lệch tỷ giá và giảm lãi tiền gửi, lãi cho vay tại các đơn vị thành viên; Chi phí hoạt động tài chính giảm 25,22 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 53,17% chủ yếu do giảm chi phí lãi vay và giảm lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 101,3 tỷ đồng, tương ứng tăng 61,08% chủ yếu do ghi nhận chi phí dự phòng khoản phải thu liên quan đến tạm nộp các nghĩa vụ bổ sung trong giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước, thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là từ 12 tháng trở xuống, riêng chi phí đầu tư dự án bất động sản tại phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tại Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé là dự án có thời gian thực hiện vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường được phân loại là tài sản dở dang dài hạn.

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	KP Apparell Manufacturing Co.,Ltd	Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	Sản xuất hàng sợi, vải, may mặc
2	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ giấy
3	Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	Tỉnh Bình Dương	62,68%	62,68%	Kinh doanh thương mại
4	Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh dịch vụ Golf
5	Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Tỉnh Bình Dương	51,00%	51,00%	Trồng, khai thác, chế biến mủ cao su

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ d94 được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi ;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

148166
CÔNG TY
SẢN XUẤT-
NHẬP KHẨU
BÌNH DƯƠNG
CÔNG TY
CỔ PHẦN
AN-T.B

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 07 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Khấu hao tài sản đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 04 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

2.13 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là quyền sử dụng đất trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Quyền sử dụng đất	44 năm

2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.15 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng;
- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán: căn cứ phần chênh lệch giữa chi phí theo đơn giá dự toán và chi phí thực tế tổng hợp.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.22 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.23 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.24 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển hạ tầng

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng là doanh thu tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.25 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Tổng Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Tổng Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Tổng Công ty ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.26 . Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán được phê duyệt, đã phát sinh thực tế nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.27 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.28 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Chính sách ưu đãi thuế

- Tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade: Công ty được áp dụng mức thuế suất bằng 10% lợi nhuận thu được trong mười lăm năm (15) kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2007) và thuế suất bằng 20% cho thời gian còn lại. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm (04) tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (kỳ kế toán kết thúc ngày 31/10/2018) và được giảm 50% đối với thuế suất áp dụng trong chín (09) năm tiếp theo;
- Tại Công ty TNHH MTV Sân Golf Palm Sông Bé: Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 18% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính và mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường đối với thu nhập khác.

d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.29 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



2.30 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	5.474.136.317	18.715.158.405
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	148.324.435.429	182.435.582.024
Tiền đang chuyển	89.122.095	250.735.265
Các khoản tương đương tiền (*)	393.500.000.000	110.000.000.000
	547.387.693.841	311.401.475.694

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 393.500.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,3%/năm đến 3,75%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	320.384.000.000	-	644.800.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	320.384.000.000	-	644.800.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 320,38 tỷ đồng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,4%/năm đến 8,6%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty liên kết

Mã chứng khoán	Địa chỉ	31/12/2023			01/01/2023		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Tỉnh Bình Dương	35,00%	35,00%	49.052.241.080	35,00%	35,00%	61.481.570.081
- Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	130.476.956.315	30,00%	30,00%	149.021.108.586
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Tỉnh Bình Dương	27,52%	24,00%	169.655.733.087	27,52%	24,00%	144.471.536.245
- Công ty Cổ phần Hưng Vương	Tỉnh Bình Dương	30,90%	30,90%	3.414.669.512	30,90%	30,90%	7.804.525.108
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	105.057.003.487	30,00%	30,00%	80.166.963.831
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Tỉnh Bình Dương	41,74%	30,00%	97.563.285.996	41,74%	30,00%	108.904.778.259
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	BDG Tỉnh Bình Dương	47,71%	47,71%	262.881.619.776	47,71%	47,71%	251.576.130.502
				818.101.509.253			803.426.612.612

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết trong năm: Xem Thuyết minh số 46.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	1.901.732.800	-	-	1.901.732.800	-
	1.901.732.800			1.901.732.800	

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>Bên liên quan</i>	730.556.584	-	468.432.551	-
- Công ty CP Phát triển Phú Mỹ	603.196.000	-	276.478.400	-
- Công ty CP May mặc Bình Dương	43.889.382	-	51.706.701	-
- Công ty CP Hưng Vượng	83.471.202	-	140.247.450	-
<i>Bên khác</i>	158.115.984.108	(4.982.180.088)	248.390.573.995	(3.941.431.884)
- Công ty TNHH Thực nghiệp HL-VT Việt Nam	25.961.994.916	-	-	-
- Công ty TNHH Đông Tuấn Việt Nam	4.341.940.834	-	26.596.054.330	-
- Công ty TNHH Summer Wind	20.803.783.790	-	17.008.357.610	-
- Các khách hàng khác	107.008.264.568	(4.982.180.088)	204.786.162.055	(3.941.431.884)
	158.846.540.692	(4.982.180.088)	248.859.006.546	(3.941.431.884)
b) Dài hạn				
<i>Bên khác</i>	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần An Bình (*)	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-

(*) Đây là khoản phải thu chuyển giao 15 ha đất tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ngày 22/12/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3536/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý để giao cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một. Tuy nhiên, vào ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh nêu trên. Thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 42.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>Bên khác</i>				
- Ông Bùi Thanh Hải	10.207.700.000	-	-	-
- Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Và Công Nghệ Môi Trường Dương Nhật	22.344.298.604	-	-	-
- Công ty TNHH Lào Bidina	10.185.842.279	-	968.572.003	-
- Các khách hàng khác	1.534.819.540	-	4.200.619.435	-
	44.272.660.423	-	5.169.191.438	-
b) Dài hạn				
- Ông Bùi Thanh Hải	-	-	11.453.700.000	-
	-	-	11.453.700.000	-

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - C.T.C.P

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn						
<i>Bên liên quan</i>						
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành ⁽¹⁾	175.347.102.061	-	-	26.800.000.000	148.547.102.061	(32.204.130.618)
<i>Bên khác</i>						
- Điện lực Bình Dương ⁽²⁾	871.851.396	-	264.022.154	-	1.135.873.550	-
	<u>176.218.953.457</u>	<u>-</u>	<u>264.022.154</u>	<u>26.800.000.000</u>	<u>149.682.975.611</u>	<u>(32.204.130.618)</u>
b) Dài hạn						
<i>Bên khác</i>						
- Công ty TNHH Du lịch D&M ⁽³⁾	9.896.049.652	-	-	-	9.896.049.652	-
	<u>9.896.049.652</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>9.896.049.652</u>	<u>-</u>



Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành

Hợp đồng cho vay	Loại tiền	Mục đích vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2023	01/01/2023
						VND	VND
- Hợp đồng vay vốn số 01/2021/HĐVV ngày 01/11/2021	VND	Bổ sung vốn lưu động	9,25%/năm	12 tháng	Tin chấp	41.200.000.000	68.000.000.000
- Hợp đồng vay vốn ngày 08/01/2016 và phụ lục hợp đồng ngày 31/12/2019	VND	Bổ sung vốn lưu động	8%/năm	36 tháng kể từ ngày 01/01/2020	Tin chấp	25.847.102.061	25.847.102.061
- Hợp đồng vay vốn số 2017/HĐVV ngày 30/11/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 31/12/2019	VND	Bổ sung vốn lưu động	8%/năm	36 tháng kể từ ngày 01/01/2020	Tin chấp	81.500.000.000	81.500.000.000
						148.547.102.061	175.347.102.061

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay ngắn hạn khác như sau:

(2) Đây là khoản ứng vốn cho Công ty Điện lực Bình Dương ("BĐC") về việc xây dựng hệ thống lưới điện 22 Kilo Vôn tại Khu Công nghiệp An Tây theo hợp đồng số 56/HĐ-PCBD ký ngày 30 tháng 1 năm 2019 và các phụ lục điều chỉnh, trong đó, Công ty cấp khoản ứng vốn này cho BĐC nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống lưới điện, nhờ đó thu hút thêm khách hàng thuê đất tại Khu Công nghiệp. Số tiền này sẽ được thanh toán dần dựa trên doanh thu mà BĐC có được từ việc cung cấp điện.

(3) Khoản phải thu Công ty TNHH Du lịch D&M về cho vay triển khai các thủ tục ban đầu của dự án khu du lịch tại Mũi Né, tỉnh Bình Thuận do Công ty TNHH Du lịch D&M làm chủ đầu tư với lãi suất 0%/năm, hình thức đảm bảo là tin chấp. Theo Biên bản bàn giao số 02/BBBG-TCTY ngày 29/06/2021 về việc chuyển giao quyền đại diện sở hữu vốn tại Công ty TNHH Du lịch D&M của Tổng Công ty cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương ("IMPCo"), trong thời gian 06 tháng kể từ ngày được Tỉnh ủy Bình Dương phê duyệt, IMPCo có trách nhiệm hoàn trả lại khoản vay của Công ty TNHH Du lịch D&M cho Tổng Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tỉnh ủy Bình Dương vẫn chưa có văn bản phê duyệt nội dung nêu trên.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	172.913.753.054	(24.084.730.833)	172.913.753.054	(6.500.510.532)
+ Tiền lãi cho vay ngắn hạn	57.029.572.232	(24.084.730.833)	57.029.572.232	(6.500.510.532)
+ Tiền lãi bổ sung theo thỏa thuận ⁽¹⁾	115.884.180.822	-	115.884.180.822	-
- Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	8.757.577.407	-	15.200.287.671	-
- Phải thu về tạm ứng	13.792.998.956	-	12.372.139.573	-
- Các khoản thế chấp, ký quỹ	236.729.085	-	236.729.085	-
- Phải thu Cục thuế Bình Dương tiền hoàn thuế do hủy hợp đồng ⁽²⁾	61.014.602.231	-	61.014.602.231	-
- Phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú tiền chênh lệch giá chuyển nhượng khu đất 43 ha ⁽³⁾	87.986.422.597	-	87.986.422.597	-
- Phải thu khác	2.243.622.083	-	4.408.237.519	-
	346.945.705.413	(24.084.730.833)	354.132.171.730	(6.500.510.532)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	673.693.747	-	1.455.465.651	-
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	172.913.753.054	(24.084.730.833)	172.913.753.054	(6.500.510.532)
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú	87.986.422.597	-	87.986.422.597	-
- Cục thuế Bình Dương	61.014.602.231	-	61.014.602.231	-
- Các đối tượng khác	24.357.233.784	-	30.761.928.197	-
	346.945.705.413	(24.084.730.833)	354.132.171.730	(6.500.510.532)
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
- Các khoản ký quỹ, ký cược	37.000.000	-	138.000.000	-
- Phải thu tạm nộp bổ sung tiền sử dụng đất chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa ⁽⁴⁾	972.238.328.857	(70.681.650.097)	-	-
	972.275.328.857	(70.681.650.097)	138.000.000	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
- Các đối tượng khác	972.275.328.857	(70.681.650.097)	138.000.000	-
	972.275.328.857	(70.681.650.097)	138.000.000	-

8 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	673.693.747	-	1.455.465.651	-
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	172.913.753.054	(24.084.730.833)	172.913.753.054	(6.500.510.532)
	173.587.446.801	(24.084.730.833)	174.369.218.705	(6.500.510.532)

(1) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành tiền lãi cho vay phát sinh theo Biên bản thỏa thuận số 2019/TTLV ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần và Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành, thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 41b.

(2) Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 42c.

(3) Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 41a.

(4) Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 41c.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành (*)	321.460.855.115	265.171.993.664	12.830.044.391	6.329.533.859
+ Phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa (**)	972.238.328.857	901.556.678.760	-	-
+ Đối tượng khác	5.670.854.424	688.674.336	4.970.846.152	1.029.414.268
	1.299.370.038.396	1.167.417.346.760	17.800.890.543	7.358.948.127

Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu

+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành (*)	21.423.781.862	1.716.232.877
	21.423.781.862	1.716.232.877

(*) Trong năm Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi cho vay, lãi chậm thanh toán tương ứng với dư nợ gốc cho vay của Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành do không đánh giá được khả năng thu hồi chắc chắn.

(**) Đây là số phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa, khả năng thu hồi của khoản phải thu này phụ thuộc và kết quả quyết toán cổ phần hóa của cơ quan có thẩm quyền. Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41c.

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.836.040.235	(428.462.450)	24.575.854.058	(428.462.450)
Công cụ, dụng cụ	2.500.858.308	-	2.307.855.484	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	315.038.206.989	-	356.018.642.900	-
- Dự án Khu công nghiệp Quốc tế Protrade (*)	314.966.275.292	-	355.613.445.821	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh tại Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	71.931.697	-	405.197.079	-
Thành phẩm	34.326.739.628	-	54.589.651.974	-
Hàng hoá (**)	164.522.837.951	(38.950.380.250)	165.056.858.531	(37.799.226.298)
	546.224.683.111	(39.378.842.700)	602.548.862.947	(38.227.688.748)

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí đầu tư bất động sản nắm giữ để bán tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan	131.430.683.225	152.747.623.229
- Chi phí xây dựng	125.571.054.255	137.587.670.612
- Chi phí thiết kế và phát triển kết cấu hạ tầng	48.465.809.075	54.580.931.204
- Chi phí lãi vay vốn hóa	6.051.467.707	6.815.005.236
- Chi phí quản lý dự án	3.447.261.030	3.882.215.540
	314.966.275.292	355.613.445.821

(**) Hàng hóa chủ yếu là các loại cây kiểng phục vụ kinh doanh tại Công ty mẹ - Tổng Công ty và hàng hóa nhu yếu phẩm, xăng dầu tại Công ty CP Thương mại Tổng hợp Thuận An.

11 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản	1.911.955.924	1.766.777.841
- Khu tái định cư tại Khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây ⁽¹⁾	64.538.316.086	64.538.316.086
- Cụm công nghiệp An Điền ⁽²⁾	3.240.218.299	3.240.218.299
- Quyền sử dụng đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương ⁽³⁾	8.474.786.210	8.474.786.210
- Khu quy hoạch Gò Chai ⁽⁴⁾	40.038.834.627	39.245.272.627
- Các công trình khác	15.334.997.206	11.361.772.632
	133.539.108.352	128.627.143.695

- (1) Tên dự án: Khu tái định cư tại Khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây;
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần;
 - Địa điểm: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
 - Mục tiêu: Đầu tư khu tái định cư;
 - Quy mô: 8,8 ha;
 - Tình trạng dự án tại ngày 31/12/2023: Tổng Công ty đã được cấp quyền sử dụng đất cho dự án, hiện tại đang thực hiện các thủ tục pháp lý để tách sổ và bàn giao đất cho từng hộ dân trong khu tái định cư. Chi phí phát sinh lũy kể đến thời điểm 31/12/2023 là các chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng của dự án. Liên quan đến dự án này, sau khi hoàn tất nghĩa vụ pháp lý là cấp sổ cho các hộ dân, Tổng Công ty sẽ quyết toán với Tỉnh ủy Bình Dương về toàn bộ các giao dịch có liên quan gồm khoản tiền đã thu trước của các hộ dân được trình bày tại Thuyết minh số 22 do có liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa. Do đó, số liệu này có thể thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.
- (2) Tên dự án: Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp An Điền;
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần;
 - Địa điểm: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
 - Mục tiêu: Đầu tư xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp An Điền;
 - Tổng vốn đầu tư: 194.330.575.584 VND;
 - Quy mô: 7,9 ha;
 - Tình trạng dự án tại ngày 31/12/2023: hiện tại đang tạm ngưng thực hiện để Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét chủ trương hoán đổi đất để thực hiện dự án.
- (3) Tên dự án: Mua đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương;
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV;
 - Địa điểm: xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương;
 - Mục tiêu: Nắm giữ chờ tăng giá;
 - Quy mô: 564 m²;
 - Tình trạng dự án tại ngày 31/12/2023: căn cứ theo Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, Tổng Công ty đã tiến hành bàn giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 khu đất có diện tích 564 m² tại phường Vĩnh Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Bình Dương. Về xử lý chi phí đầu tư vào đất, Sở Tài chính đang lập hội đồng để xác định và trình Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.
- (4) Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 42c.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - C.TCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Vườn cây lâu năm		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá													
Số dư đầu năm	917.050.266.113	138.674.510.043	111.380.967.033	5.654.822.751	19.020.688.624	790.575.777.714	1.982.357.032.278						
- Mua trong năm	-	1.942.965.888	14.026.817.149	197.823.818	8.418.778.273	-	24.586.385.128						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.407.462.619	791.251.319	-	-	-	-	16.198.713.938						
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(23.154.585.681)	(4.448.968.894)	(5.161.193.295)	(13.191.779)	87.303.680	(92.531.026.391)	(125.221.662.360)						
- Thanh lý, nhượng bán	(1.790.020.962)	(650.328.232)	(10.118.059.082)	(150.625.369)	(323.657.461)	-	(13.032.691.106)						
Số dư cuối năm	907.513.122.089	136.309.430.124	110.128.531.805	5.688.829.421	27.203.113.116	698.044.751.323	1.884.887.777.878						
Giá trị hao mòn lũy kế													
Số dư đầu năm	514.095.401.723	103.056.727.075	77.138.521.530	4.817.237.586	16.670.455.685	138.749.592.178	854.527.935.777						
- Khấu hao trong năm	31.746.021.099	9.428.268.871	8.063.625.950	337.872.768	1.180.654.778	21.840.369.179	72.596.812.645						
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(8.605.769.353)	(2.445.986.818)	(3.742.881.720)	(13.191.779)	87.303.680	(22.405.443.074)	(37.125.969.064)						
- Thanh lý, nhượng bán	(1.502.488.311)	(650.328.232)	(9.689.530.573)	(150.625.369)	(323.657.461)	-	(12.316.629.946)						
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản thực hiện trong năm	2.167.117.322	403.430.795	841.217.867	-	-	15.996.247.020	19.408.013.004						
- Giám khác	(24.319.025)	-	-	-	-	-	(24.319.025)						
Số dư cuối năm	537.875.963.455	109.792.111.691	72.610.953.054	4.991.293.206	17.614.756.682	154.180.765.303	897.065.843.391						
Giá trị còn lại													
Tại ngày đầu năm	402.954.864.390	35.617.782.968	34.242.445.503	837.585.165	2.350.232.939	651.826.185.536	1.127.829.096.501						
Tại ngày cuối năm	369.637.158.634	26.517.318.433	37.517.578.751	697.536.215	9.588.356.434	543.863.986.020	987.821.934.487						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 320.223.144.524 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 147.359.719.256 đồng.



Handwritten text in red ink: 'H H M T N S C' and '000'.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	713.915.926.361	4.456.580.513	87.000.000	718.459.506.874
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	81.070.000	576.174.662	-	657.244.662
Số dư cuối năm	713.996.996.361	5.032.755.175	87.000.000	719.116.751.536
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	129.324.874.946	3.709.321.911	13.096.774	133.047.293.631
- Khấu hao trong năm	23.553.757.802	239.067.570	17.400.000	23.810.225.372
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	73.735.770	-	-	73.735.770
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản thực hiện trong năm	2.628.833.440	-	-	2.628.833.440
Số dư cuối năm	155.581.201.958	3.948.389.481	30.496.774	159.560.088.213
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	584.591.051.415	747.258.602	73.903.226	585.412.213.243
Tại ngày cuối năm	558.415.794.403	1.084.365.694	56.503.226	559.556.663.323

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.870.330.283 đồng.



14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Nhà, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	36.415.114.755	86.334.005.828	122.749.120.583
- Mua trong năm	437.260.351	-	437.260.351
Số dư cuối năm	36.852.375.106	86.334.005.828	123.186.380.934
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.449.762.429	4.689.374.497	8.139.136.926
- Khấu hao trong năm	871.260.216	2.273.240.388	3.144.500.604
Số dư cuối năm	4.321.022.645	6.962.614.885	11.283.637.530
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	32.965.352.326	81.644.631.331	114.609.983.657
Tại ngày cuối năm	32.531.352.461	79.371.390.943	111.902.743.404

b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Tại thời điểm 31/12/2023, Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất nắm giữ chờ tăng giá tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích là 10.547 m² và nguyên giá là 78 tỷ đồng. Toàn bộ giá trị bất động sản đầu tư này được mua trước thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển sang mô hình công ty cổ phần và đến thời điểm 31/12/2023 vẫn chưa hoàn tất thủ tục sang tên cho Tổng Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vấn đề pháp lý của khu đất này.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.340.805.397	168.427.062
- Phí hoa hồng môi giới	1.829.365.409	833.201.131
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.210.215.326	1.146.862.744
	4.380.386.132	2.148.490.937
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ đang phân bổ	4.550.700.613	2.787.165.662
- Chi phí thuê đất	1.327.521.611	1.368.627.659
- Chi phí thẻ hội viên sân golf	1.731.843.015	1.784.723.955
- Chi phí sửa chữa tài sản	10.580.449.122	9.537.891.724
- Lợi thế kinh doanh (*)	97.549.313.156	121.598.774.141
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.209.199.856	798.925.632
	116.949.027.373	137.876.108.773

(*) Lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa từ thời điểm 31/10/2018 với tổng giá trị là 225.027.243.876 VND, bao gồm tại Công ty mẹ là 193.020.005.291 VND với thời gian phân bổ 10 năm, tại Công ty TNHH MTV Sân golf Sông Bé là 8.805.899.908 VND với thời gian phân bổ 10 năm và tại Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú là 23.201.338.677 VND với thời gian phân bổ 6 năm. Tổng chi phí đã phân bổ trong năm là 24.049.460.985 VND.

16 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào ⁽¹⁾	64.094.069.263	64.094.069.263	492.677.179.442	376.579.276.935	(11.964.863.788)	168.227.107.982
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lào ⁽²⁾	4.604.315.533	4.604.315.533	80.417.865.764	66.180.579.310	(1.966.688.361)	16.874.913.626
- Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt	51.108.885.752	51.108.885.752	142.259.313.678	173.307.103.710	(8.708.901.364)	11.352.194.356
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽³⁾	8.380.867.978	8.380.867.978	-	7.091.593.915	(1.289.274.063)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	20.376.272.507	20.376.272.507	36.994.717.489	17.857.022.299	(5.086.542.845)	34.427.424.852
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Lào	16.376.272.507	16.376.272.507	36.994.717.489	13.857.022.299	(5.086.542.845)	34.427.424.852
- Chi nhánh Champasak ⁽⁴⁾	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-
- Quỹ Đầu Tư Phát triển tỉnh Bình Dương	84.470.341.770	84.470.341.770	529.671.896.931	394.436.299.234	(17.051.406.633)	202.654.532.834
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn						
- Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Lào	64.096.774.466	64.096.774.466	-	17.857.046.461	(11.812.303.153)	34.427.424.852
- Chi nhánh Champasak ⁽⁴⁾	60.096.774.466	60.096.774.466	-	13.857.046.461	(11.812.303.153)	34.427.424.852
- Quỹ Đầu Tư Phát triển tỉnh Bình Dương	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	64.096.774.466	64.096.774.466	-	17.857.046.461	(11.812.303.153)	34.427.424.852
Vay dài hạn đến hạn trả sau 12 tháng	(20.376.272.507)	(20.376.272.507)	(36.994.717.489)	(17.857.022.299)	5.086.542.845	(34.427.424.852)
	43.720.501.959	43.720.501.959				

16 . CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)		Hạn mức	Thời hạn vay	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	31/12/2023
							VND
a) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:							
<i>(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào</i>							
- Hợp đồng tín dụng số 03/2023-HĐCVHM/CPS ngày 13/03/2023	15.000.000.000 LAK hoặc USD tương đương	Cụ thể theo từng giấy nhận nợ, thời hạn không quá 6 tháng	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thuê, quyền khai thác gắn liền với đất và tài sản trên đất.		16.874.913.626 16.874.913.626
<i>(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lào</i>							
- Hợp đồng tín dụng số 77/2023/HĐHM-PN/SHB-410100 ngày 18/10/2023	2.800.000 USD hoặc LAK tương đương	Trong từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 10 tháng kinh doanh	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh	Theo từng giấy nhận nợ	- Quyền thuê, quyền khai thác gắn liền với đất và tài sản trên đất. - Cam kết trả nợ thay của các cổ đông.		11.352.194.356 2.881.612.065
- Hợp đồng tín dụng số 33/2023/HĐHM-PN/SHB-LAO ngày 12/05/2023	21.000.000.000 LAK hoặc USD tương đương	12 tháng đến ngày 12/05/2023	Bổ sung vốn lưu động thu mua chế biến mù cao su	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thuê, quyền khai thác gắn liền với đất và tài sản trên đất.		8.470.582.291
<i>(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</i>							
- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 02/2023/4486227/HĐTD ngày 25/12/2023	140.000.000.000 VND	1 tháng	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh	4,0%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 140 tỷ VND		140.000.000.000 140.000.000.000
							28.227.107.982



16 . CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)

Hạn mức	Thời hạn vay	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	31/12/2023
c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:					
(4) Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Lào Chi nhánh Champasak					
- Hợp đồng tín dụng số 124/2013/HDTDDH-PN/SHB-DTVL ngày 20/11/2013, phụ lục hợp đồng tín dụng số 03-124/2019/PLHDTD ngày 14/07/2020	122 tháng	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến mù cưa su Dầu tiếng - Việt Lào và các công trình phụ trợ tại huyện Bachieng, tỉnh Champasak	Theo từng giấy nhận nợ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty tại tỉnh Champasak.	34.427.424.852 12.954.172.484
- Hợp đồng tín dụng số 57/2019/HDTDDH-PN/SHB-DTVL ngày 29/09/2014, phụ lục hợp đồng tín dụng số 03-57/2014/PLHDTD ngày 14/07/2020	76 tháng	Tái tài trợ toàn bộ dư nợ trung dài hạn tại Ngân hàng ANZ Champasak	Theo từng giấy nhận nợ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty tại tỉnh Champasak.	9.868.711.394
- Hợp đồng tín dụng số 43/2014/HDTDDH-PN/SHB-DTVL ngày 10/06/2014, phụ lục hợp đồng tín dụng số 03-43/2019/PLHDTD ngày 06/07/2020	84 tháng	Vay vốn để thực hiện việc chăm sóc kiến thiết cơ bản vườn cây cao su tại tỉnh Champasak	Theo từng giấy nhận nợ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty tại tỉnh Champasak.	9.937.461.309
- Hợp đồng tín dụng số 104/2019/HDTDDH-PN/SHB-Lao-410100 ngày 11/11/2019	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Đầu tư Tài sản cố định	9,5%/năm	Quyền khai thác tài sản trên đất bao gồm tài sản trên đất như dự án, các công trình xây dựng và máy móc có liên quan, gắn liền với hợp đồng thuê đất.	1.667.079.665

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

(34.427.424.852)

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tại với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.



17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.665.143.485	1.665.143.485	200.897.657	200.897.657
- Công Ty TNHH MTV Đầu Tư và Quản Lý Dự án Bình Dương	1.534.244.371	1.534.244.371	-	-
- Công ty CP Phát triển Phú Mỹ	22.660.000	22.660.000	15.060.000	15.060.000
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	108.239.114	108.239.114	185.837.657	185.837.657
Bên khác	16.554.132.689	16.554.132.689	13.421.972.807	13.421.972.807
- Công ty TNHH MTV Cao su Hồ Chí Minh	9.259.843.993	9.259.843.993	2.193.417.859	2.193.417.859
- Phải trả các đối tượng khác	7.294.288.696	7.294.288.696	11.228.554.948	11.228.554.948
	18.219.276.174	18.219.276.174	13.622.870.464	13.622.870.464

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.072.341.190	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Thành Lễ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH An Chiao Molds	12.615.764.198	12.615.764.198
- Các khách hàng khác	1.274.340.724	1.465.763.656
	30.962.446.112	24.081.527.854

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phí dịch vụ sân golf	8.429.198.820	8.109.953.788
- Doanh thu thẻ hội viên sân golf Palm Sông Bé	4.955.541.465	-
- Các khoản khác	405.929.015	60.500.000
	13.790.669.300	8.170.453.788
b) Dài hạn		
- Phí dịch vụ sân golf	10.535.354	-
- Doanh thu thẻ hội viên sân golf Palm Sông Bé	22.771.672.227	30.800.752.150
- Các khoản khác	222.089.640	250.596.712
	23.004.297.221	31.051.348.862

20 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm khác	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.241.003.118	57.335.337.914	57.338.312.472	-	(3.524.008)	2.337.904.655	2.355.187.524
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.942.419.481	27.967.724.447	28.211.126.152	-	-	-	2.699.017.776
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	101.535.084	101.535.084	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.960.044.169	44.208.346.550	45.256.337.549	48.243.780.810	-	(778.396.723)	18.662.011.088	40.144.473.485
- Thuế thu nhập cá nhân	243.105.314	894.231.216	37.379.155.276	37.431.127.373	-	(25.793.828)	217.588.603	790.948.580
- Thuế tài nguyên	-	12.981.200	404.638.080	398.096.880	-	-	-	19.522.400
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	267.727.149	126	6.290.555.966	6.290.546.966	-	-	267.727.149	9.126
- Các khoản phải nộp khác (*)	346.936.149.582	602.444.228	(788.764.787.111)	902.060.583	791.137.418.056	(230.105.118)	-	1.842.909.472
- Các khoản phí, lệ phí	-	-	1.063.640.138.149	716.703.988.567	-	-	-	-
	366.407.026.214	50.901.425.919	449.610.635.354	895.620.574.887	791.137.418.056	(1.037.819.677)	21.485.231.495	47.852.068.363

(*) Khoản giảm khác là số đã bù trừ với tiền đã nộp thi hành án. Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41c.

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

21 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	96.261.398	186.928.624
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán ⁽¹⁾	125.432.958.852	125.432.958.852
- Chi phí trích trước giá vốn kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp ⁽²⁾	388.737.725.041	385.196.376.201
- Thương và lương tháng 13	2.807.882.711	2.612.833.275
- Chi phí phải trả khác	9.225.360.200	7.091.738.084
	526.300.188.202	520.520.835.036

⁽¹⁾ Đây là các khoản trích trước chi phí để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng tại dự án Khu công nghiệp đô thị - Dịch vụ An Tây và Khu liên hợp dịch vụ - đô thị Bình Dương lũy kế từ trước giai đoạn cổ phần hóa. Trong giai đoạn cổ phần hóa, Tổng Công ty đã bàn giao Khu công nghiệp đô thị - Dịch vụ An Tây và Khu liên hợp dịch vụ - đô thị Bình Dương với diện tích lần lượt là 1.723.267,4 ha và 1.888.953,2 ha cho Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương tiếp tục quản lý và khai thác dự án theo chủ trương của Tỉnh ủy Bình Dương. Giá trị chi phí trích trước còn lại tại thời điểm 31/12/2023 tương ứng với khối lượng còn lại Tổng Công ty phải thực hiện.

⁽²⁾ Số dư chi phí trích trước giá vốn tương ứng với diện tích đã cho thuê tại Khu công nghiệp Quốc tế Protrade.

22 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	770.912.646	1.579.725.338
- Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược	25.429.758.010	19.094.932.058
- Lợi nhuận trong giai đoạn trước cổ phần hóa phải nộp Ngân sách Nhà nước ⁽¹⁾	477.609.089.447	443.297.563.946
- Cổ tức phải trả	16.436.368	16.436.368
- Phải trả tiền lãi vay	61.369.863	-
- Phải trả các cá nhân liên quan bản án ⁽²⁾	128.356.296.604	-
- Phải trả khác	1.780.066.738	1.499.877.092
	634.023.929.676	465.488.534.802
b) Dài hạn		
- Nhận trước tiền đất tái định cư của các hộ dân thuộc khu An Tây ⁽³⁾	56.666.666.667	56.666.666.667
- Các khoản nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	20.098.672.324	17.737.571.813
	76.765.338.991	74.404.238.480
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Tỉnh ủy Bình Dương	477.609.089.447	443.297.563.946
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	99.910.320	99.910.320
	477.708.999.767	443.397.474.266

⁽¹⁾ Chi tiết số biến động trong năm như sau:

- Tăng 37,7 tỷ VND tiền chênh lệch giá chuyển nhượng đất cho Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú, chi tiết tại thuyết minh số 41a.

- Giảm 3,396 tỷ VND tiền chậm nộp tiền sử dụng đất dự án sân golf theo Quyết định số 3832/QĐ-CTBDU ngày 20/09/2023 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

⁽²⁾ Khoản phải trả các cá nhân có liên quan đến Bản án sơ thẩm số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, đây là số tiền các cá nhân nộp cho Tổng Công ty để khắc phục hậu quả và được Cục thi hành án Hà Nội khấu trừ vào nghĩa vụ của Tổng Công ty. Thông tin chi tiết tại thuyết minh 41c.

⁽³⁾ Các khoản tiền nhận trước của hộ dân mua đất tại khu tái định cư thuộc khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây. Theo phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Tổng Công ty, toàn bộ khu đất thuộc khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây và khu tái định cư sẽ bàn giao về cho Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương, một đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy Bình Dương. Giá trị bàn giao bao gồm cả phần đất đã nhận trước của các hộ dân này. Tuy nhiên tại thời điểm bàn giao, Tổng công ty đã tiến hành nộp các hồ sơ thủ tục giao đất cho Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương để thực hiện tách sổ cho từng hộ dân, do đó Tổng Công ty tạm thời chưa thực hiện bàn giao về cho Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương. Sau khi các thủ tục tách sổ hoàn tất, Tổng Công ty sẽ bàn giao toàn bộ hồ sơ có liên quan trong đó bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trình bày tại Thuyết minh số 11 với số tiền 64,538 tỷ đồng, tiền nhận trước ghi nhận trên khoản mục "Phải trả dài hạn khác" số tiền 56,666 tỷ đồng và toàn bộ các nội dung này sẽ được xử lý khi quyết toán cổ phần hóa với Tỉnh ủy Bình Dương.

06-C
NH
VHM
TO
;
50

M.S.D.N:37
X
TP.T

NG * P.C.T

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Vốn khác của Chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	3.000.000.000.000	11.949.349.305	35.469.525.274	(46.093.514.343)	55.367.268.821	561.017.546.224	482.588.841.016	4.029.359.965.749							
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	284.033.511.599	33.209.694.280	317.243.205.879							
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(2.314.608.395)	(2.314.608.395)							
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.703.523.461)	(96.511.912)	(1.800.035.373)							
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	-	-	(93.316.902.059)	-	-	(95.475.709.098)	(188.792.611.157)							
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý đã thực hiện	-	-	-	-	-	(27.453.520.145)	-	(27.453.520.145)							
Số dư cuối năm trước	3.000.000.000.000	11.949.349.305	(35.469.525.274)	(139.410.416.402)	55.367.268.821	815.894.014.217	417.911.705.891	4.126.242.396.558							
Số dư đầu năm nay	3.000.000.000.000	11.949.349.305	(35.469.525.274)	(139.410.416.402)	55.367.268.821	815.894.014.217	417.911.705.891	4.126.242.396.558							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	103.621.125.313	14.889.285.653	118.510.410.966							
Trích quỹ đầu tư phát triển ⁽¹⁾	-	-	-	-	8.336.271.145	(8.336.271.145)	-	-							
Chia cổ tức năm 2021 ⁽²⁾	-	-	-	-	-	(150.000.000.000)	-	(150.000.000.000)							
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	(8.336.271.145)	-	(8.336.271.145)							
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 ⁽²⁾	-	-	-	-	-	(1.296.000.000)	-	(1.296.000.000)							
Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	(1.900.800.000)	-	(1.900.800.000)							
Trích quỹ thưởng Ban điều hành ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	(486.000.000)	-	(486.000.000)							
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	-	-	(36.939.478.031)	-	-	(41.151.573.646)	(78.091.051.677)							
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý đã thực hiện	-	-	-	-	-	(23.471.789.666)	-	(23.471.789.666)							
Số dư cuối năm nay	3.000.000.000.000	11.949.349.305	(35.469.525.274)	(176.349.894.433)	63.703.539.966	725.688.007.574	391.649.417.898	3.981.170.895.036							

QUẢN LÝ TÀI SẢN VÀ ĐẦU TƯ

(1) Theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế	100,00	166.725.422.899
Trích quỹ đầu tư phát triển	5,00	8.336.271.145
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5,00	8.336.271.145
Trích quỹ thưởng ban điều hành	0,19	324.000.000
Trích thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Tổng Công ty	1,14	1.900.800.000
Lợi nhuận còn lại năm 2022 chưa phân phối	88,67	147.828.080.609

(2) Căn cứ Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 67/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/03/2023, Đại hội đồng cổ đông thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 là 5%/cổ phiếu, đồng thời thông qua tổng mức trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 là 2.592.000.000 đồng, trong đó đã tạm trích 1.296.000.000 đồng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 55/NQ-HĐQT ngày 29/10/2021.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	60,98	1.829.274.000.000	60,98	1.829.274.000.000
- Công ty Cổ phần SAM Holdings	8,00	240.000.000.000	8,00	240.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư U&I	6,00	180.000.000.000	6,00	180.000.000.000
- Bà Trần Thị Thu Hà	15,00	450.000.000.000	0,00	-
- Công ty TNHH Phát Triển	0,00	-	15,00	450.000.000.000
- Cổ đông khác	10,02	300.726.000.000	10,02	300.726.000.000
	100	3.000.000.000.000	100	3.000.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	443.314.000.314	601.023.889.844
+ Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước (*)	443.297.563.946	601.023.889.844
+ Cổ tức phải trả cổ đông	16.436.368	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	184.311.525.501	-
+ Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước (*)	34.311.525.501	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	150.000.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	477.625.525.815	601.023.889.844
+ Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước (*)	477.609.089.447	601.023.889.844
+ Cổ tức phải trả cổ đông	16.436.368	-

(*) Lợi nhuận trước thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần phải nộp về Ngân sách Nhà nước.

d) Cổ phiếu	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	300.000.000	300.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		
e) Các quỹ của Tổng Công ty	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	63.703.539.966	55.367.268.821
	63.703.539.966	55.367.268.821

24 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	(139.410.416.402)	(46.093.514.343)
Số giảm trong năm	(36.939.478.031)	(93.316.902.059)
- <i>Do chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang VND</i>	(36.939.478.031)	(93.316.902.059)
Số dư cuối năm	(176.349.894.433)	(139.410.416.402)

25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số A128, đường Ba Tháng Hai, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích làm văn phòng Tổng Công ty và xí nghiệp. Diện tích khu đất thuê là 24.813,44 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của hợp đồng thuê.

b) Tài sản nhận giữ hộ

Các tài sản thuộc danh mục phải bàn giao về Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH Một thành viên. Chi tiết như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu	5.453.253.100	5.453.253.100
- Quyền sử dụng đất tại xã An Tây, huyện Bến Cát	1.743.153.742	1.743.153.742
- Khu tái định cư Gò Chai	52.920.317.344	52.920.317.344
- Khu tái định cư An Tây	26.726.901.367	26.726.901.367
	86.843.625.553	86.843.625.553

Tại thời điểm 31/12/2023, một số tài sản thuộc danh mục cần thanh lý theo phương án cổ phần hóa nhưng chưa thanh lý được, Tổng Công ty đã ghi nhận giảm và đang đề nghị Tỉnh ủy Bình Dương phê duyệt chủ trương bàn giao cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí đầu tư khu phức hợp Bình Dương Riverside	3.034.989.090	3.034.989.090
- Chi phí đầu tư khác	406.818.182	406.818.182
	3.441.807.272	3.441.807.272

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đô la Mỹ (USD)	1.872.703,85	1.196.090,30

26 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	651.443.443.461	1.107.476.361.925
Doanh thu cung cấp dịch vụ	270.571.796.140	249.230.331.728
Doanh thu kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	236.018.285.200	250.318.972.548
	1.158.033.524.801	1.607.025.666.201
	4.049.361.095	2.299.107.957

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 46)

27 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.578.339.946	1.090.712.158
Giảm giá hàng bán	-	556.090.797
	1.578.339.946	1.646.802.955

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa đã bán	550.720.956.452	877.782.835.660
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	199.114.991.499	152.699.250.196
Giá vốn kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	46.999.357.341	107.962.942.600
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.151.153.952	24.223.019.021
	797.986.459.244	1.162.668.047.477

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.929.785.072	48.707.108.641
Cổ tức, lợi nhuận được chia	405.737.625	227.640.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.139.454.360	32.316.047.262
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	162.256.005	1.638.215.951
	48.637.233.062	82.889.011.854
	-	7.607.091.886

Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 46)

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	10.862.555.725	16.947.552.195
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.660.508.293	30.399.676.941
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	690.592.405	89.869.356
	22.213.656.423	47.437.098.492

31 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147.869.184	384.938.240
Chi phí nhân công	9.737.994.941	13.260.407.911
Chi phí khấu hao tài sản cố định	232.419.711	446.464.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.820.764.592	23.678.237.980
Chi phí môi giới bán hàng	5.535.270.927	6.639.974.898
Chi phí khác bằng tiền	2.581.432.720	2.824.469.393
	43.055.752.075	47.234.493.046

32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.282.969.498	1.288.196.129
Chi phí nhân công	69.176.320.518	72.504.562.122
Hoàn nhập chi phí nhân công năm trước	(10.446.320.761)	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.292.647.201	7.686.848.686
Thuế, phí, lệ phí	2.672.768.290	2.751.491.166
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.832.418.624	27.296.241.961
Chi phí khác bằng tiền	25.694.714.493	24.549.770.615
Chi phí dự phòng (*)	121.510.749.220	4.971.583.803
Lợi thế kinh doanh phân bổ	23.168.870.999	24.822.838.944
	267.185.138.082	165.871.533.426
	4.214.478.815	2.430.803.049

Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 46)

(*) Bao gồm số dự phòng cho khoản phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa (được trình bày tại thuyết minh số 8), số được trích trong năm nay là 70,68 tỷ đồng theo chủ trương đã được Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023.

33 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	841.045.753	519.939.480
Thu nhập từ lãi chậm thanh toán	329.779.656	-
Thu nhập khác	4.049.928.436	824.567.430
	5.220.753.845	1.344.506.910

34 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản phạt	553.815.046	195.019.903
Chi phí đầu tư dự án không thực hiện	-	34.862.447.517
Chi phí từ lãi trả chậm	1.037.395.459	-
Chi phí khác	131.357.644	743.687.449
	1.722.568.149	35.801.154.869

35 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN tại các Công ty con	45.256.337.549	51.739.709.354
Chi phí thuế TNDN hiện hành	45.256.337.549	51.739.709.354

36 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế đã được ghi nhận từ các năm trước	222.070.782.627	215.182.524.723
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế năm nay	12.026.943.567	19.515.211.291
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(8.474.943.651)	(5.763.573.350)
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng giá trị đánh giá lại tài sản đã thực hiện trong năm	(5.867.947.417)	(6.863.380.036)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	219.754.835.126	222.070.782.628

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	12.026.943.567	19.515.211.291
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(8.474.943.651)	(5.763.573.350)
	3.551.999.916	13.751.637.941

37 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	103.621.125.313	284.033.511.599
Các khoản điều chỉnh	5.181.056.266	14.201.675.580
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	5.181.056.266	14.201.675.580
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	98.440.069.047	269.831.836.019
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	300.000.000	300.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	328	899

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

38 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	151.689.294.176	254.544.751.390
Chi phí nhân công	199.430.411.558	238.906.701.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.551.538.621	110.129.893.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.049.077.577	127.829.444.479
Chi phí khác bằng tiền	68.077.184.421	58.125.311.710
Giá vốn cho thuê đất khu công nghiệp	46.999.357.341	77.962.942.600
Chi phí dự phòng	120.163.191.856	-
	837.960.055.550	867.499.045.226

39 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể phải gặp bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền, các khoản tương đương tiền	541.913.557.524	-	-	541.913.557.524
Phải thu khách hàng, phải thu khác	476.725.335.184	961.593.678.760	-	1.438.319.013.944
Các khoản cho vay	470.066.975.611	9.896.049.652	-	479.963.025.263
	1.488.705.868.319	971.489.728.412	-	2.460.195.596.731
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền, các khoản tương đương tiền	292.686.317.289	-	-	292.686.317.289
Phải thu khách hàng, phải thu khác	592.549.235.860	60.138.000.000	-	652.687.235.860
Các khoản cho vay	821.018.953.457	9.896.049.652	-	830.915.003.109
	1.706.254.506.606	70.034.049.652	-	1.776.288.556.258

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	202.654.532.834	-	-	202.654.532.834
Phải trả người bán, phải trả khác	652.243.205.850	76.765.338.991	-	729.008.544.841
Chi phí phải trả	526.300.188.202	-	-	526.300.188.202
	1.381.197.926.886	76.765.338.991	-	1.457.963.265.877
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	84.470.341.770	43.720.501.959	-	128.190.843.729
Phải trả người bán, phải trả khác	479.111.405.266	74.404.238.480	-	553.515.643.746
Chi phí phải trả	520.520.835.036	-	-	520.520.835.036
	1.084.102.582.072	118.124.740.439	-	1.202.227.322.511

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

40 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	492.677.179.442	250.759.419.708
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	418.213.490.337	411.932.744.988

41 . THÔNG TIN KHÁC

a) Thông tin liên quan đến việc chuyển nhượng khu đất dịch vụ 43 ha

Trong năm 2016, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV, nay là Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP, đã chuyển nhượng khu đất với tổng diện tích 43 ha tại Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô Thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú ("Công ty Tân Phú"), là công ty được thành lập theo Hợp đồng thỏa thuận thành lập liên doanh ngày 01/07/2010 giữa Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương (vốn góp 30%) và Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc ("Công ty Âu Lạc") (vốn góp 70%) để thực hiện đầu tư dự án Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ tại khu đất nêu trên.

Đơn giá chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/12/2016 là 581.653 đồng/m², tổng giá trị chuyển nhượng là 250.110.964.496 đồng. Đơn giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Tổng Công ty căn cứ vào thỏa thuận tại Hợp đồng liên doanh với Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc, lợi nhuận từ giao dịch nêu trên với giá trị 153,629 tỷ đồng đã được Tổng Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh của giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước trước khi cổ phần hóa.

Vào năm 2017, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 30% phần vốn của Tổng Công ty trong Công ty Tân Phú cho Công ty Âu Lạc, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đã được ghi nhận vào giai đoạn trước khi cổ phần hóa.

Căn cứ vào biên bản làm việc của Thanh tra tỉnh Bình Dương trong năm 2019, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP đã quyết nghị thông qua việc thống nhất xử lý các vấn đề liên quan đến chuyển nhượng khu đất dịch vụ 43 ha và chuyển nhượng phần vốn góp 30% tại Công ty Tân Phú của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 15/11/2019. Theo đó:

+ Về chuyển nhượng khu đất 43 ha

Trước tiên, Tổng Công ty xác định lại giá chuyển nhượng khu đất theo bảng giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành tại thời điểm Tổng Công ty ký kết hợp đồng chuyển nhượng khu đất cho Công ty Tân Phú. Sau khi UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt lựa chọn đơn vị thẩm định giá độc lập để định giá lại giá trị khu đất dịch vụ 43 ha theo giá thị trường tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng, Tổng Công ty cam kết sẽ tiếp tục xử lý nếu giá của đơn vị thẩm định giá độc lập cao hơn giá ban hành của UBND tỉnh tại thời điểm Tổng Công ty chuyển nhượng cho Công ty Tân Phú.

- Giá trị khu đất 43 ha chuyển nhượng cho Công ty Tân Phú theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/12/2016 là 250.110.964.496 đồng;

- Giá trị khu đất 43 ha xác định lại theo giá do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành tại thời điểm chuyển nhượng theo Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 là 375.805.853.921 đồng, trong ứng đơn giá 873.967 đồng/m²;

- Giá trị chênh lệch là 125.694.889.425 đồng được Tổng Công ty thực hiện như sau: Tổng Công ty sẽ thỏa thuận với Công ty Tân Phú để thu hồi phần chênh lệch tương ứng tỷ lệ 70% phần giá trị tăng thêm cho hợp đồng chuyển nhượng như sau:

Nội dung	Số tiền VND
- Số tiền Tổng Công ty góp tương ứng 30% vốn điều lệ	37.708.466.828
- Số tiền Công ty Âu Lạc góp tương ứng 70% vốn điều lệ	87.986.422.597
Cộng	<u>125.694.889.425</u>

Tổng Công ty đã tạm nộp toàn bộ số tiền chênh lệch nêu trên vào tài khoản của Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương trong năm 2019. Trong đó phần tương ứng 30% của Tổng Công ty đã được Tỉnh ủy xác nhận giảm trừ công nợ phải trả khác, phần còn lại tương ứng với 70% Tổng Công ty theo dõi phải thu Công ty Tân Phú tại thuyết minh số 08 với số dư đến thời điểm 01/01/2023 là 87,986 tỷ đồng.

Trong năm, số tiền 125,694 tỷ đồng Tổng Công ty đã tạm nộp nêu trên được Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội xác nhận được khấu trừ để thực hiện nghĩa vụ của Tổng Công ty về việc nộp bổ sung tiền sử dụng đất theo Bản án hình sự phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Do đó Tổng Công ty đã điều chỉnh điều chỉnh tăng lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước với số tiền là 37,7 tỷ đồng (chi tiết tại thuyết minh số 20) và chuyển sang theo dõi tổng thể tại khoản mục "Phải thu khác" - Phải thu các khoản tạm nộp chờ quyết toán cổ phần hóa, riêng số dư phải thu Công ty Tân Phú với số tiền là 87,986 tỷ đồng vẫn tiếp tục theo dõi tại khoản mục "Phải thu khác" để thu hồi (chi tiết tại thuyết minh số 08)

Hiện tại, số liệu tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Do đó các nội dung nêu trên có thể thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

b) Thông tin góp vốn và tiền lãi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành

Năm 2007, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV ("Protrade") thực hiện góp vốn liên doanh với các bên nước ngoài là IC Corporation và K Source Solutions Co., Ltd để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành ("Tân Thành"), mục đích đầu tư và kinh doanh một khu phức hợp có tên là "Câu lạc bộ sân golf và Khu nghỉ dưỡng Đảo Hồ Điệp", bao gồm một sân golf 18 lỗ, câu lạc bộ giải trí, khu căn hộ cao tầng, khu nhà ở cao cấp và khu thương mại. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461032000225 ngày 02/11/2007, tổng vốn đầu tư của 3 cổ đông sáng lập là 30 triệu USD, cơ cấu vốn góp như sau:

Cổ đông	USD	VND	Phương thức góp vốn	
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	9.000.000	144.000.000.000	Quyền sử dụng đất	(1)
IC Corporation	6.300.000	100.800.000.000	Tiền mặt	(2)
K Source Solutions	14.700.000	235.200.000.000	Tiền mặt	(2)
Cộng	<u>30.000.000</u>	<u>480.000.000.000</u>		

(1) Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV tính đến trước thời điểm cấp giấy chứng nhận thay đổi lần 1 vào ngày 20/04/2011 chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn vào Tân Thành bằng các quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 1.450.101,8 m².

(2) Hai cổ đông nước ngoài này đã góp trong năm 2007 là 5.200.000 USD trong đó IC Corporation góp 4.200.000 USD và K Source góp 1.000.000 USD và đến năm 2011 chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp vốn theo hợp đồng liên doanh.

Trong năm 2011, 02 cổ đông sáng lập bên liên doanh nước ngoài là IC Corporation và K Source Solutions Co., Ltd đã chuyển nhượng lại phần vốn đã góp cho Công ty Cổ phần Hưng Vượng và Công ty TNHH Phát Triển theo hợp đồng chuyển nhượng vốn và góp thay vốn ngày 24 tháng 2 năm 2011. Cụ thể, Công ty Cổ phần Hưng Vượng nhận chuyển nhượng 4.200.000 USD từ IC Corporation, tương đương với 14% vốn điều lệ của Tân Thành và cam kết góp bổ sung 7.200.000 USD tương đương 24% vốn điều lệ của Tân Thành. Công ty TNHH Phát Triển nhận chuyển nhượng 1.000.000 USD từ K Source Co., Ltd, tương đương với 3,33% vốn điều lệ của Tân Thành và cam kết góp bổ sung 8.600.000 USD tương đương 28,67% vốn điều lệ của Tân Thành.

Phương thức thanh toán chuyển nhượng: Theo biên bản thỏa thuận ngày 10/06/2011, các bên thống nhất ủy quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành làm trung gian chuyển trả cho hai đối tác nước ngoài nêu trên hộ Công ty Cổ phần Hưng Vượng và Công ty TNHH Phát Triển. Công ty Cổ phần Hưng Vượng và Công ty TNHH Phát Triển sẽ có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành.

Sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 46122000080 ngày 20 tháng 4 năm 2011, chuyển đổi từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành doanh nghiệp 100% vốn trong nước. Trong đó, số vốn góp theo cam kết theo giấy chứng nhận đầu tư của Protrade là 144 tỷ đồng bằng quyền sử dụng đất, Công ty Cổ phần Hưng Vượng là 182,4 tỷ đồng bằng tiền mặt tương đương 11,4 triệu USD và Công ty TNHH Phát Triển là 153,6 tỷ đồng bằng tiền mặt tương đương 9,6 triệu USD.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46122000080 ngày 20 tháng 4 năm 2011 thì phần vốn góp của Protrade là 144 tỷ đồng bằng quyền sử dụng đất. Trong năm 2011, Protrade đã chuyển 144 tỷ đồng cho Tân Thành nhằm hỗ trợ vốn trong giai đoạn đầu mới thành lập tuy nhiên ghi nhận vào vốn góp. Trong năm 2017, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Tân Thành quyết nghị thông qua việc xác nhận góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất của Protrade, nghĩa vụ góp vốn bằng quyền sử dụng đất được thực hiện xuyên suốt từ khi thành lập, theo đó phần tiền Protrade đã chuyển ghi nhận vào vốn góp trước đây được Tân Thành chuyển thành khoản phải trả cho Protrade.

Ngày 09/06/2017, Protrade và Tân Thành đã ký Hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất, theo đó khu đất góp vốn là các quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 1.450.101,8 m² được các bên thống nhất xác định là 139,209 tỷ đồng. Số vốn còn thiếu so với cam kết là 4,79 tỷ đồng được Protrade góp bổ sung dưới hình thức cân trừ công nợ. Tân Thành có nghĩa vụ thanh toán lại số vốn góp 144 tỷ đồng trước đây Protrade đã góp bằng tiền và đã thanh toán trong năm 2018. Trong năm 2019, căn cứ theo thỏa thuận số 2019/TTLV ngày 01/11/2019, Protrade và Tân Thành thống nhất việc xác định lãi vay bổ sung số tiền 115,884 tỷ đồng cho khoản tiền 144 tỷ đồng, là số tiền được các bên xác định là khoản ứng vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành để đối ứng vốn hoạt động, tính từ thời điểm chuyển tiền ngày 24/05/2011 đến thời điểm hoàn thành thanh toán ngày 20/09/2018. Khoản lãi vay bổ sung nêu trên được xác định là khoản lợi nhuận tăng thêm của giai đoạn trước khi cổ phần hóa và nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước. Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ khoản tiền lãi nêu trên cho Tổng Công ty chậm nhất đến thời điểm 31/12/2022. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu hồi được khoản nợ này.

Hiện tại, số liệu tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty chưa được chủ sở hữu phê duyệt quyết toán. Do vậy, khoản lãi vay bổ sung nêu trên có thể thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, theo Bản án sơ thẩm số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và Bản án phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương thu hồi khu đất 145 ha thuộc phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để giao cho Tỉnh ủy Bình Dương quản lý, sử dụng theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, Tòa án cũng ghi nhận đề xuất của Tỉnh ủy Bình Dương về việc mua lại cổ phần của Công ty Tân Thành từ các cổ đông hiện hữu theo giá trị sổ sách để chuyển thành Công ty 100% vốn thuộc sở hữu của Tỉnh ủy Bình Dương. Hiện tại Tỉnh Ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đang làm việc với các bên có liên quan để giải quyết nội dung nêu trên trên cơ sở bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho các bên liên quan trong quá trình xử lý khu đất 145ha.

c) Thông tin tạm nộp bổ sung tiền sử dụng đất và tiền chậm nộp tương ứng

Căn cứ theo Báo cáo kiểm toán về việc quản lý và sử dụng đất đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013 - 2016 ngày 15/08/2017 của Kiểm toán Nhà Nước khu vực IV; Căn cứ theo Bản án sơ thẩm số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và Bản án phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-CTHADS về việc thi hành án chủ động đối với Tổng Công ty. Các nghĩa vụ Tổng Công ty phải nộp và tình hình thực hiện như sau:

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	VND	
1. Tổng số tiền Tổng Công ty phải nộp	1.060.224.751.454	
+ Tiền sử dụng đất bổ sung khu đất 43 ha và 145 ha	761.078.561.949	Theo Bản án sơ thẩm số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội.
+ Tiền phạt chậm nộp	299.146.189.505	
- Phạt chậm nộp tiền sử dụng đất	286.690.160.693	Theo Thông báo số 16592/TB-CTBDU ngày 01/11/2021 của Cục thuế Bình Dương.
- Phạt chậm nộp thi hành án	12.456.028.812	Thông báo số 2278/CTHADS ngày 10/04/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.
2. Tổng số tiền Tổng Công ty đã thực hiện	1.060.224.751.454	
+ Số nộp bằng tiền	806.173.565.425	
+ Số đã tạm nộp được khấu trừ	125.694.889.425	Thông tin chi tiết được trình bày tại thuyết minh số 41a.
+ Số tiền các cá nhân có liên quan nộp khắc phục hậu quả được khấu trừ vào nghĩa vụ của Tổng Công ty	128.356.296.604	

3. Số tiền còn phải nộp tại 31/12/2023

Đối với các lô đất khác, theo Bản án sơ thẩm số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, Tòa án đề nghị Cục thuế Bình Dương xác định và truy thu bổ sung tiền sử dụng đất đối với các khu đất khác đã cấp cho Tổng Công ty (không bao gồm khu đất 43 ha và 145 ha nêu trên) theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty sẽ ghi nhận bổ sung sau khi có thông báo chính thức của cơ quan Thuế.

Theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023, tổng số tiền 1.060,22 tỷ đồng Tổng Công ty phải nộp nêu trên liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa. Hiện tại Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn chưa có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa, do đó để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty quyết nghị thông qua việc ghi nhận khoản phải thu số tiền Tổng Công ty tạm nộp nêu trên để chờ xử lý khi có kết quả quyết toán cổ phần hóa chính thức. Đồng thời quyết nghị định kỳ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tổng Công ty sẽ trích lập khoản dự phòng khoản phải thu này trên nguyên tắc phân bổ cho khoảng 15 năm, bắt đầu từ năm 2023 để tránh biến động kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần trong trường hợp khoản phải thu này không được cơ quan có thẩm quyền quyết toán đưa vào phần vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa. Trường hợp theo kết quả quyết toán cổ phần hóa mà tổng số tiền Tổng Công ty đã tạm nộp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận ghi nhận vào phần vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ xử lý hoàn nhập lại số dự phòng đã trích tương ứng.

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng số tiền Tổng Công ty đã tạm nộp ghi nhận phải thu khác là 1.060.224.751.454 đồng (thuyết minh số 08), số dự phòng tương ứng đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm nay là 70.681.650.097 đồng (thuyết minh số 32).

42. THÔNG TIN CHUYỂN GIAO ĐẤT CHO CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, CÔNG TY CỔ PHẦN AN BÌNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN U&I TRƯỚC GIAI ĐOẠN CỔ PHẦN HÓA

a) Thông tin hủy hợp đồng chuyển giao đất cho Công ty TNHH Phát Triển

Trong năm 2016, căn cứ chủ trương của Tỉnh Ủy Bình Dương về việc chấp thuận chuyển giao, thu hồi và cho thuê đất theo công văn số 349/CV/TU ngày 30/06/2016. Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đã ký hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 18/04/2016 và phụ lục số 01 ngày 25/05/2016 với Công ty TNHH Phát Triển ("Phát Triển"), theo đó Tổng Công ty chuyển giao cho Phát Triển khu đất có diện tích 83.852,1 m² tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị bồi thường là 97.727.400.000 đồng.

Ngày 24/10/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 về việc thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý và cho Công ty TNHH Phát Triển thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê. Công ty TNHH Phát Triển đã thanh toán cho Tổng Công ty với số tiền 30 tỷ đồng, số phải thu còn lại 67,727 tỷ đồng sẽ được thanh toán sau khi Công ty TNHH Phát Triển được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lợi nhuận từ giao dịch nêu trên đã được Tổng Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh của giai đoạn trước khi cổ phần hóa.

Mặc dù đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp quyết định cho thuê đất, tuy nhiên đến thời điểm tháng 10 năm 2019 thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Phát Triển vẫn chưa hoàn thành. Do đó, ngày 28/10/2019, Công ty TNHH Phát Triển có văn bản số 14/2019/CV-PT đề nghị Tổng Công ty hủy bỏ toàn bộ hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 18/04/2016 vì lý do chậm trễ trong thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như cam kết. Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành nghị quyết số 13B/NQ-HĐQT ngày 04/11/2019 phê duyệt chủ trương hủy hợp đồng với Công ty TNHH Phát Triển.

Ngày 04/11/2019, Tổng Công ty và Công ty TNHH Phát Triển đã ký Biên bản hủy hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất. Ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3381/QĐ-UBND về việc thu hồi lại các quyết định đã cấp liên quan đến việc cho Công ty TNHH Phát Triển thuê đất dưới hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một.

Ngày 10/12/2019, Tổng Công ty đã hoàn trả toàn bộ số tiền 30 tỷ đồng mà Công ty TNHH Phát Triển đã thanh toán để thực hiện hợp đồng và phụ lục. Toàn bộ các nghiệp vụ phát sinh và khoản lợi nhuận 70,919 tỷ đồng đã ghi nhận trong giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước được Tổng Công ty điều chỉnh hồi tố giảm khoản lợi nhuận phải nộp về ngân sách Nhà nước. Hiện nay vụ việc đang chờ hướng dẫn thực hiện của cấp có thẩm quyền và sẽ được xem xét xử lý theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

Đối với các khoản thuế được điều chỉnh hồi tố theo các nội dung nêu trên, bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền lần lượt là 8,83 tỷ đồng và 17,73 tỷ đồng. Tổng Công ty đã có công văn đề nghị Cục thuế tỉnh Bình Dương hướng dẫn thực hiện điều chỉnh. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Cục thuế tỉnh Bình Dương chưa có văn bản trả lời chính thức.

b) Thông tin hợp đồng chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần An Bình

Trong năm 2016, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đã ký hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 15/08/2016 với Công ty Cổ phần An Bình ("An Bình"). Ngày 25/08/2016, Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Công văn số 457-CV/TU về đồng ý chủ trương cho Tổng Công ty được chuyển giao 15 ha đất tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho An Bình để làm dịch vụ kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.

Ngày 22/12/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3536/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý để giao cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một. Tổng Công ty đã ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến giao dịch này trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang theo dõi một khoản phải thu Công ty Cổ phần An Bình với số tiền 60 tỷ đồng, thời hạn thu hồi của khoản phải thu này phụ thuộc vào tiến độ thực hiện thủ tục chuyển giao đất của cơ quan có thẩm quyền, xem chi tiết tại Thuyết minh số 05.

Tuy nhiên vào ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh nêu trên. Hiện nay vụ việc đang chờ hướng dẫn thực hiện của cấp có thẩm quyền và sẽ được xem xét xử lý theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

c) Thông tin hợp đồng chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần Bất động sản U&I

Trong năm 2016, Tỉnh ủy Bình Dương ban hành Thông báo số 45-TB/TU ngày 04/03/2016 về việc thống nhất chủ trương cho phép Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV chuyển giao diện tích đất trong dự án Khu quy hoạch Gò Chai. Đây là dự án được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương giao cho Tổng Công ty làm chủ đầu tư theo văn bản số 5653/UBND-SX ngày 24/12/2007.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV (Bên A) đã ký hợp đồng chuyển giao đất số 01/2016/HĐCG/PROTRADE-U&I ngày 14/10/2016 với Công ty Cổ phần Bất động sản U&I (Bên B). Theo đó Bên A sẽ chuyển giao cho Bên B toàn bộ phần diện tích đất Bên A đã đền bù cho các hộ dân thuộc dự án Khu quy hoạch Gò Chai tại phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích là 236.403,18 m² và Bên B hoàn trả lại cho Bên A chi phí đã bồi thường. Đối với diện tích Bên A sẽ chuyển giao cho Bên B nêu trên, Bên B sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo mục đích sử dụng đất của dự án. Về việc chuyển giao đất, Tổng Công ty sẽ bàn giao thực địa cho Bên B khi nhận đủ số tiền chuyển nhượng. Tuy nhiên, sau đó hai bên đã ký phụ lục hợp đồng số 02/2018/PLHĐCGĐ trong tháng 04 năm 2018 về việc sẽ tiến hành bàn giao đất ngoài thực địa theo hồ sơ đã bồi thường và bản đồ địa chính của cơ quan có chức năng xác lập và cung cấp hồ sơ pháp lý đầy đủ cho Bên B, riêng điều khoản thanh toán sẽ được các bên thỏa thuận sau.

Tổng Công ty đã ghi nhận các giao dịch từ việc chuyển giao khu đất vào giai đoạn trước cổ phần hóa bao gồm doanh thu 236,4 tỷ đồng, giá vốn 39,245 tỷ đồng và lợi nhuận là 197,157 tỷ đồng. Số tiền đã thu được là 53,47 tỷ đồng và ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản U&I tính đến thời điểm 01/01/2022 là 204,512 tỷ đồng.

Do các thủ tục để bàn giao khu đất không thực hiện được, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT ngày 05/05/2020 về việc thông qua chủ trương sẽ thực hiện hủy hợp đồng chuyển giao đất với Công ty Cổ phần Bất động sản U&I và hoàn trả lại tiền mà Công ty U&I đã thanh toán. Ngày 11/11/2021, Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Thông báo số 265-TB/TU về việc thống nhất thu hồi chủ trương cho Tổng Công ty được chuyển giao diện tích 236.403,18 m² đất đã được đền bù trong dự án Khu quy hoạch Gò Chai và cho Tổng Công ty được hủy hợp đồng chuyển giao đất với Công ty Cổ phần Bất động sản U&I. Sau khi thu hồi, giao cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tiếp nhận và thực hiện các trình tự thủ tục đầu tư dự án trên khu đất. Ngày 20/06/2022, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản U&I đã có biên bản thống nhất ý kiến xử lý các vấn đề liên quan đến việc hủy hợp đồng chuyển giao số 01/2016-HĐCG/PROTRADE-U&I ngày 14/10/2016.

Ngày 22/06/2022, Công ty Cổ phần Bất động sản U&I đã bàn giao hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án Khu dân cư đô thị Gò Chai cho Tổng Công ty theo Biên bản số 03/BB-TCTY. Ngày 01/07/2022, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT về việc thống nhất cho Tổng Công ty tiến hành thủ tục xử lý các vấn đề liên quan đến việc hủy hợp đồng chuyển giao đất và sử dụng nguồn tài chính của công ty cổ phần để hoàn trả số tiền 53.473.519.613 đồng cho Công ty Cổ phần Bất động sản U&I và sẽ quyết toán số tiền trên với Tỉnh ủy Bình Dương khi quyết toán bàn giao công ty cổ phần trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của cổ đông Tổng Công ty và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Ngày 21/07/2022, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản U&I đã ký hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển giao đất. Theo đó, các bên thống nhất hủy bỏ hợp đồng chuyển giao đất số 01/2016-HĐCG/PROTRADE-U&I ngày 14/10/2016. Khi hợp đồng bị hủy bỏ thì hợp đồng này không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận. Công ty Cổ phần Bất động sản U&I đã hoàn trả toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến toàn bộ phần diện tích 236.403,18 m² đã tiếp nhận từ Tổng Công ty thuộc dự án Khu dân cư đô thị Gò Chai. Tổng Công ty có trách nhiệm hoàn trả số tiền 53.473.519.613 đồng mà Công ty Cổ phần Bất động sản U&I đã thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng chuyển giao đất.

Ngày 01/08/2022, Tổng Công ty đã hoàn trả toàn bộ số tiền 53.473.519.613 đồng theo hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển giao đất số 01/2016-HĐCG/PROTRADE-U&I ngày 14/10/2016. Toàn bộ các nghiệp vụ phát sinh đã ghi nhận trong giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước được Tổng Công ty xử lý như sau:

- Ghi nhận giảm khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản U&I với số tiền là 204.512.681.143 đồng;
- Ghi nhận giá trị lũy kế chi phí đầu tư khu đất trên chỉ tiêu Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 39.245.272.627 đồng, chi tiết tại thuyết minh số 11;
- Khoản lợi nhuận 197,16 tỷ đồng từ việc chuyển giao đất đã ghi nhận trong giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước được ghi nhận giảm khoản lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước và có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa;
- Ghi nhận khoản phải thu hoàn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp là 61.014.602.231 đồng, trong đó bao gồm thuế giá trị gia tăng với số tiền 21.583.020.756 đồng và thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 39.431.581.475 đồng, chi tiết tại thuyết minh số 08. Tổng Công ty đã có công văn đề nghị Cục thuế tỉnh Bình Dương hướng dẫn thực hiện điều chỉnh. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Cục thuế tỉnh Bình Dương chưa có văn bản trả lời chính thức.

Hiện tại việc hủy hợp đồng nêu trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện, các nghĩa vụ liên quan sẽ được xử lý khi quyết toán cổ phần hóa.

43 . THÔNG TIN QUYẾT TOÁN SỐ LIỆU TẠI THỜI ĐIỂM CHÍNH THỨC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ vào Biên bản thẩm tra ngày 26/07/2019 của Văn phòng Tỉnh ủy và Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, cơ quan chủ quản là Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Thông báo số 216-TB/VPTU ngày 20/01/2020 về việc phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV. Trong đó một số nội dung chưa thống nhất sẽ được Tổng Công ty tiếp tục trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định, nếu có thay đổi sẽ được xem xét điều chỉnh vào giá trị khoản phải nộp ngân sách Nhà nước.

Theo phương án cổ phần hóa của Tổng Công ty được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt theo Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 28/12/2017, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương sẽ là đơn vị có thẩm quyền phê duyệt số liệu quyết toán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty. Tỉnh ủy Bình Dương đã có Công văn số 2433-CV/VPTU ngày 31/07/2020 đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt số liệu quyết toán tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đang lấy ý kiến tham mưu của các sở ngành liên quan và vẫn chưa có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2023 của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/10/2018.

44 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

45 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phần	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	881.795.073.955	236.018.285.200	38.641.825.700	1.156.455.184.855	1.156.455.184.855
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	170.822.056.492	189.018.927.859	(1.372.258.740)	358.468.725.611	358.468.725.611
Tổng chi phí mua TSCĐ	30.886.959.360	14.453.802.714		45.340.762.074	45.340.762.074
Tài sản bộ phận	4.535.012.235.626	1.213.269.317.846	84.106.813.521	5.832.388.366.993	5.832.388.366.993
Tổng tài sản	4.535.012.235.626	1.213.269.317.846	84.106.813.521	5.832.388.366.993	5.832.388.366.993
Nợ phải trả của các bộ phận	1.126.199.237.084	491.421.454.572	13.841.945.175	1.631.462.636.831	1.631.462.636.831
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	219.754.835.126	219.754.835.126
Tổng nợ phải trả	1.126.199.237.084	491.421.454.572	13.841.945.175	1.851.217.471.957	1.851.217.471.957

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu tại Việt Nam, doanh thu của Tổng Công ty tại Vương quốc Campuchia chiếm tỷ trọng thấp. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính đã được trình bày tại Thuyết minh số 26 và 28. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

46 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh ở trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		4.049.361.095	2.299.107.957
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	2.992.319.000	1.737.790.000
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Công ty liên kết	586.346.176	400.666.456
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	389.958.699	160.651.501
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	Đại diện vốn của cổ đông Nhà nước	20.820.543	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	8.802.420	-
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	Công ty liên kết	51.114.257	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		4.214.478.815	2.430.803.049
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	247.096.172	197.671.574
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	1.177.847.422	1.117.317.387
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	Đại diện vốn của cổ đông Nhà nước	2.789.535.221	1.115.814.088
Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia		74.494.254.000	126.900.000.000
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	Công ty liên kết	39.000.000.000	126.900.000.000
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	35.494.254.000	-
Lãi cho vay		-	7.607.091.886
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	-	7.607.091.886
Thu hồi nợ cho vay		26.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	26.800.000.000	-

Thế chấp tài sản

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành, công ty liên kết của Tổng Công ty đã sử dụng tài sản của mình là các Quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 594927, BO 594926 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/08/2013 với tổng diện tích 624.059,8 m² để bảo lãnh cho khoản vay của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ("BIDV") theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/4486227/HĐBĐ ngày 06/11/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02.01/2019/4486227/HĐBĐ ngày 28/05/2019. Theo Bản án số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, Tòa án đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương thu hồi khu đất 145 ha thuộc phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để giao cho Tỉnh ủy Bình Dương quản lý, sử dụng theo đúng quy định pháp luật. BIDV có trách nhiệm phải bàn giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất 145ha, bao gồm hai giấy chứng nhận nêu trên, cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, việc bàn giao chưa được thực hiện do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương chưa có quyết định thu hồi.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCPA128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch HĐQT	1.161.476.570	1.080.000.000
Ông Lê Trọng Nghĩa	Tổng Giám đốc	945.476.570	840.000.000
Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên HĐQT	321.476.570	-
Ông Trần Việt Anh	Thành viên HĐQT	321.476.570	-
Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên HĐQT	321.476.570	-
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT	321.476.570	-
Ông Võ Hồng Cường	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	138.037.681	-
Ông Lê Văn Minh	Thành viên BKS	309.483.150	-
Ông Nguyễn Ngọc Trường Long	Thành viên BKS	259.148.504	-
Ông Cao Hoàng Đê	Thành viên BKS	259.148.504	-
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Kế toán trưởng	488.400.000	608.400.000

Ngoài các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

47 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



Trần Vĩnh Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Phượng

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Trọng Nghĩa

**TỔNG CÔNG TY SX-XNK
BÌNH DƯƠNG – CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39 /CV-TCTY

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2024

(V/v: giải trình chênh lệch LNST giữa báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 và ý kiến ngoại trừ.)

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên đăng ký giao dịch: Tổng Công Ty Sản Xuất - Xuất Nhập Khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần.
- Địa chỉ trụ sở chính: A128, đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thành Phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0274 3755243 Fax: 0274 3755040
- Mã chứng khoán: PRT

Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét năm 2023 của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần.

Chúng tôi xin giải trình về việc chênh lệch LNST giữa báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 và ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán viên như sau:

- LNST báo cáo hợp nhất đã được soát xét năm 2023: 118.510.410.966 đồng.
- LNST báo cáo hợp nhất đã được soát xét năm 2022: 317.243.205.879 đồng.

I. Giải trình chênh lệch LNST giữa báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

Nguyên nhân:

1. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 449 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 27,96%, Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 364,7 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 31,37% chủ yếu do tình hình hoạt động kinh doanh tại các đơn vị thành viên gặp khó khăn. Điều này dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 84,24 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 19,03%.

2. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 34,25 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 41,32% chủ yếu do giảm lãi chênh lệch tỷ giá và giảm lãi tiền gửi, lãi cho vay tại các đơn vị thành viên.

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2023 tăng khoảng 101,3 tỷ đồng, tương ứng tăng 61,08%. Nguyên nhân là do theo Nghị quyết số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng Công ty đã thống nhất phê duyệt cho phép Tổng Công ty được thực hiện trích lập dự phòng khoản



phải thu tiền sử dụng đất theo Bản án số 912/2022/HSPT ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Quyết định thi hành án số 681/QĐ-CTHADS ngày 20/02/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội và kiến nghị của kiểm toán nhà nước khu vực 4 với tổng số tiền Tổng Công ty phải nộp bổ sung là: 1.060.224.751.454 đồng và phân bổ trong khoảng 15 năm, bắt đầu kể từ năm 2023 tại từng thời điểm lập báo cáo tài chính. Do đó trong năm 2023, Tổng Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng chi phí này với tổng số tiền là 70.681.650.096 đồng.

II. Giải trình ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của năm 2023 như sau:

1. Theo nội dung tại thuyết minh số 42a và 42c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, liên quan đến hoạt động chuyển giao đất và hủy hợp đồng chuyển giao đất đối với Công ty TNHH Phát Triển và Công ty Cổ phần Bất động sản U&I, các giao dịch nêu trên đã được thực hiện căn cứ theo chủ trương đã được Tỉnh ủy Bình Dương chấp thuận và theo thỏa thuận giữa các bên. Lợi nhuận từ các giao dịch chuyển nhượng do phát sinh trước giai đoạn cổ phần hóa nên đã được Tổng Công ty điều chỉnh giảm trừ số dư công nợ lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước tại thuyết minh số 22. Đồng thời tại thuyết minh số 22 (ghi chú (1)), Tổng Công ty đang trình bày việc điều chỉnh giảm số dư công nợ lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước trong năm 2023 với số tiền 3,396 tỷ VND tương ứng với tiền chậm nộp tiền sử dụng đất theo Quyết định số 3832/QĐ-CTBDU ngày 20/09/2023 của Cục thuế tỉnh Bình Dương. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, số dư các khoản mục nêu trên chưa được đối chiếu xác nhận, đồng thời Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Giải trình:

+ Đối với hoạt động chuyển giao đất và hủy hợp đồng của Công ty TNHH Phát Triển, Công ty Cổ phần Bất động sản U&I:

Liên quan đến hoạt động chuyển giao đất và hủy hợp đồng đối với Công ty TNHH Phát Triển và Công ty Cổ phần Bất động sản U&I. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tổng công ty đã tiến hành hủy bỏ giao dịch, điều chỉnh hồi tố giảm khoản lợi nhuận phải nộp về cho Chủ sở hữu. Hiện nay vụ việc đang chờ hướng dẫn thực hiện của cấp có thẩm quyền và sẽ được xử lý xem xét quyết toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền khi phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do đó KTV không đánh giá được ảnh hưởng của giao dịch nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất này.

+ Đối với hoạt động chuyển giao đất Công ty Cổ phần An Bình:

Trong năm 2016, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đã ký hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 15/08/2016 với Công ty Cổ phần An Bình. Ngày 25/08/2016, Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành công văn số 457-CV/TU về đồng ý chủ trương cho Tổng Công ty được chuyển giao 15 ha đất tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho An Bình để làm dịch vụ kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.

Ngày 22/12/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3536/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý để giao cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một. Tổng Công

ty đã ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến giao dịch này trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa. Đến thời điểm 01/01/2019, Tổng Công ty đang ghi nhận một khoản phải thu Công ty Cổ phần An Bình với số tiền 65 tỷ VND, thời hạn thu hồi của khoản phải thu này phụ thuộc vào tiến độ thực hiện thủ tục chuyển giao đất của cơ quan có thẩm quyền.

Tuy nhiên, vào ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh nêu trên, tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này các ban ngành vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể để xử lý vấn đề này. Vì các yếu tố không chắc chắn nêu trên liên quan đến khả năng thu hồi khoản phải thu CTCP An Bình (60 tỷ), KTV không đánh giá được khả năng thu hồi công nợ này.

+ Đối với việc điều chỉnh giảm số dư công nợ lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước trong năm 2023 với số tiền 3,396 tỷ VND

Căn cứ Quyết định số 3832/QĐ-CTBDU ngày 20/09/2023 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương về việc cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính về Quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản/yêu cầu phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, Tổng Công ty còn nợ thuế là 144.128.123.321 đồng, trong đó gồm 140.731.036.794 đồng tiền chậm nộp theo kiến nghị của KTTN khu vực IV và 3.396.941.327 đồng tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất dự án Khu phức hợp Twin Doves Golf & Resort theo Kết luận số 1249/KL-TTTP ngày 30/05/2014 của Thanh tra Chính phủ, khoản tiền 3.396.941.327 đồng thuộc giai đoạn Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV, Tổng Công ty sẽ quyết toán với Văn phòng Tỉnh ủy. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do đó, KTV không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất của chúng tôi.

2. Chúng tôi không đánh giá được tính phù hợp của giao dịch góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành ("Tân Thành"), việc tính lãi tiền ứng vốn liên quan và khả năng thu hồi của khoản phải thu này, thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 41b của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại thời điểm 31/12/2023, khoản phải thu này đã quá hạn tuy nhiên Tổng Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này. Cũng liên quan đến Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành, tại thuyết minh số 07 và 08 đang trình bày số dư các khoản cho vay và tiền lãi tương ứng đã quá hạn của Tân Thành với số tiền tại thời điểm 31/12/2023 lần lượt là 148,55 tỷ đồng và 57,03 tỷ đồng, số dự phòng đã trích lập tương ứng là 56,29 tỷ đồng. Trong năm 2023 Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi phát sinh tương ứng với dự nợ gốc cho Tân Thành vay.

Giải trình:

Khoản tiền lãi tạm tính (115 tỷ đồng) theo thỏa thuận giữa Tổng Công ty và Công ty CP Đầu tư Phát triển Tân Thành dựa trên khoản vay 144 tỷ đồng phát sinh trước giai đoạn chuyển sang công ty cổ phần đã được Tỉnh ủy Bình Dương xác nhận giảm trừ công nợ phải trả nhưng chưa được quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty. Đối với khoản phải thu về cho vay số dư nợ gốc là 148,55 tỷ đồng và lãi phát sinh 57,03 tỷ đồng, tất cả những khoản này đều đã đến hạn phải thu vào 31/12/2022, theo báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Tân Thành, tổng số nợ phải trả là 648 tỷ đồng. Công ty Tân Thành hiện đang mất cân đối tài chính nghiêm trọng, bên cạnh đó Công ty Tân Thành đang vướng vấn đề về pháp lý và cơ cấu cổ đông do liên quan đến bản án 327/2022/HSST

48166
CÔNG TY
V XUẤT-
NHẬP KH
H DƯƠNG
CÔNG TY
CỔ PHẦN
N AN-T. B

ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và Bản án phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Dẫn đến việc Công ty Tân Thành chưa thu xếp được nguồn tiền để trả nợ cho Tổng Công ty. Do đó, KTV không đánh giá được tính phù hợp của khoản nợ gốc và lãi vay quá hạn nêu trên.

3. Theo nội dung được trình bày tại thuyết minh số 08 và 41c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty phải nộp truy thu tiền sử dụng đất do áp sai đơn giá và tiền phạt chậm nộp tương ứng theo bản án của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, thông báo của Cục thuế Bình Dương và thông báo của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội với tổng số tiền là 1.060,22 tỷ đồng. Tổng số tiền Tổng Công ty đã nộp và được khấu trừ là 1.060,22 tỷ đồng, trong đó 806,17 tỷ đồng nộp bằng tiền trong năm nay và 254 tỷ đồng được cơ quan thi hành án khấu trừ, số được khấu trừ bao gồm: Số tiền 128,36 tỷ đồng do các cá nhân có liên quan nộp khắc phục hậu quả thông qua Tổng Công ty; Số tiền 125,694 tỷ đồng Tổng Công ty đã tạm nộp trong năm 2019, trong đó bao gồm số dư phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú mà chúng tôi đã nêu ý kiến ngoại trừ các năm trước (xem thêm tại thuyết minh số 08 và 41a). Tổng số tiền Tổng Công ty đã thực nộp và được khấu trừ nêu trên (không bao gồm số phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú) được ghi nhận trên khoản mục "Phải thu khác - Phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa" và được trích lập dự phòng tương ứng vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay là 70,68 tỷ đồng (thuyết minh số 08 và số 32) căn cứ theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023, đồng thời số tiền các cá nhân đã nộp khắc phục hậu quả thông qua Tổng Công ty là 128,356 tỷ đồng được ghi nhận khoản phải trả trên khoản mục "Phải trả khác" (thuyết minh 22). Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp và chính xác cũng như khả năng thu hồi của khoản Phải thu khác - Phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa và số dư dự phòng tương ứng, số dư phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú cũng như việc ghi nhận khoản phải trả cho các cá nhân liên quan đến bản án. Chúng tôi cũng chưa xác định được việc có cần ghi nhận bổ sung nghĩa vụ tiền sử dụng đất và tiền phạt chậm nộp (nếu có) liên quan đến các khoản truy thu tiền sử dụng đất của các lô đất khác theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV năm 2017 và ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Giải trình:

Liên quan đến khoản tiền sử dụng đất phải nộp theo kiến nghị của KTNN khu vực IV tại Báo cáo kiểm toán về việc quản lý và sử dụng đất đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013 - 2016 ngày 15/08/2017; Thông báo số 16592/TB-CTBDU ngày 01/11/2021 của Cục thuế Bình Dương; Bản án hình sự sơ thẩm số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và Bản án hình sự phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Quyết định số 681/QĐ-CTHADS về việc thi hành án chủ động đối với Tổng Công ty:

Tổng số tiền mà Tổng Công ty phải nộp là 1.060,20 tỷ, đến thời điểm phát hành báo cáo này Tổng Công ty đã thực hiện nộp và được khấu trừ 1.060,22 tỷ đồng. Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh liên quan đến tiền sử dụng đất, tiền chậm nộp nêu trên liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa thuộc về Công ty TNHH, tuy nhiên việc thực hiện nộp số tiền này Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ

phần hóa, do đó để có cơ sở ghi nhận, theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023, tổng số tiền 1.060,22 tỷ đồng phải nộp phát sinh, để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty đã quyết nghị thông qua việc ghi nhận khoản phải thu số tiền Tổng Công ty tạm nộp nêu trên để chờ xử lý khi có kết quả quyết toán cổ phần hóa chính thức. Đồng thời quyết nghị tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tổng Công ty sẽ trích lập khoản dự phòng cho phải thu này trên nguyên tắc dự phòng phân bổ đều cho 15 năm, bắt đầu từ năm 2023 để tránh biến động kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần, trong trường hợp khoản phải thu này không được cơ quan có thẩm quyền quyết toán đưa vào phần vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa. Trường hợp theo kết quả quyết toán cổ phần hóa mà tổng số tiền Tổng Công ty đã tạm nộp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận ghi nhận vào phần vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ xử lý hoàn nhập lại số dự phòng đã trích tương ứng do đó KTV chưa thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tổng Công ty đang trình bày giá trị bất động sản đầu tư nắm giữ với mục đích chờ tăng giá là quyền sử dụng đất có tổng giá trị 78 tỷ đồng tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích là 10.547 m² theo nội dung tại Thuyết minh số 14 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023. Bất động sản đầu tư này được mua trước giai đoạn Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần và vẫn chưa hoàn tất thủ tục sang tên chủ sở hữu cho Tổng Công ty.

Giải trình:

Tổng Công ty đã thanh toán tiền mua bất động sản trị giá 78 tỷ đồng nhưng chưa đăng ký sang tên từ chủ sở hữu cũ. Toàn bộ giá trị bất động sản đầu tư của khu đất này được mua trước thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển sang mô hình công ty cổ phần. Đến thời điểm hiện tại Tổng Công ty vẫn chưa thực hiện thủ tục sang tên cho Tổng Công ty vì vẫn đang chờ hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền liên quan đến vấn đề pháp lý của khu đất.

5. Các lô đất tại xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương mà Tổng Công ty đã mua trước thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần đã được Tổng Công ty bàn giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Chi phí đầu tư của các lô đất này đang được theo dõi trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" - Quyền sử dụng đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương (chi tiết tại thuyết minh số 11 - ghi chú (2) của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất), việc xử lý khoản chi phí này đang được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét phê duyệt.

Giải trình

Tổng Công ty đang chờ hướng dẫn của các Sở ban ngành để thực hiện chủ trương hoàn trả khu đất này về cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 02/10/2023, theo hướng người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Đất Đai năm 2013, do khu đất này được Tổng Công ty nhận chuyển nhượng vào giai đoạn trước cổ phần hóa, vấn đề tài chính liên quan khu đất sẽ giao cho Sở Tài Chính xác định, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt, do đó đến thời điểm phát hành báo cáo này, giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất bản chính Tổng Công ty đã nộp cho Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, đối với chi phí hình thành của khu đất, Tổng Công ty vẫn đang chờ cấp có thẩm quyền

hướng dẫn thực hiện. Ngay sau khi nhận được sự hướng dẫn, xử lý từ các Sở ban ngành liên quan, Tổng Công ty sẽ thực hiện ghi nhận giảm sổ sách giá trị khu đất theo đúng quy định.

6. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/10/2018, xem chi tiết tại thuyết minh số 43.

Giải trình:

Tổng Công ty vẫn đang chờ phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cơ quan có thẩm quyền.

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và giải trình các ý kiến ngoại trừ, vấn đề cần nhấn mạnh tại báo cáo tài chính hợp nhất của năm 2023 đã được soát xét. Tổng Công ty xin giải trình để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được rõ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu văn thư.

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ TRỌNG NGHĨA